# PHỤ LỤC 01

# TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ VÀ ĐỊA PHƯƠNG TRONG VÙNG VỚI HỒ SƠ QUY HOẠCH TỈNH THỪA THIÊN HUẾ THỜI KỲ 2021-2030,TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

[PHỤ LỤC 1 1](#_Toc141687132)

[TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý BỘ BAN NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG TRONG VÙNG VỚI HỒ SƠ QUY HOẠCH TỈNH THỪA THIÊN HUẾ THỜI KỲ 2021-2030,TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 1](#_Toc141687133)

[I. Ý kiến các Bộ và cơ quan ngang Bộ 3](#_Toc141687134)

[1. Bộ Công An (CV số 468/BCA-ANKT ngày 27/02/2023) 3](#_Toc141687135)

[2. Bộ Quốc phòng (CV số 302/BQP-TM ngày 08/02/2023) 7](#_Toc141687137)

[3. Bộ Y tế (CV số 1619/ BYT-KH-TC ngày 24/3/2023) 8](#_Toc141687138)

[4. Bộ Nội vụ (CV số 1308 /BNV - CQĐP ngày 25/3/2023) 11](#_Toc141687140)

[5. Bộ Thông tin truyền thông (CV số 1018 /BTTTT-VCL ngày 28/3/2023) 12](#_Toc141687141)

[6. Thanh tra chính phủ (CV số 828/TTCP-CII ngày 29/3/2023) 16](#_Toc141687142)

[7. Ngân hàng nhà nước (CV ngày 2159-NHNN-TD ngày 28/3/2023) 17](#_Toc141687143)

[8. Bộ Ngoại Giao (CV số 1330/BNG-THKT ngày 29/3/2023) 18](#_Toc141687144)

[9. Bộ Khoa học công nghệ (CV số 942/KHCN-ĐTG ngày 06/4/2023) 22](#_Toc141687145)

[10. Bộ Tài nguyên và môi trường (CV số 2334/BTNMT-KHTC ngày 06/4/2023) 23](#_Toc141687146)

[11. Bộ Tư pháp (CV số 1125/BTP-PLDSKT ngày 29/3/2023) 39](#_Toc141687147)

[12. Bộ Lao động thương binh xã hội (CV số 1232/LĐTBXH-KHTC ngày 07/4/2023) 41](#_Toc141687148)

[13. Bộ Tài chính (CV số 3524/BTC-NSNN ngày 12/4/2023) 44](#_Toc141687149)

[14. Bộ Kế hoạch và đầu tư (CV số 3247/BKHĐT-QLQH ngày 27/4/2023) 47](#_Toc141687150)

[15. Bộ Xây dựng (CV số 1576/BXD-QHKT ngày 21/4/2023) 57](#_Toc141687151)

[16. Bộ Giáo dục và đào tạo (CV số /BGTVT-KHĐT ngày /4/2023) 66](#_Toc141687152)

[17. Bộ Giao thông vận tải (CV số 4261/BGTVT-KHĐT ngày 25/4/2023) 73](#_Toc141687153)

[18. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (CV số 2364/BNN-KH ngày 14/4/2023) 77](#_Toc141687154)

[19. Bộ Văn hoá thể thao và du lịch (CV số 1857/BVHTTDL-KHTC ngày 12/5/2023) 84](#_Toc141687155)

[20. Bộ Công thương (CV số 3692/BCT-KHTC ngày 14/6/2023) 91](#_Toc141687156)

[II. Ý kiến các địa phương trong vùng 99](#_Toc141687157)

[1. Tỉnh Thanh Hoá (CV số 1766/SKHĐT-THQH ngày 29/3/2023) 99](#_Toc141687158)

[2. Tỉnh Nghệ An (CV số 2006/UBND-KT ngày 23/3/2023) 101](#_Toc141687159)

[3. Tỉnh Quảng Ngãi (CV số 489/SKHĐT-TH ngày 21/3/2023) 102](#_Toc141687160)

[4. UBND Tỉnh Quảng Trị (CV số 645/SKH-TH ngày 30/3/2023) 103](#_Toc141687161)

[5. Tỉnh Quảng Bình (CV số 543/UBND-TH ngày 28/3/2023) 106](#_Toc141687162)

[6. Thành phố Đà Nẵng (CV số 1707/UBND-SKHĐT ngày 07/4/2023) 107](#_Toc141687163)

[7. Tỉnh Quảng Nam (CV số 1672/UBND-TH ngày 23/3/2023) 110](#_Toc141687164)

[8. Tỉnh Ninh Thuận 110](#_Toc141687165)

[9. Tỉnh Hà Tĩnh 112](#_Toc141687166)

[10. Tỉnh Khánh Hoà 113](#_Toc141687167)

[11. Tỉnh Bình Định (CV số 647/SKHĐT-TH ngày 24/3/2023) 114](#_Toc141687168)

[12. Tỉnh Bình Thuận 114](#_Toc141687169)

# Ý kiến các Bộ và cơ quan ngang Bộ

## Bộ Công An (CV số 468/BCA-ANKT ngày 27/02/2023)

| **Stt** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | 1. Đánh giá, tham gia ý kiến chung  - Về cơ bản, dự thảo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế đã bám sát quy định của Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch (Nghị định số 37) và phù hợp với Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020. | Hồ sơ QHT đã được cập nhật đảm bảo đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy đinh tại Điểm a khoản 4 Điều 32 Nghị định số 37. |
| 2 | - Thừa Thiên Huế là tỉnh thuộc khu vực Bắc Trung Bộ, bao gồm phần đất liền, hải đảo và phần lãnh hải thuộc thềm lục địa biển Đông, có đường bờ biển dài 120km và có đường biên giới với nước bạn Lào. Tỉnh Thừa Thiên Huế có vị trí trung tâm của cả nước, là một trong 5 tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm miền Trung giữ vai trò trọng yếu về an ninh quốc gia. Đây là địa bàn trọng điểm để các thế lực thù địch, tổ chức phản động lợi dụng làm địa bàn hoạt động; các cơ quan đặc biệt nước ngoài lợi dụng hoạt động, núp bóng dưới danh nghĩa các nhà đầu tư, hoạt động giao thương để tiến hành các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia. Do đó, việc xây dựng, triển khai thực hiện quy hoạch cần tính toán đến các yếu tố này để vừa đảm bảo phát triển kinh tế, xã hội vừa giữ vững an ninh quốc gia, đảm bảo an sinh xã hội cho người dân, tránh dẫn đến những phức tạp liên quan đến an ninh trật tự. Bên cạnh đó, việc triển khai các hoạt động, các dự án, công trình liên quan khu vực biên giới giáp Lào cần thực hiện theo Nghị định thư về đường biên giới và mốc quốc giới Việt Nam - Lào; Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới và cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam - Lào; quan tâm bố trí lực lượng Công an phù hợp nhằm đảm bảo an ninh trật tự khu vực biên giới, gắn nhiệm vụ hợp tác kinh tế với nhiệm vụ hợp tác đảm bảo an ninh - quốc phòng với các tỉnh đối biên của Lào; việc phát triển hệ thống cửa khẩu gắn với việc đảm bảo an ninh trật tự, đấu tranh có hiệu quả các loại tội phạm, hành vi vi phạm pháp luật khu vực biên giới. | Đã được nêu tại vị thế, vai trò của Thừa Thiên Huế đối với vùng và quốc gia (mục 3.1, chương 1, phần II) trong nội dung đánh giá tổng hợp (mục VIII, chương 2, phần II) và trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch đã tính toán đến các yếu tố này để vừa đảm bảo phát triển kinh tế, xã hội vừa giữ vững an ninh quốc gia, đảm bảo an sinh xã hội. |
| 3 | - Liên quan đến công tác bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế cần đáp ứng các mục tiêu như: (1) Xây dựng hệ thống xử lý nước thải theo quy hoạch và tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật; (2) Xây dựng phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng (chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, chất thải sinh hoạt, nước thải sinh hoạt...) bảo đảm quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; (3) Kiểm soát, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, giảm dần các nguồn gây ô nhiễm môi trường; khắc phục, cải tạo môi trường các khu vực đã bị ô nhiễm, suy thoái, tiếp tục cải thiện chất lượng môi trường sống; (4) Ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ để khắc phục tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, nâng cao hiệu quả quản lý môi trường, cảnh báo nguy cơ ô nhiễm và sự cố môi trường; (5) Chủ động ứng phó và khắc phục tác động của biến đổi khí hậu để phát triển bền vững. | Tiếp thu góp ý, nội dung của các phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và và Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu đã đáp ứng được các mục tiêu theo góp ý, cụ thể được trình bày tại mục I và mục IV, Chương 11, phần II. |
| 4 | - Việc quy hoạch, triển khai thực hiện các đề án, kế hoạch, dự án trên địa bàn cần đảm bảo tính phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch ngành quốc gia; không quy hoạch chồng lấn vào các khu vực liên quan đến an ninh, quốc phòng, khu vực phòng thủ và đảm bảo chủ quyền biên giới, lãnh thổ. | Đã đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, QH ngành quốc gia, quy hoạch vùng. |
| 5 | - Đề nghị cơ quan lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế bổ sung đầy đủ thành phần hồ sơ gửi xin ý kiến quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 32 Nghị định số 37. | Hồ sơ QHT đã được cập nhật đảm bảo đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy đinh tại Điểm a khoản 4 Điều 32 Nghị định số 37. |
| 6 | 2. Một số nội dung tham gia cụ thể  - Về Các căn cứ lập quy hoạch (trang 2 Báo cáo tổng hợp), đề nghị ra soát, bổ sung một số văn bản liên quan đến công tác quốc phòng, an ninh sau: Nghị quyết số 51-NQ/TW ngày 05/9/2019 của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia; Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 05/01/2017 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo an ninh kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế; Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2001, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy năm 2013 và các văn bản hướng dẫn liên quan; Nghị định số 22/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ về Khu kinh tế - quốc phòng; Nghị định số 21/2019/NĐ-CP ngày 22/2/2019 của Chính phủ về khu vực phòng thủ; Nghị định số 02/2019/NĐ- CP ngày 02/01/2019 của Chính phủ về phòng thủ dân sự; Chỉ thị số 10/CT- TTg ngày 31/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong lĩnh vực du lịch trong tình hình mới...  Ngoài ra, đề nghị cập nhật, bổ sung căn cứ lập quy hoạch như: Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030; Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Luật đa dạng sinh học, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều... | Đã chỉnh sửa lại các căn cứ pháp lý tại mục II, Phần I về các căn cứ lập quy hoạch. |
| 7 | - Về Sự cần thiết lập Quy hoạch (trang 2 Báo cáo tổng hợp), nên nghiên cứu, bổ sung các lý do như: Sự thay đổi của bối cảnh quốc tế, khu vực, tình hình trong nước đặt ra những yêu cầu phát triển trong những năm tới; các quy hoạch cũ có những nội dung không còn phù hợp với thực tế, điều kiện và yêu cầu phát triển của tỉnh; cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng và các quy hoạch ngành, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh... | Tiếp thu góp ý, các phân tích về sự thay đổi của bối cảnh quy hoạch trong nước và quốc tế và các điều kiện phát triển của tỉnh thuộc phần II – Nội dung quy hoạch, đã được nêu tại mục III, Chương 1, Phần II. |
| 8 | - Về quan điểm, nguyên tắc lập quy hoạch (trang 5 Báo cáo tổng hợp), đề nghị nghiên cứu, rà soát bổ sung một số nội dung như: (1) Việc lập quy hoạch phải đảm bảo phù hợp, thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng của chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và bền vững; các điều ước quốc tế mà Việt Nam là nước thành viên; bảo đảm tính dân chủ, liên tục, kế thừa, ổn định trong hệ thống quy hoạch quốc gia; 2) Phải phù hợp với khả năng huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực của địa phương và các nguồn lực từ bên ngoài; (3) Đảm bảo kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế. | Quan điểm và nguyên tắc lập quy hoạch đã được rà soát đảm bảo các yêu cầu theo Quyết định 646/QĐ-TTg ngày 20/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt NVLQH tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. |
| 9 | - Về quy hoạch sử dụng đất an ninh:  + Đối với hiện trạng sử dụng đất an ninh, theo số liệu thống kê của Bộ Công an, tổng diện tích đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (tính đến tháng 8/2022) do Bộ Công an đang quản lý, sử dụng là 2.226,20 ha, trong đó có 1.739,79 ha đất an ninh và 486,41 ha đất khác. Tuy nhiên, tại Bảng 22 (trang 118 Báo cáo tổng hợp), số liệu hiện trạng tổng diện tích đất an ninh 1.746 ha là chưa thống nhất với số liệu quản lý của Bộ Công an. Do đó, đề nghị cơ quan lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế rà soát, hiệu chỉnh số liệu hiện trạng về đất an ninh theo số liệu của Bộ Công an.  + Đối với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất an ninh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, số liệu tại Bảng 57 (trang 543 Báo cáo tổng hợp) là 1.843 ha, thấp hơn 422 ha so với chỉ tiêu đất an ninh đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 (2.265,00 ha).  Mặt khác, hiện nay Bộ Công an đang triển khai lập quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên toàn quốc. Theo đó, dự kiến quy hoạch sử dụng đất an ninh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030 là 2.346,87 ha (số lượng vị trí, diện tích cụ thể sẽ được thống nhất và thể hiện trong quy hoạch sử dụng đất an ninh), cao hơn 81,87 ha so với chỉ tiêu đất an ninh đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg.  Do đó, đề nghị UBND tỉnh Thừa Thiên Huế chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch tỉnh nghiên cứu, rà soát bổ sung thông tin hiệu chỉnh số liệu diện tích đất quy hoạch đất an ninh trên địa bàn tỉnh theo số liệu dự kiến của Bộ Công an. Bộ Công an sẽ phối hợp Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh Thừa Thiên Huế báo cáo Thủ tướng Chính phủ thực hiện điều chỉnh chỉ tiêu phân bổ đất an ninh giữa các địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Luật Quy hoạch và quy định tại Điều 3 Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.  + Diện tích đất an ninh 10,4288 ha chuyển giao về địa phương quản lý để phát triển kinh tế, xã hội tại mục b trang 549 của dự thảo Báo cáo tổng hợp là phù hợp với số liệu của Bộ Công an. | Thời kỳ đánh giá thực trạng quy hoạch là giai đoạn 2011-2020, do đó số liệu hiện trạng sử dụng đất đầu kỳ quy hoạch được sử dụng theo số thống kê đất đai năm 2020 của tỉnh đã được công bố, số liệu năm 2022 sẽ được dùng để tham khảo trong quá trình xây dựng quy hoạch.    Tiếp thu ý kiến của Quý Bộ, đồng thời thực hiện Công điện 360/CĐ-TTg ngày 20/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã có Báo cáo số 194 /BC-UBND ngày 19/5/2023 gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để xin ý kiến điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất trong đó có chỉ tiêu sử dụng đất an ninh đảm bảo theo quy định. |
| 10 | - Về quy hoạch phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy:  + Dự thảo Báo cáo quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã có nội dung đánh giá thực trạng hạ tầng phòng cháy và chữa cháy theo các đối tượng quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2231/QĐ-TTg ngày 28/12/2021; đã xây dựng phương án phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy trong thời kỳ quy hoạch, trong đó xác định nhu cầu, phương án, kế hoạch sử dụng đất để phát triển mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình phục vụ công tác phòng cháy và chữa cháy. Tuy nhiên, nội dung quy hoạch chưa bố trí dự án ưu tiên đầu tư cho hạ tầng phòng cháy và chữa cháy.`1`  Đề nghị cơ quan lập quy hoạch nghiên cứu, bố trí dự án cụ thể ưu tiên phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy và bổ sung vào Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế. | Tiếp thu ý kiến của Quý Bộ, trong thời kỳ quy hoạch, tỉnh sẽ bố trí vốn để đầu tư cho các dự án hạ tầng phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn. Tuy nhiên, đối với danh mục dự án ưu tiên đầu tư, Tỉnh tập trung vào các dự án hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh. |
| 11 | + Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế đã có nội dung “Phương án phát triển mạng lưới cơ sở phòng cháy, chữa cháy” tại điểm 4 khoản V phần III của Điều 1; đề nghị cơ quan lập quy hoạch điều chỉnh nội dung thành “Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy” và hoàn thiện nội dung theo các đối tượng quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2231/QĐ- TTg ngày 28/12/2021. | Tiếp thu ý kiến và điều chỉnh thành “Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy” |
| 12 | - Theo Đề án tổng thể Phát triển mạng lưới y tế Công an nhân dân đến năm 2030 của Bộ Công an, trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế có 03 cơ sở y tế Công an nhân dân gồm: Bệnh xá Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, Bệnh xá Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, Bệnh xá Trại giam Bình Điền. Các cơ sở y tế của ngành Công an là cơ sở khám chữa bệnh ban đầu, thực hiện chức năng y tế dự phòng cho cán bộ chiến sỹ Công an nhân dân, can phạm, phạm nhân do lực lượng Công an quản lý, đồng thời tham gia công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân theo quy định của Bộ Công an và Bộ Y tế. Do đó, đề nghị cơ quan lập quy hoạch bổ sung thông tin về các cơ sở y tế của Công an nhân dân trong phần nội dung đánh giá thực trạng, kết quả đạt được và phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế. | Tiếp thu ý kiến của Quý Bộ, tuy nhiên, các cơ sở này không thuộc cơ sở khám chữa bệnh cho người dân mà phục vụ riêng cho ngành công an, vì vậy, tỉnh tiếp thu và bổ sung các cơ sở này vào nội dung “Các cơ sở thuộc quản lý của Công an và quân đội” thuộc mục Mạng lưới cơ sở khám chữa bệnh (mục 5.1.1, Chương 1, phần II) |
| 13 | - Liên quan đến các nội dung về bảo vệ tài nguyên, môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó, thích ứng biến đổi khí hậu:  + Đối với nội dung đánh giá thực trạng khu xử lý chất thải, báo cáo mới đưa ra số liệu tổng hợp về thực trạng phát sinh chất thải, chưa nêu được phương án thu gom, phân loại chất thải trên địa bàn tỉnh; phương án xử lý chất thải chỉ mới nêu chung chung tại một số địa bàn, chưa toàn diện. Đề nghị cơ quan lập quy hoạch nghiên cứu, bổ sung số liệu cụ thể về hiện trạng thu gom, phân loại chất thải, các phương án xử lý chất thải rắn đối với các đơn vị trên địa bàn tỉnh. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung vào thực trạng xử lý chất thải rắn (mục 4.7.1, chương 2, phần II) |
| 14 | + Đối với phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật tại mục 9 Phần thứ 2 (trang 428 Báo cáo tổng hợp), đề nghị nghiên cứu, bổ sung nội dung: Phương án phát triển mạng lưới thu gom, phân loại và xử lý chất thải rắn tại nguồn. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung tại Phương án phát triển hạ tầng xử lý CTR (mạng lưới thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý CTR) (mục VIII, Chương 7, phần II ) |
| 15 | + Tại điểm 2 mục IV.4.5.1 (trang 462 Báo cáo tổng hợp), đề nghị nghiên cứu bổ sung, chỉnh sửa như sau: Chủ trì, phối hợp triển khai Chương trình, nhiệm vụ liên quan đến quản lý tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, khắc phục tình trạng ô nhiễm tại các đoạn sông, nguồn nước bị ô nhiễm hoặc chưa đáp ứng được mục đích sử dụng; kiểm soát các nguồn thải hiện có và nguồn thải mới phát sinh. Phục hồi nguồn nước dưới đất bị suy thoải cạn kiệt; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm từ các nguồn thải. Các nguồn nước thải khi xả vào nguồn nước phải được xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên nước mặt và nước dưới đất; dự báo khí tượng thủy văn, bảo vệ chất lượng nước. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung vào mục 4.5.1, Chương 7, phần II. |

## Bộ Quốc phòng (CV số 302/BQP-TM ngày 08/02/2023)

| **Stt** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Để xác định các khu quân sự và lập Hợp phần quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội tích hợp vào hệ thống quy hoạch tỉnh, Bộ Quốc phòng đã có văn bản số 1133/BQP-TM ngày 22/4/2021 gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để phối hợp thực hiện. Hiện nay, Bộ Quốc phòng đang tổ chức lập các quy hoạch ngành; các hợp phần quy hoạch của Bộ Quốc phòng và thực hiện điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc phòng theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025. Do vậy, quá trình hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đề nghị UBND tỉnh Thừa Thiên Huế - Cơ quan tổ chức lập Quy hoạch Tỉnh tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Quân khu 4 để kịp thời cập nhật đầy đủ các nội dung quy hoạch ngành của Bộ Quốc phòng và việc tích hợp các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho quốc phòng vào Quy hoạch tỉnh, làm cơ sở để Bộ Quốc phòng và UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phối hợp thực hiện nhiệm vụ kết hợp quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Nghị định số 164/2018/NĐ- CP ngày 21/12/2018 của Chính phủ và Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và chặt chẽ giữa quản lý ngành với quản lý lãnh thổ, không làm ảnh hưởng đến thế trận quân sự khu vực phòng thủ; công tác quản lý, sử dụng đất quốc phòng; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. | Tiếp thu góp ý, Tỉnh sẽ chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch phối hợp, cập nhật đầy đủ các nội dung quy hoạch ngành của Bộ Quốc phòng và việc tích hợp các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho quốc phòng vào Quy hoạch tỉnh. |
| 2 | Trong khi Quy hoạch tỉnh chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và Bản đồ xác định khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 chưa được Bộ Quốc phòng phê chuẩn, đề nghị UBND tỉnh Thừa Thiên Huế tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Bộ Quốc phòng thực hiện kết hợp quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội đã xác định tại các Quy hoạch thời kỳ 2011-2020 của Bộ Quốc phòng theo đúng quy định tại Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030. | Tiếp thu góp ý, Tỉnh sẽ phối hợp chặt chẽ với Bộ Quốc phòng thực hiện kết hợp quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội đã xác định tại các Quy hoạch thời kỳ 2011-2020 của Bộ Quốc phòng. |
| 3 | Bộ Quốc phòng giao Bộ Tư lệnh Quân khu 4 chỉ đạo Bộ CHQS tỉnh Thừa Thiên Huế phối hợp chặt chẽ với Cơ quan lập Quy hoạch tỉnh để thực hiện các nội dung liên quan đến tích hợp các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế vào Quy hoạch tỉnh theo đúng chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 9297/VPCP-CN ngày 06/11/2020 về tích hợp Quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội vào hệ thống quy hoạch tinh và các quy định về tích hợp quy hoạch của Bộ Quốc phòng. | Tiếp thu góp ý, cơ quan lập quy hoạch tỉnh sẽ liên tục phối hợp với Bộ chỉ huy quân sự để cập nhật và thống nhất với các nội dung quy hoạch đất quốc phòng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. |

## Bộ Y tế (CV số 1619/ BYT-KH-TC ngày 24/3/2023)

| **Stt** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | 1. Về đánh giá thực trạng phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe và thực trạng mạng lưới cơ sở y tế và chăm sóc sức khỏe tỉnh Thừa Thiên Huế  - Báo cáo cần bổ sung phân tích đánh giá về thực trạng năng lực và kết quả hoạt động của các cơ sở y tế theo từng lĩnh vực khám chữa bệnh, y tế dự phòng, kiểm nghiệm, giám định y khoa/giám định pháp y, dân số - kế hoạch hóa gia đình. Đặc biệt, đối với lĩnh vực khám chữa bệnh cần tập trung phân tích về năng lực cung ứng dịch vụ, quy mô giường bệnh, nhân lực y tế, phân bố không gian và khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của cơ sở y tế các tuyến. | Tiếp thu góp ý, Tỉnh đã bổ sung hiện trạng các lĩnh vực y tế trong Thực trạng phát triển y tế và chăm sóc sức khoẻ (mục 1.3.2, chương 2, phần II) và nhu cầu phát triển nhân lực y tế, năng lực cung ứng trong Phương án phát triển kết cấu hạ tầng y tế và chăm sóc sức khỏe (mục I, chương 8, phần II) |
| 2 | Đề nghị bổ sung phân tích dự báo về mô hình bệnh tật, quy mô giường bệnh, nhu cầu về số lượng nhân lực y tế (bác sỹ, điều dưỡng, dược sỹ) để làm cơ sở xác định định hướng và phương án quy hoạch cho từng phân kỳ cụ thể. | Tiếp thu góp ý vàđã bổ sung dự báo mô hình bệnh tật ở nội dung Phương hướng phát triển ngành y tế, chăm sóc sức khỏe (mục III, Chương IV, phần II); và quy mô giường bệnh ở nội dung Mạng lưới các cơ sở khám chữa bệnh (mục I, chương 8, phần II) |
| 3 | 2. Về phương hướng phát triển y tế và chăm sóc sức khỏe  - Đề nghị bổ sung Quan điểm và phạm vi quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong đó, xây dựng quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế tỉnh cần đảm bảo tính cân đối, đồng bộ, kết nối và hiệu quả giữa mạng lưới cơ sở y tế quốc gia với mạng lưới cơ sở y tế địa phương. Đảm bảo tính kế thừa, tận dụng tối đa các cơ sở hạ tầng hiện có, tối ưu hoá nguồn lực đầu tư, tiết kiệm, tránh lãng phí. Theo Luật Quy hoạch, đối tượng quy hoạch tỉnh sẽ tập trung vào các cơ sở y tế địa phương phù hợp với định hướng chung của ngành, các cơ sở tuyến trung ương đặt trên địa bàn tỉnh như Bệnh viện Trung ương Huế sẽ thuộc phạm vi quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế Quốc gia hiện đã được Bộ Y tế xin ý kiến các Bộ, ngành, 63 tỉnh/thành phố và đang trình Hội đồng thẩm định. | Tiếp thu góp ý, đã bổ sung quan điểm phát triển y tế ở trong Phương hướng phát triển ngành y tế, chăm sóc sức khỏe (mục III, Chương IV, phần II); |
| 4 | - Thừa Thiên Huế là tỉnh có tốc độ phát triển kinh tế còn chậm, thu nhập bình quân đầu người khá thấp so với mặt bằng chung toàn quốc (năm 2022 đạt 2.429 USD/người/năm, cả nước đạt 4.100USD/người/năm). Điều kiện chăm sóc sức khỏe cho người nghèo, vùng sâu, vùng xa, miền núi, vùng ven biển, đầm phá còn rất nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, với vị trí nằm giữa khu vực duyên hải miền Trung, Thừa Thiên Huế luôn phải đối mặt với những diễn biến bất thường của thiên tai, ảnh hưởng lớn đến tình hình sức khoẻ của nhân dân. Do vậy, phương hướng và mục tiêu phát triển y tế tỉnh Thừa Thiên Huế cần phải chú trọng tới vai trò của y tế cơ sở, lấy y tế cơ sở là nền tảng, thực hiện ưu tiên đầu tư và nâng cao hiệu quả hoạt động của các TTYT huyện và TYT xã trong cung ứng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân trong tinh, tập trung cung ứng các dịch vụ phòng bệnh (như tầm soát phát hiện bệnh sớm, kiểm soát các yếu tố nguy cơ, quản lý bệnh), điều trị và quản lý bệnh tăng huyết áp, đái tháo đường tại TYT xã, tăng cường kết hợp quân dân y trong chăm sóc sức khoẻ nhân dân tại các xã miền núi và đầm phá.  Định hướng cần bao gồm việc tăng cường kết nối nhằm nâng cao năng lực chuyên môn kỹ thuật giữa y tế địa phương và y tế Trung ương. Phát triển thành phố Huế thành hạt nhân của trung tâm y tế chuyên sâu với Bệnh viện Trung ương Huế là bệnh viện chuyên sâu tuyến cuối đạt chuẩn các bệnh viện tiên tiến khu vực Đông Nam Á, tiến tới đạt chuẩn quốc tế theo đúng mục tiêu của Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về “Phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung vào nội dung Phương án phát triển kết cấu hạ tầng y tế và chăm sóc sức khỏe (mục I, chương 8, phần II) |
| 5 | - Cần nêu các giải pháp cụ thể nhằm đảm bảo nguồn nhân lực y tế có chất lượng cho cơ sở y tế các tuyến. Đề nghị bổ sung chỉ tiêu về số điều dưỡng vạn dân và cân nhắc điều chỉnh chỉ tiêu này cho giai đoạn 2025, 2030 cho phù hợp với định hướng là trung tâm y tế chuyên sâu của vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung. Đây là chỉ số quan trọng để thực hiện Quy hoạch Mạng lưới cơ sở y tế tỉnh Thừa Thiên Huế theo hướng chăm sóc toàn diện theo Nghị quyết 20- NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới. Theo số liệu của Bộ Y tế năm 2019, tỷ lệ điều dưỡng bác sỹ của Thừa Thiên Huế mới đạt 1,4 (bao gồm cả tuyến TW), tỷ lệ này của Bệnh viện đa khoa TW Huế là 1,2. Chi số trung bình chung của cả nước là 1.5, trong khi đó theo khuyến cáo chỉ số này phải đạt 2,5-3,0 điều dưỡng/1 bác sĩ. Như vậy, cần xác định nhu cầu nhân lực y tế theo từng phân kỳ quy hoạch để có kế hoạch và giải pháp cụ thể trong đào tạo, tuyển dụng bác sỹ và điều dưỡng phù hợp với quy mô phát triển đáp ứng mục tiêu là trung tâm y tế chuyên sâu của vùng Bắc Trung bộ và Duyên Hải miền Trung. | Tiếp thu góp ý, đã bổ sung giải pháp phát triển nhân lực y tế ở nội dung 3.1.2.11 Phương hướng phát triển nhân lực y tế (mục III, chương 4, phần II) |
| 6 | 3. Để phù hợp tình hình dân số và mục tiêu chính sách dân số của Trung ương và từng địa phương, đề nghị Uỷ ban Nhân dân tỉnh làm rõ hơn: (1) Xu hướng thay đổi trong tương lai của dân số (quy mô, cơ cấu, phân bố) của từng địa phương để xác định mục tiêu, chi tiêu phù hợp, đặc biệt quan tâm, bổ sung mục tiêu của các Nghị quyết, kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết 21 -NQ/TW của Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới, Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 và các Chương trình, đề án thực hiện công tác dân số theo Nghị quyết 137/NQ-CP của Chính phủ; (2) Các giải pháp để duy trì mức sinh thay thế, mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ dân số, nâng cao lượng dân số. | Các phân tích về quy mô dân số, xu hướng tăng trưởng đã được trình bày trong nội dung về các kịch bản và lựa chọn phương án phát triển dân số, lao động, việc làm (mục 3.1, chương 3, Phần II) |

## Bộ Nội vụ (CV số 1308 /BNV - CQĐP ngày 25/3/2023)

| **Stt** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | 1. Nội dung đề nghị bổ sung  a) Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã đặt ra nhiệm vụ: “tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và nghiên cứu triển khai thực hiện ở cấp tỉnh phù hợp với quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính các cấp” (1). Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã định hướng “tiếp tục thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính đô thị và nông thôn, bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, phù hợp với quy hoạch và yêu cầu phát triển, đáp ứng tiêu chuẩn của đơn vị hành chính” (2). Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030, trong đó đã yêu cầu: “Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 phải phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch nông thôn, quy hoạch đô thị”(3). Vì vậy, để có căn cứ thực hiện nhiệm vụ về quản lý và sắp xếp đơn vị hành chính của tỉnh Thừa Thiên Huế, đề nghị UBND tỉnh Thừa Thiên Huế nghiên cứu, bổ sung phương án quy hoạch đơn vị hành chính thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong Quy hoạch tỉnh cho phù hợp với chủ trương của Đảng và định hướng Quy hoạch tổng thể quốc gia.  (3) Khoản 2.2 Mục 2 Kết luận số 48-KL/TW của Bộ Chính trị. | Tiếp thu ý kiến, Tỉnh đã bổ sung Phương án sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2030 theo Công điện 616/CĐ-TTg ngày 04/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Công văn 3501/BNV-CQĐP ngày 06/7/2023 của Bộ Nội vụ về việc bổ sung nội dung sắp xếp ĐVHC trong Quy hoạch tỉnh và Công văn số 3604/BNV-CQĐP ngày 12/7/2023 của Bộ Nội vụ về việc rà soát, hoàn thiện các quy hoạch để thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 tại Mục I, Chương 6, Phần II của Báo cáo tổng hợp. |
| 2 | b) Tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập đã đặt ra các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập của từng ngành, lĩnh vực theo từng giai đoạn. Theo đó, đề nghị UBND tỉnh Thừa Thiên Huế bổ sung, rà soát, hoàn thiện các nội dung dự thảo Quy hoạch, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch quốc gia, Quy hoạch ngành, lĩnh vực và quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo yêu cầu của Nghị quyết số 19-NQ/TW và quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.  (1) Điểm 2.4 Mục III Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành điều lệ Đảng.  (2) Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội. | Tiếp thu ý kiến, hiện nay, các nội dung quy hoạch tỉnh đã được rà soát, cập nhật đảm bảo thống nhất và đồng bộ với quy hoạch tổng thể và quy hoạch ngành quốc gia. |
| 3 | 2. Nội dung góp ý  a) Về căn cứ lập quy hoạch:  - Mục II Phần 1 Báo cáo tổng hợp: Đề nghị bổ sung Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 và Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050.  - Phần mở đầu Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Đề nghị bổ sung Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội nêu trên. | Đã chỉnh sửa lại các căn cứ pháp lý tại mục II, phần I về các căn cứ lập quy hoạch. |
| 4 | b) Về phương án quy hoạch hệ thống đô thị:  - Mục 8.I Phần 2 Báo cáo tổng hợp và khoản 1 Mục IV Điều 1 Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ có định hướng đến năm 2025 tỉnh Thừa Thiên Huế sẽ là thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó đã dự kiến chia tách, sáp nhập, điều chỉnh địa giới nhiều ĐVHC cấp huyện, cấp xã của tỉnh Thừa Thiên Huế, cụ thể: (1) Chia tách thành phố Huế thành 02 quận (quận phía Bắc và quận phía Nam), (2) thành lập quận Hương Thủy từ thị xã Hương Thủy (hiện nay thị xã này mới là đô thị loại IV), (3) thành lập thị xã Phong Điền, (4) nhập huyện Phú Lộc với huyện Nam Đông,… Tuy nhiên, trong Báo cáo tổng hợp chưa làm rõ cơ sở đề xuất các phương án này, đồng thời chưa đánh giá tác động ảnh hưởng của việc thành lập, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính đến đời sống Nhân dân, quốc phòng - an ninh và quản lý nhà nước trên địa bàn, chưa có đánh giá sơ bộ về mức độ đạt tiêu chuẩn của đơn vị hành chính đối với các đơn vị dự kiến thành lập, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính. Vì vậy, Bộ Nội vụ chưa đủ cơ sở để có ý kiến về phương án quy hoạch hệ thống đô thị nêu trên. | Tiếp thu góp ý, Tỉnh đã bổ sung Nguyên tắc thành lập các đơn vị hành chính tại Phương án quy hoạch hệ thống đô thị  (Mục II, Chương 6, Phần II) của báo cáo tổng hợp. |
| 5 | Đề nghị UBND tỉnh Thừa Thiên Huế rà soát, bảo đảm chính xác các phương án thành lập, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính đô thị, cụ thể: Tại trang 413 Báo cáo tổng hợp và trang 14 Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ có định hướng nhập xã Dương Hòa vào thị xã Hương Thủy và thành lập quận Hương Thủy từ thị xã Hương Thủy (sau khi nhập xã Dương Hòa), trong khi đó hiện nay xã Dương Hòa lại đang là 01 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thị xã Hương Thủy,… | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa tại Phương án sắp xếp đơn vị hành chính (mục I, chương 6, phần II) |
|  | c) Về giải pháp và nguồn lực thực hiện quy hoạch (Mục 14.II Phần 2 Báo cáo tổng hợp): Đề nghị bổ sung giải pháp về “Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành” theo hướng bám sát các nội dung, định hướng về công tác cải cách hành chính trong Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ. | Đã bổ sung tại giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển (mục 2.1.4.1, chương 12, phần II) |

## Bộ Thông tin truyền thông (CV số 1018 /BTTTT-VCL ngày 28/3/2023)

| **Stt** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | 1. Ý kiến tổng quan  Đề nghị nghiên cứu Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 03/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025 và bổ sung hiện trạng, mục tiêu và phương án phát triển của lĩnh vực báo chí, truyền thông bao gồm: báo chí (báo in, báo điện tử, tạp chí in, tạp chí điện tử); xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm; phát thanh, truyền hình; thông tin điện tử, thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh và đánh giá tổng thể hiện trạng lĩnh vực báo chí và truyền thông căn cứ trên các yếu tố phát triển của tỉnh để có định hướng phát triển phù hợp với lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm của tỉnh; đánh giá hiện trạng chuyển đổi số trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, in, phát hành, phát thanh truyền hình, thông tin điện tử, thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại. | Đã bổ sung hiện trạng phát triển lĩnh vực báo chí tại mục 4.3 Thực trạng phát triển mạng lưới viễn thông (Mục IV, Chương II, Phần II).  Mục tiêu và phương án phát triển lĩnh vực báo chí đã được bổ sung tại mục III. Phương án phát triển thông tin và truyền thông (Chương 7, Phần II) |
| 2 | Về giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch, đề nghị nghiên cứu, bổ sung các giải pháp về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giám sát tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch để đảm bảo tính khả thi. | Tiếp thu góp ý, đã bổ sung trong nội dung giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch |
| 3 | 2. Ý kiến cụ thể đối với báo cáo tổng hợp  Trang 3, mục 2.2. Các chủ trương, định hướng, chiến lược phát triển của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn lập quy hoạch, đề nghị bổ sung những căn cứ sau:  - Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/08/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến năm 2030.  - Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/03/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019- 2020, định hướng đến năm 2025.  - Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 03/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025.  - Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia.  - Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.  - Quyết định số 654/QĐ-TTg ngày 30/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển bưu chính đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.  - Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030. | Tiếp thu góp ý, đã chỉnh sửa lại các căn cứ pháp lý tại mục II, phần I về các căn cứ lập quy hoạch. |
| 4 | Trang 168, mục 4.3.2. Mạng lưới thông tin và truyền thông, đề nghị nghiên cứu và bổ sung những nội dung sau:  a. Bưu chính:  - Hiện trạng chuyển đổi số, ứng dụng địa chỉ số và tham gia sàn thương mại điện tử của các doanh nghiệp bưu chính; phân tích sự phát triển bưu chính đối với nhu cầu thương mại số, logistics trong đặc thù của tỉnh như nông nghiệp, du lịch…  - Tỷ lệ điểm phục vụ có kết nối băng rộng, tỷ lệ điểm phục vụ cung cấp dịch vụ thương mại điện tử và logistics, tỷ lệ điểm bưu chính có người phục vụ, tỷ lệ đơn vị hành chính chưa có điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ.  - Số lượng mạng đường thư cấp 2, 3 và tần suất chuyển phát; mạng vận chuyển công cộng; nguồn nhân lực bưu chính.  - Cơ cấu dịch vụ bưu chính, dịch vụ liên quan đến chính quyền điện tử, dịch vụ liên quan đến thương mại điện tử và logistics, tỷ lệ bưu gửi/người.  Trang 168, nội dung về cổng dịch vụ công và dịch vụ công trực tuyến, đề nghị rà soát lại và điều chuyển sang mục khác phù hợp. Hai nội dung này không thuộc hạ tầng bưu chính. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung tại nội dung 4.3 Thực trạng phát triển mạng lưới viễn thông (Mục IV, Chương II, Phần II). |
| 5 | b. Viễn thông  Đề nghị nghiên cứu điểm g, khoản 2, Điều 27 của Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 và các quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông về hạ tầng số, hạ tầng viễn thông thụ động để xác định khái niệm, phạm vi, quy mô… của hạ tầng số, hạ tầng viễn thông thụ động và bổ sung hiện trạng của những nội dung sau làm cơ sở cho việc xây dựng mục tiêu và phương án phát triển hạ tầng viễn thông của tỉnh:  - Công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.  - Hạ tầng mạng cáp liên tỉnh, nội tỉnh, vùng chưa có hạ tầng cáp quang, sử dụng chung cơ sở hạ tầng cống bể, cột treo cáp… giữa các doanh nghiệp, ngầm hóa mạng cáp, sử dụng chung cơ sở hạ tầng cống, bể… giữa các doanh nghiệp.  - Hạ tầng viễn thông theo công nghệ và theo loại vị trí trạm thu phát sóng thông tin di động, hiện trạng vùng lõm sóng, sóng yếu, vùng chưa có hạ tầng sóng thông tin di động, sử dụng chung cơ sở hạ tầng thông tin di động giữa các doanh nghiệp; tỷ lệ phủ sóng vùng dân cư, bán kính phục vụ.  - Hạ tầng viễn thông thụ động.  - Hạ tầng kết nối phục vụ chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số và đánh giá về sự sẵn sàng của hạ tầng viễn thông cho chuyển đổi số. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung tại nội dung 4.3 Thực trạng phát triển mạng lưới viễn thông (Mục IV, Chương II, Phần II). |
| 6 | c. Công nghệ thông tin  - Chính quyền điện tử: đánh giá về hạ tầng cơ sở dữ liệu trong các cơ quan nhà nước, hệ thống dữ liệu dùng chung và chuyên ngành đã được chia sẻ và tích hợp sử dụng ở các cấp chính quyền; hạ tầng thiết bị hiện có của trung tâm tích hợp dữ liệu, các hệ thống đường truyền đang được triển khai trên địa bàn tỉnh; sử dụng thư điện tử, nền tảng họp trực tuyến, văn phòng điện tử, chữ ký số chuyên dùng...; chuyển đổi IPv4 sang IPv6 trong cơ quan nhà nước; nguồn nhân lực công nghệ thông tin; kết nối phục vụ chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số.  - Nền tảng số đã được triển khai: đánh giá nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu LGSP, nền tảng số của các ngành, lĩnh vực…  - Hiện trạng triển khai xây dựng đô thị thông minh, kinh tế số, xã hội số, nhân lực số trên địa bàn tỉnh.  - Ứng dụng công nghệ thông tin trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm.  - An toàn thông tin mạng.  - Hiện trạng công nghiệp công nghệ thông tin, công nghệ số.  Trang 434, mục 3.2.2. Khu công nghệ cao, đề nghị tách nội dung “Phương án phát triển khu công nghệ thông tin và tập trung” thành tiểu mục riêng.  Trang 479, mục III. Phương án phát triển thông tin, truyền thông, đề nghị xây dựng mục tiêu và phương án phát triển dựa trên nghiên cứu hiện trạng lĩnh vực thông tin và truyền thông của tỉnh. Dự thảo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế lĩnh vực hạ tầng thông tin và truyền thông chưa thể hiện đầy đủ nội dung phân tích, đánh giá về hiện trạng hạ tầng thông tin và truyền thông bao gồm các lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, an toàn an ninh mạng, công nghiệp công nghệ thông tin và mạng lưới báo chí, xuất bản in phát hành xuất bản phẩm, phát thanh, truyền hình, thông tin cơ sở, thông tin điện tử và thông tin đối ngoại. Vì vậy, không có sở cứ để xây dựng mục tiêu phát triển và phương án phát triển phù hợp với sự phát triển của tỉnh. Đề nghị xây dựng lại phương án phát triển trên quan điểm định hướng phải phù hợp với các chỉ tiêu phát triển, đồng bộ và thể hiện sự liên kết, tích hợp với các hạ tầng xã hội - kỹ thuật khác trong quy hoạch tỉnh để bảo đảm có sự thống nhất về quan điểm, mục tiêu, không gian phát triển và giải pháp thực hiện quy hoạch nhằm đạt tính khả thi khi thực hiện. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung tại nội dung 4.3 Thực trạng phát triển mạng lưới viễn thông (Mục IV, Chương II, Phần II). |
| 7 | 3. Ý kiến cụ thể đối với dự thảo Quyết định  Đề nghị rà soát và chỉnh sửa mục 3. Phương án phát triển mạng lưới viễn thông thành “Phương án phát triển thông tin và truyền thông” và bổ sung các phương án phát triển của từng lĩnh vực thuộc hạ tầng thông tin và truyền thông. | Đã chỉnh sửa tên đầu mục theo góp ý và bổ sung phương án phát triển với các lĩnh vực chính của hạ tầng thông tin và truyền thông tại Quyết định. |
| 8 | 4. Ý kiến cụ thể đối với bản đồ  Đề nghị bổ sung bản đồ hiện trạng và bản đồ phương án phát triển hạ tầng viễn thông thụ động và mạng lưới thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn tại công văn số 5746/BKHĐT-QLQH ngày 30/08/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn kỹ thuật về khung cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh. Bản đồ ngành thông tin và truyền thông bao gồm cụ thể 04 loại sau:  Bản đồ hiện trạng thông tin và truyền thông.  Bản đồ phương án phát triển thông tin và truyền thông. Bản đồ hiện trạng hạ tầng viễn thông thụ động.  Bản đồ phương án phát triển hạ tầng viễn thông thụ động | Tiếp thu góp ý, các bản đồ quy hoạch tỉnh được trình bày theo Thông tư số 04/2023/TT-BKHĐT ngày 26/6/2023 của Bộ KH&ĐT về hướng dẫn yêu cầu nội dung và kỹ thuật của cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch và sơ đồ, bản đồ quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh và đã thể hiện đầy đủ phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất thời kỳ 2021-2030 lên bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất của tỉnh. |

## Thanh tra chính phủ (CV số 828/TTCP-CII ngày 29/3/2023)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | Về bố cục, nội dung Báo cáo Quy hoạch, cần nghiên cứu kỹ, bám sát Nghị Quyết số 18/NQ-TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao; Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và đảm bảo thể hiện đầy đủ, rõ ràng các nội dung quy hoạch theo quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017, Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch. | Tiếp thu góp ý và đã rà soát bám sát các văn bản pháp lý liên quan |
| 2 | Trong Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 về đánh giá tiềm năng đất đai và hiện trạng sử dụng đất cần nêu thực trạng tình hình an ninh trật tự trên địa bàn trên cơ sở thực hiện công tác quản lý, sử dụng đất đai, công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, đảm bảo ổn định tình hình an ninh, trật tự trên địa bản trong công tác quản lý, sử dụng đất đai nhằm đảm bảo phát triển nhanh, bền vững các mục tiêu đã được đề ra trong quá trình báo cáo quy hoạch. | Thực trạng tình hình an ninh trật tự trên địa bàn sẽ được thể hiện trong phần thực trạng phát triển các ngành thuộc lĩnh vực văn hóa xã hội, quôc phòng và an ninh. Phần đánh giá tiềm năng đất đai và hiện trạng sử dụng đất chỉ đánh giá các chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện của thời kỳ quy hoạch trước đến thời điểm đầu kỳ quy hoạch năm 2020 và tiềm năng đất đai cho các mục đích sử dụng trong thời kỳ quy hoạch 2021 - 2030 |

## Ngân hàng nhà nước (CV ngày 2159-NHNN-TD ngày 28/3/2023)

| **Stt** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | I.Đối với Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050  1. Ý kiến chung:  - Đề nghị đơn vị soạn thảo bổ sung các căn cứ pháp lý là; quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; nghị quyết về phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh vùng, quy hoạch ngành liên quan. Đồng thời, đề nghị đơn vị soạn thảo chủ động phối hợp, cập nhật các thông tin của quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch ngành (Quy hoạch điện, Quy hoạch mạng lưới đường bộ,…) để đảm bảo tính thống nhất, liên kết, đồng bộ với các quy hoạch ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh. | Tiếp thu góp ý, đã chỉnh sửa lại các căn cứ pháp lý tại mục II, phần I về các căn cứ lập quy hoạch. |
| 2 | Đề nghị Ban soạn thảo rà soát, cập nhật thêm các số liệu của năm 2022 để đảm bảo Quy hoạch phù hợp với diễn biến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và tình hình trong nước, quốc tế. Đồng thời, rà soát chỉnh sửa các số liệu cung cấp để đảm bảo tính thống nhất. | Thời kỳ quy hoạch là 2021-2030, do đó số liệu trong giai đoạn 2011-2020 được sử dụng để đánh giá thực trạng trong toàn bộ báo cáo. |
|  | Đề nghị đơn vị soạn thảo tham khảo định hướng và giải pháp tại Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 08/08/2018 về Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 về Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 – 2025;… để cụ thể hóa các định hướng và giải pháp cho ngành ngân hàng, tài chính phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung chỉnh sửa tại Báo cáo |
| 3 | 2. Ý kiến chi tiết:  2.1. Tại Tiểu mục 3.1.2.2, Chương III, Mục 9, Phần thứ hai (trang 480) và Tiểu mục 3.2.3.3, Chương II, Mục 9, Phần thứ hai (trang 484), đề nghị xem xét sửa cụm từ “tài khoản thanh toán điện tử” thành “tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác” và “tài khoản giao dịch thanh toán” thành “tài khoản giao dịch” do pháp luật hiện hành không có quy định về “tài khoản thanh toán điện tử” và “tài khoản giao dịch thanh toán” và đảm bảo thống nhất tên gọi tại Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê số 89/2015/QH13. Đồng thời, đề nghị rà soát toàn bộ dự thảo để thống nhất cụm từ này. | Đã chỉnh sửa các cụm từ theo góp ý |
| 4 | 2.2. Tại Tiểu mục 3.2.3.3, Chương III Mục 9 Phần thứ 2 (trang 484) về Phương án phát triển mạng lưới thông tin truyền thông, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đặt ra mục tiêu đến năm 2025: “tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 60%”.  Tuy nhiên, tại Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2021 – 2025 chỉ có chỉ tiêu tương tự: Từ 80% người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác. Vì vậy, đề nghị UBND tỉnh Thừa Thiên Huế căn cứ tình hình thực tế và các quy định của pháp luật để đề xuất chỉ tiêu phù hợp. | Đã cập nhật tỷ lệ lên 80%. |
| 5 | 2.3. Tại Chương II, Mục 14, Phần thứ hai (trang 696) về Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch: Đề nghị quy định cụ thể hơn các chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, nhằm thu hút vốn đầu tư; đặc biệt là vốn đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm tạo điều kiện thuận lợi phát triển ngành kinh tế mũi nhọn theo lựa chọn của tỉnh. Bên cạnh đó, cần làm rõ thêm về giải pháp và tính khả thi của phương án huy động các nguồn vốn để đảm bảo thực hiện các mục tiêu quy hoạch. | Đã tiếp thu và bổ sung các tính toán về nhu cầu và kịch bản huy động đầu tư để làm rõ tính khả thi |
| 6 | II. Đối với Báo cáo Đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050:  - Đề nghị rà soát, chỉnh sửa dự thảo Báo cáo Đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế với các nội dung tương ứng đã được tham gia ý kiến tại Mục I nêu trên.  - Tại Mục 1.4.2.2 Chương I (trang 44) về Phương hướng phát triển các ngành dịch vụ, đề nghị cân nhắc chỉnh sửa câu sau: “Tỉnh khuyến khích phát triển các nền tảng thanh toán trực tuyến hiện đại như ví điện tử, ví thuê bao di động…hướng tới giảm quy mô nền kinh tế ngầm, thúc đấy sự phát triển của thương mại, bán lẻ hiện đại và hoạt động du lịch” thành “Tỉnh khuyến khích phát triển thanh toán không dùng tiền mặt như thanh toán qua Mobile Banking, Internet Banking, QRcode, thẻ ngân hàng, ví điện tử, Mobile – Money,…. hướng tới giảm quy mô nền kinh tế ngầm, thúc đẩy sự phát triển của thương mại, bán lẻ hiện đại và hoạt động du lịch” để đảm bảo đầy đủ và phù hợp với chủ trương đẩy mạnh phát triển thanh toán không dùng tiền mặt của Chỉnh phủ. | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa tại Mục 1.4.2.2 Chương I về Phương hướng phát triển các ngành dịch vụ tại báo cáo ĐMC. |

## Bộ Ngoại Giao (CV số 1330/BNG-THKT ngày 29/3/2023)

| **Stt** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | 2. Để dự thảo Quy hoạch được hoàn thiện, Bộ Ngoại giao xin có một số góp ý sau:  2.1. Thừa Thiên Huế là tỉnh ven biển, có bờ biển dài 120 km, vị trí thuận lợi với cảng Thuận An và cảng nước sâu Chân Mây và nguồn tài nguyên biển phong phú, đa dạng để phát triển kinh tế biển. Do đó, để tận dụng và phát huy tối đa thế mạnh về biển, Quy hoạch cần bám sát các chủ trương lớn của Nhà nước về phát triển kinh tế biển, đặc biệt là Nghị quyết số 36/NQ-TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó có chủ trương về phát triển kinh tế biển và ven biển; phát triển các vùng biển dựa trên lợi thế về điều kiện tự nhiên, hài hòa giữa bảo tồn, phát triển và bảo vệ mội trường, bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh học biển, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai... Quy hoạch tỉnh cũng cần bảo đảm phù hợp với Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 25/10/2022 của Chính phủ về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 hiện đang được Bộ Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện. | Tiếp thu góp ý, các nội dung Quy hoạch tỉnh đã bám sát các chủ trương lớn về phát triển kinh tế biển, quy hoạch tổng thể quốc gia và quy hoạch không gian biển quốc gia |
| 2 | 2.2. Đề nghị cân nhắc nêu đậm hơn nội dung về hội nhập quốc tế và tận dụng các nguồn lực bên ngoài trong các giải pháp của từng lĩnh vực, cụ thể: (i) Nâng cao hiệu quả tận dụng các cam kết kinh tế quốc tế, trong đó có các Hiệp định thương mại tự do (FTAs); (ii) Chủ động tiếp cận các tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế có tiềm lực và uy tín trên thế giới, đặc biệt là các quỹ đầu tư lớn, uy tín mà Việt Nam có quan hệ tốt (như Quỹ đầu tư của các nước Hội đồng Hợp tác Vùng Vịnh (GCC)...), cũng như các khuôn khổ hợp tác song phương và đa phương mà Việt Nam tham gia nhằm tranh thủ vốn, kinh nghiệm quản lý và thu hút đầu tư, hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực trong các lĩnh vực hợp tác, trong đó có hợp tác về kết nổi, nhất là kết nối hạ tầng cơ sở liên vùng và với các nước tiểu vùng Mê Công; thu hẹp khoảng cách phát triển; phòng, chống, ứng phó, quản lý rủi ro thiên tai; thích ứng biến đổi khí hậu; an ninh lương thực, chuyển đổi năng lượng; quản lý, sử dụng bền vững nguồn nước; phát triển bao trùm; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.... | Các nội dung về tận dụng nguồn lực quốc tế và bên ngoài đã được nêu tại các giải pháp phát triển ngành, lĩnh vực quan trọng, tại mục II và III, chương 6, phần II. |
| 3 | 2.3. Tỉnh Thừa Thiên Huế xếp thứ 02/63 tỉnh thành phố về chuyển đổi số, đứng thứ 02 về chính quyền số, vì vậy, tỉnh cần tận dụng thế mạnh này, chủ động thúc đẩy đào tạo và phát triển nguồn nhân lực gắn với đổi mới, sáng tạo, trong đó chú trọng nâng cao kỹ năng số và năng lực sử dụng các công nghệ mới của người lao động. | Các nội dung về kinh tế số, chính quyền số là 01 trong những khâu đột phá và cũng đã được đề cập trong phương hướng phát triển ngành quan trọng của tỉnh |
| 4 | 2.4. Một số góp ý cụ thể đối với dự thảo Báo cáo tổng hợp  - Về sự cần thiết lập Quy hoạch (trang 2), đề nghị viết lại, nêu bật được những lý do và sự cần thiết của việc lập Quy hoạch. | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa tại mục I, phần I. |
| 5 | - Về căn cứ lập Quy hoạch (trang 2), đề nghị rà soát, bỏ các văn bản bị trùng lặp; bổ sung đầy đủ các văn bản có liên quan, như: Luật Biển Việt Nam (số 18/2012/QH13); Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết 138/NQ-CP ngày 25/10/2022 của Chính phủ về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; ;Nghị quyết số 36/NQ-TW ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao; Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 7/11/2022 về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 143/NQ-CP ngày 04/10/2020 của Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29/12/2022 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị; Nghị quyết 22-NQ/TW ngày 09/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế; Quyết định 622/QĐ-TTg ngày 10/05/2017 về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững; Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025....  Ngoài ra, đề nghị sắp xếp và tách các văn bản theo từng nhóm (như Luật Nghị quyết của Quốc hội; Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư của các bộ; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh). Đồng thời, trong mỗi nhóm văn bản sắp xếp theo trình tự thời gian ban hành. | Tiếp thu góp ý, đã chỉnh sửa lại các căn cứ pháp lý tại mục II, phần I về các căn cứ lập quy hoạch. |
| 6 | - Về phạm vi, ranh giới lập quy hoạch (trang 5), đề nghị bổ sung đầy đủ các địa giới hành chính, tọa độ địa lý theo quy định và thống nhất với nội dung dự thảo Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung trong nội dung Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch (mục 3.1.2, phần I) |
| 7 | - Tại mục 2.3.1, đoạn 3 (trang 23), đề nghị chỉnh sửa lại như sau: “Hệ thống di tích của tỉnh Thừa Thiên Huế ....; Với 07 05 di sản văn hóa thế giới được UNESCO công nhận (Quần thể di tích Cố đô Huế....)”; (Đồng thời cân nhắc bổ sung ý “Lồng ghép tính cần thiết trong việc thực hiện công tác bảo tồn và phát huy giá trị các danh hiệu UNESCO của tỉnh Thừa Thiên Huế (Nhã nhạc cung đình Huế, Quần thể Di tích cố đô Huế, Mộc bản Triều Nguyễn, Châu bản Triều Nguyễn, Hệ thống văn thơ trên kiến trúc cung đình Huế)”. | Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa tại mục 2.2.1, chương 1, phần II. |
| 8 | - Các mục tiêu về văn hóa, đề nghị bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đã được nêu trong Chiến lược Ngoại giao văn hóa đến năm 2030 và Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 28/4/2022 về thực hiện Chiến lược Ngoại giao văn hóa đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, cũng như Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030. | Đã rà soát bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu trong Chiến lược ngoại giao văn hoá đến năm 2030 |
| 9 | - Tại mục 1.2.4.2, đoạn cuối (trang 72), đề nghị chỉnh sửa và sử dụng thống nhất cụm từ “cửa khẩu chính” thay vì “cửa khẩu quốc gia” cho phù hợp với các thỏa thuận giữa Việt Nam và Lào cũng như pháp luật trong nước. Đồng thời, đề nghị rà soát, chỉnh sửa lại trong toàn bộ hồ sơ Quy hoạch thông tin về cặp cửa khẩu Hồng Vân - Cô Tài, đây là cặp cửa khẩu chính, không phải cửa khẩu phụ như trong dự thảo. | Tiếp thu và chỉnh sửa theo góp ý. |
| 10 | - Tại mục 2.2.4.2. “Thương mại” (trang 334), đề nghị chỉnh sửa đoạn thứ 2 như sau: “Tập trung thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư sản xuất ... các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (CPTPP, EVFTA, RCEP...); các thị trường tiềm năng, các thị trường mới Trung Đông”. | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa nội dung tại nội dung về Thương mại (mục 2.2.2.2, chương 4, phần II) |
|  | - Về giải pháp giảm phát thải nhà kính, giảm nhẹ tác động đến biển đổi khí hậu (trang 707), đề nghị bổ sung nội dung: “Huy động nguồn lực quốc tế để đánh giá chính xác tiềm năng điện gió, điện mặt trời nhằm hỗ trợ chuyển đổi năng lượng”. | Giải pháp phát triển, đánh giá tiềm năng điện gió, điện mặt trới trên địa bàn tỉnh đã được đề cập tại điểm d, mục 2.2, chương 5, phần II về phương án phát triển, kết nối hạ tầng điện với hạ tầng quốc gia, vùng. |
| 11 | - Về phát triển hệ thống cửa khẩu, để tạo cơ sở pháp lý cho việc bố trí nguồn vốn đầu tư, xây dựng hạ tầng, đồng thời tạo thuận lợi trong quá trình mở mới, nâng cấp các cửa khẩu biên giới đất liền thuộc địa bàn tỉnh sau này, đề nghị bổ sung các nội dung về phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền vào dự thảo báo cáo tổng hợp như sau:  + Giai đoạn 2021 - 2030: (i) Nâng cấp cửa khẩu Hồng Vân - Cô Tài thành cửa khẩu quốc tế; (ii) Mở mới cửa khẩu phụ Hồng Thái - Bản Sẽ Sáp.  +Tầm nhìn đến năm 2050: Nâng cấp cửa khẩu A Đớt - Tà Vàng thành cửa khẩu quốc tế. | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa nội dung phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền theo góp ý của Bộ Ngoại giao. Bên cạnh đó, tỉnh Thừa Thiên Huế đề xuất bổ sung cửa khẩu A Đớt nâng cấp lên cửa khẩu quốc tế giai đoạn 2021 – 2030 và đã có Công văn số 7077/UBND-ĐN ngày 12/7/2023 về việc đóng góp ý kiến đối với Hồ sơ phê duyệt Quy hoạch cửa khẩu biên giới đất liền thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trình Bộ Ngoại giao, kính đề nghị Quý Bộ quan tâm xem xét. |

## Bộ Khoa học công nghệ (CV số 942/KHCN-ĐTG ngày 06/4/2023)

| **Stt** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | 1. Về hồ sơ Quy hoạch: đề nghị UBND tỉnh Thừa Thiên Huế nghiên cứu hoàn thiện thành phần hồ sơ theo quy định tại Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định 646). | Hồ sơ Quy hoạch tỉnh đã được rà soát đảm bảo yêu cầu của Quyết định 646/QĐ-TTg |
| 2 | 2. Một số góp ý về nội dung Báo cáo thuyết minh Quy hoạch:  2.1. Về căn cứ lập quy hoạch (trang 2): đề nghị bổ sung Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KHCN&ĐMST) để có căn cứ đề xuất các giải pháp liên quan đến KHCN&ĐMST khi triển khai thực hiện Quy hoạch đã được phê duyệt. | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa nội dung tại Mục căn cứ lập quy hoạch |
| 3 | 2.2. Về nội dung Xây dựng các kịch bản và lựa chọn phương án phát triển (trang 291): đề nghị làm rõ tính logic của việc xây dựng kịch bản về phát triển dân số, lao động và đô thị hóa và kịch bản tổ chức không gian lãnh thổ trong việc xây dựng kịch bản phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Đồng thời, nghiên cứu bổ sung số liệu minh chứng về sự cần thiết huy động nguồn vốn lớn (40.000 - 50.000 tỷ đồng/năm) để thực hiện kịch bản được lựa chọn, trong bối cảnh Quy mô GRDP cuối kỳ năm 2025 theo kịch bản là 50.400 tỷ đồng để làm rõ tính khả thi của việc thực hiện kịch bản được lựa chọn. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung giải thích về mô hình xây dựng kịch bản và các giả định để xây dựng kịch bản kinh tế và dân số (mục 3.2.1, chương 3, phần II). Quy mô nguồn vốn huy động được tính toán bằng chỉ số ICOR và quy mô tăng trưởng kinh tế như giải thích trong mục 3.2.1 |
| 4 | 2.3. Về nội dung Các giải pháp định hướng thúc đẩy phát triển KH&CN (trang 383): đề nghị nghiên cứu bổ sung các giải pháp về tài chính, đầu tư cho KH&CN; bổ sung các giải pháp về tìm kiếm, thu hút chuyển giao công nghệ cho các ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh. | Tiếp thu và bổ sung theo góp ý  Giải pháp về thu hút, phân bổ đầu tư đã được bổ sung trong giải pháp về phát triển KH&CN (mục 3.4.2, chương 4, phần II) |
| 5 | 2.4. Về nội dung Phương án phát triển kết cấu hạ tầng nghiên cứu KH&CN (trang 555): đề nghị nghiên cứu, hoàn thiện nội dung này cho phù hợp với nội dung Phương hướng thúc đẩy phát triển KH&CN (trang 375). Theo đó, đề nghị làm rõ các phương án hạ tầng nghiên cứu phù hợp với từng phương hướng phát triển; sắp xếp, tổ chức không gian cũng như các lĩnh vực được quy hoạch. Ngoài ra, đề nghị bổ sung giải pháp về chính sách tài chính, đầu tư để bảo đảm kinh phí thực hiện. | Tiếp thu, bổ sung và hoàn thiện phương án hạ tầng nghiên cứu KH&CN tại mục IV, chương 7, phần II.  Giải pháp về chính sách và đảm bảo tài chính đã được trình bày tại mục 2.1.1, chương 12, về giải pháp huy động vốn đầu tư. |
| 6 | 2.5. Về Giải pháp về phát triển KHCN&ĐMST (trang 702): đề nghị nghiên cứu bổ sung các giải pháp cụ thể trong các nội dung sau: xây dựng và phát triển nguồn nhân lực, đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ trình độ cao; đầu tư phát triển hạ tầng cho hoạt động KH&CN như khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin, khu nghiên cứu, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, Trung tâm công nghệ sinh học thuộc Đại học Huế; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao tiến bộ KH&CN phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm trong thời kỳ quy hoạch.  Theo Hồ sơ, đầu tư cho KHCN&ĐMST của địa phương còn thấp, đạt khoảng 0,5% tổng chi ngân sách nhà nước (NSNN). Do đó, đề nghị nghiên cứu bổ sung các giải pháp về chính sách, cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN, huy động nguồn lực đầu tư cho KH&CN nhằm nâng tỷ lệ đầu tư cho hoạt động KHCN&ĐMST đạt từ 1,2 - 1,5% tổng chi NSNN, phấn đấu đến năm 2030 đạt mức 2% tổng chi NSNN theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật KH&CN năm 2013 để bảo đảm đủ nguồn lực phát huy hiệu quả vai trò của KHCN&ĐMST trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế. | Giải pháp về phát triển nhân lực KHCN, đầu tư phát triển nghiên cứu khoa học, phát triển lĩnh vực đổi mới sáng tạo, ứng dụng KH&CN... đã được trình bày trong giải pháp về phát triển KH&CN (mục 3.4.2, chương 4, phần II) |
| 7 | 2.6. Về Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện: đề nghị nghiên cứu bổ sung theo quy định tại Quyết định 646. | Tiếp thu góp ý và đã điều chỉnh Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện |
| 8 | 3. Về Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược: đề nghị xem xét đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường trong trường hợp thực hiện quy hoạch theo các kịch bản phát triển đã được xây dựng và lựa chọn trong Quy hoạch. Ngoài ra, đề nghị chỉ rõ các giải pháp về công nghệ - kỹ thuật (trang 291) để duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung vào Báo cáo ĐMC |

## Bộ Tài nguyên và môi trường (CV số 2334/BTNMT-KHTC ngày 06/4/2023)

| **Stt** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | I. Đối với dự thảo Quy hoạch  1. Về căn cứ lập quy hoạch, đề nghị rà soát, bổ sung:  - Các căn cứ pháp lý lập quy hoạch theo quy định tại Điều 20 Luật Quy hoạch (Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực trong cùng giai đoạn phát triển); bổ sung Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội Khóa XV về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị định 148/2020/NĐ-CP, ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 7/5/2019 của Bộ trường Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về định mức cho hoạt động quy hoạch; các căn cứ quy hoạch kỳ trước báo cáo, do căn cứ quy hoạch kỳ trước báo cáo có dẫn chiếu xem Phụ lục số 1, tuy nhiên Phụ lục số 1 là bảng Định hướng phát triển hệ thống đô thị Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030; các cơ sở pháp lý của việc lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai cấp tỉnh.  - Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 25/10/2022 của Chính phủ về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.  - Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và loại bỏ các văn bản đã hết hiệu lực, như Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 hết hiệu lực từ ngày 20/3/2023 và được thay thế bởi Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.  - Luật Đo đạc và bản đồ; Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.  - Đề nghị nêu rõ tên các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế, kỹ thuật có liên quan được áp dụng trong quá trình lập quy hoạch. | Tiếp thu góp ý và đã rà soát chỉnh sửa tại mục II. Các căn cứ lập quy hoạch, phần II |
| 2 | 2. Về quan điểm, mục tiêu lập quy hoạch:  - Về mục tiêu bảo vệ môi trường: Rà soát các mục tiêu, chỉ tiêu về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại để phù hợp với Quyết định số 491/QĐ-TTg và Quyết định số 450/QĐ-TTg nêu trên.  - Bổ sung mục tiêu thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đô thị đến năm 2025, năm 2030 và nội dung triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường. | Quan điểm và mục tiêu lập quy hoạch đã đảm bảo các yêu cầu theo Quyết định số 646/QĐ-TTg |
| 3 | Bổ sung nội dung về quan điểm, mục tiêu lập quy hoạch, trong đó, thể hiện rõ quan điểm lấy tài nguyên nước là yếu tố cốt lõi, phù hợp với quy hoạch về tài nguyên nước. Hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh phải gắn với khả năng nguồn nước, bảo vệ tài nguyên nước, không vượt quá ngưỡng khai thác đối với các tầng chứa nước và có các biện pháp bảo đảm đời sống dân cư theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch. | Quan điểm và mục tiêu lập quy hoạch đã đảm bảo các yêu cầu theo Quyết định số 646/QĐ-TTg |
| 4 | 3. Về phạm vi lập quy hoạch: làm rõ sự thay đổi phạm vi lập quy hoạch là 4.947,11 km2 so với Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ là 4.944,7 km2. | Diện tích thay đổi đảm bảo theo số liệu công bố của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Quyết định số 719/QĐ-BTNMT ngày ngày 24/3/2023 về Phê duyệt và công bố kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2021 |
| 5 | 4. Về phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện:  - Bổ sung sự phù hợp của phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai cấp tỉnh với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt; mức độ phù hợp của phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai cấp tỉnh với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng. | Các nội dung theo yêu cầu của Phương án phân bổ đất đai đã được trình bày đúng, đủ theo yêu cầu hướng dẫn tại khoản 7 điều 28 nghị định 37/NĐ-CP hướng dẫn thi hành một số điều thực hiện luật Quy hoạch. Về sự phù hợp của phương án phân bổ so với nhiệm vụ được phê duyệt được thể hiện qua các định hướng sử dụng đất đã bám vào định hướng của QH tỉnh, kịch bản sử dụng đất bám sát theo phương án phát triển khu, cụm CN trong đó có những định hướng đã được tỉnh ủy, UBND tỉnh thống nhất, đất bố trí cho thương mại dịch vụ, cho phát triển đô thị và đất ở bám sát chương trình phát triển đô thị và quy hoạch chung phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong từng chỉ tiêu sử dụng đất có luận giải chi tiết việc tăng, giảm chỉ tiêu liên quan đến các định hướng chiến lược phát triển của tỉnh hay các căn cứ rõ ràng **tại Chương 9 -**  Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo các khu chức năng và các đơn vị HC cấp huyện tại nội dung về xác định các chỉ tiêu sử dụng các loại đất (mục 2.2, chương 9, phần II) |
| 6 | - Về xác định các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030, cần rà soát các chỉ tiêu được xác định: có 03/26 chỉ tiêu sử dụng đất bằng chỉ tiêu cấp quốc gia phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ (Phụ lục 31 kèm theo Quyết định này); có 13 chỉ tiêu sử dụng đất cao hơn cấp quốc gia phân bổ (trong đó, đất phi nông nghiệp cao hơn 8.428 ha, đất khu công nghiệp là 5.535 ha, đất phát triển hạ tầng là 8.017 ha, đất quốc phòng là 329 ha, đất có di tích lịch sử - văn hóa là 82 ha, đất đô thị là 6.586 ha, đất chưa sử dụng còn lại là 756 ha); có 10 chỉ tiêu sử dụng đất thấp hơn chỉ tiêu quốc gia phân bổ (trong đó, đất nông nghiệp thấp hơn 9.184 ha, đất chuyên trồng lúa nước 942 ha, đất rừng sản xuất 5.267 ha, đất an ninh 422 ha, đất giao thông 678 ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 318 ha, đất công trình năng lượng 629 ha, đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng thấp hơn quốc gia phân bổ 757 ha).  Chỉ tiêu quốc gia không phân bổ đất khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, tỉnh xác định bổ sung đất khu công nghệ cao đến năm 2030 là 1.100 ha.  Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ xác định trên địa bàn tỉnh chưa đảm bảo tuân thủ chỉ tiêu cấp quốc gia phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ- TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, nhiều chỉ tiêu tỉnh xác định cao hoặc thấp hơn nhiều so với chỉ tiêu quốc gia phân bổ như đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất, đất chuyên trồng lúa nước, đất phi nông nghiệp, đất khu công nghiệp, đất phát triển hạ tầng, đất đô thị, đất khu công nghệ cao … | Trong quá trình lập quy hoạch, Tỉnh luôn bám sát các chỉ tiêu sử dụng đất Quốc gia phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg. Tuy nhiên, với mục tiêu trở thành thành phố trực thuộc TW theo nghị quyết 54 của Bộ chính trị, nghị quyết 26 về phát triển KTXH vùng BTB&DHMT, nhu cầu QHSDD của Tỉnh trong thời kỳ quy hoạch có phát sinh tăng để đảm bảo kêu gọi, thu hút các dự án đầu tư. Đồng thời, thực hiện Công điện 360/CĐ-TTg ngày 20/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã có Báo cáo số 194 /BC-UBND ngày 19/5/2023 gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường. |
|  | Tại điểm c về đất rừng sản xuất (trang 574 Báo cáo tổng hợp) đã nêu đất rừng sản xuất tăng 1.488 ha từ việc đưa vào khai thác đất chưa sử dụng, tuy nhiên tại mục 2.5.5 (trang 606) và Bảng 193 nêu đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích nông nghiệp là 847 ha, cho mục đích đất rừng sản xuất chỉ là 18 ha;  bổ sung năm hiện trạng sử dụng đất của cột hiện trạng tại Bảng 160. | Tiếp thu ý kiến, thống nhất số liệu đất chưa sử dụng đưa vào trồng rừng sản xuất là 18 ha tại mục Chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu cấp tỉnh (mục 2.2.2, chương 9) và Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng của báo cáo tổng hợp (mục 2.5.4, chương 9, phần II) |
| 7 | - Tại mục 2.5 (trang 597), Bảng 191a (có 02 bảng 191a) diện tích thu hồi đất nông nghiệp trong kỳ quy hoạch và Bảng 192b diện tích đất nông nghiệp chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp bằng nhau (bằng 20.361 ha). Như vậy, quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh sẽ không có trường hợp sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án, công trình theo Điều 73 Luật Đất đai. Đề nghị rà soát việc xác định diện tích các loại đất cần thu hồi vào các mục đích quy định tại Điều 61, Điều 62 Luật Đất đai; rà soát việc xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích quy định tại điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai (nội dung này đã được quy định cụ thể tại điểm d và điểm đ khoản 7 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch). | Tiếp thu ý kiến và rà soát lại các dự án thuộc diện phải thu hồi đất và các dự án không thuộc danh mục thu hồi đất tại Điều 61, Điều 62 Luật Đất đai. Hiện tổng diện tích phải chuyển mục đích sử dụng đất là 19.548 ha; tổng diện tích đất cần thu hồi để thực hiện các dự án là 16.741 ha |
| 8 | Đối với một số chỉ tiêu cấp tỉnh xác định cần rà soát, làm rõ tính khả thi, cơ sở khoa học của việc tăng diện tích này: đất cụm công nghiệp tăng từ 174 ha năm 2020 lên 1.133 ha năm 2030, đất thương mại dịch vụ tăng từ 1.109 ha năm 2020 lên 5.265 ha năm 2030, đất ở tại đô thị tăng từ 3.489 ha năm 2020 lên 7.059 ha năm 2030, trong đó do tự đô thị hoá là 1.645 ha, tăng từ đất nông nghiệp là 1.183 ha, tăng từ đất phi nông nghiệp còn lại là 1.233 ha (trong khi tại Bảng 192b nêu đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở là 600 ha). | Tiếp thu góp ý, trong phần luận giải các chỉ tiêu sử dụng đất đã đưa ra căn cứ cho việc tăng diện tích các loại đất trong thời kỳ quy hoạch như đối với đất cụm công nghiệp tỉnh đã có quyết định số 89/QĐ-UBND phê duyệt đề án phát triển cụm công nghiệp đến 2050; đất thương mại, dịch vụ tăng do nhu cầu phát triển đô thị, dịch vụ trong thực hiện nghị quyết 54 để từ nay đến 2025 Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc TW thì quỹ đất này cần thiết phải được bố trí nhiều hơn để phù hợp nhu cầu phát triển,… |
| 9 | Đối với phương án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất, đề nghị rà soát việc xác định diện tích các loại đất cần thu hồi vào các mục đích theo đúng quy định tại Điều 61, Điều 62 Luật Đất đai và diện tích các loại đất cần chuyển mục đích quy định tại điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai (nội dung này đã được quy định cụ thể tại điểm d và điểm đ khoản 7 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch). | Tiếp thu ý kiến và rà soát lại các dự án thuộc diện phải thu hồi đất và các dự án không thuộc danh mục thu hồi đất tại Điều 61, Điều 62 Luật Đất đai. Hiện tổng diện tích phải chuyển mục đích sử dụng đất là 19.548 ha; tổng diện tích đất cần thu hồi để thực hiện các dự án là 16.741 ha |
| 10 | - Rà soát Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đảm bảo thực hiện theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch (sửa đổi Điều 39 Luật Đất đai), khoản 7 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai. | Tiếp thu góp ý, Phương án phân bổ đất đai đảm bảo thể hiện đúng đủ các nội dung theo quy định của luật sửa đổi 37 luật liên quan đến quy hoạch và nghị định số 37/2019/NĐ-CP về hướng dẫn thực hiện một số điều liên quan đến luật Quy hoạch |
| 11 | - Rà soát các công trình, dự án của các ngành, lĩnh vực thực hiện trong thời kỳ quy hoạch 2021-2030 để đảm bảo không vượt quá chỉ tiêu sử dụng đất đất quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg hoặc còn thiếu gây ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Các nội dung có liên quan đến đất đai cần phải thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật đất đai. | Thực hiện Công điện 360/CĐ-TTg ngày 20/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã có Báo cáo số 194 /BC-UBND ngày 19/5/2023 gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 12 | 5. Về nội dung tài nguyên nước:  Hiện nay, Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt tại Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022 và nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Hương thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang được Bộ Tài nguyên và Môi trường triển khai lập nhiệm vụ, đề nghị rà soát, cập nhật các nội dung, thông tin dữ liệu để đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các Quy hoạch nêu trên theo quy định. | Tiếp thu góp ý và đã tích hợp nội dung nêu tại QĐ 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022 vào nội dung báo cáo |
| 13 | 5.1. Về hiện trạng bảo vệ tài nguyên nước, cần cụ thể các nhiệm vụ đã thực hiện liên quan đến hoạt động bảo vệ tài nguyên nước, kết quả đạt được, những nội dung chưa thực hiện, những vướng mắc bất cập trong việc bảo vệ tài nguyên nước, cụ thể: việc lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; bảo vệ chất lượng nước, phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm và phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm; phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; xác định, công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; việc đảm bảo sự lưu thông dòng chảy, việc bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; danh mục ao, hồ, đầm phá không được san lấp…; bổ sung nội dung, thông tin về thực trạng phòng, chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra (tiểu mục 6.3.3, trang 273). | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung nội dung hiện trạng bảo vệ tài nguyên nước |
| 14 | 5.2. Về phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và phòng chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, đề nghị cấu trúc lại, bổ sung đầy đủ các nội dung để đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 11 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP, cụ thể như sau:  - Phương án khai thác, sử dụng tài nguyên nước:  + Về phân vùng chức năng của nguồn nước mặt: dự thảo đã phân vùng chức năng nguồn nước theo các lưu vực sông, tuy nhiên để làm căn cứ cho việc định hướng khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước, đánh giá khả năng chịu tải, phân vùng xả thải, hạn ngạch xả nước thải theo quy định tại Điều 9 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phân vùng chức năng của nguồn nước mặt cần phải cụ thể đến từng đoạn sông. | Nội dung phân vùng chức năng của nguồn nước mặt đã được cụ thể đến 20 đoạn sông, trong đó nêu rõ chức năng, nhiệm vụ của từng đoạn/con sông, mức độ khai thác (mục III, chương 11, phần II) |
| 15 | + Bổ sung xác định vị trí quy định dòng chảy tối thiểu, lưu lượng yêu cầu xả dòng chảy tối thiểu. Trong đó, luận chứng rõ phương pháp xác định, căn cứ tính toán, vị trí xác định dòng chảy tối thiểu trên các sông để đảm bảo dòng chảy tối thiểu không bị ảnh hưởng bởi chế độ thủy triều và tính toán xác định dòng chảy tối thiểu theo quy định tại Thông tư số 64/2017/TT-BTNMT ngày 22/12/2017. | Tiếp thu góp ý, Báo cáo đã đưa thông tin mới nhất của Bộ TNMT công bố về dòng chảy tối thiểu tại QĐ 45/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 1 năm 2023 và đã xác định cụ thể cho từng công trình ở Thừa Thiên Huế tại nội dung Phương án khai thác, sử dụng tài nguyên nước |
| 16 | + Về phân bổ tài nguyên nước: bổ sung tính toán cụ thể lượng nước mặt (theo các tần suất), nước dưới đất, tổng lượng nước có thể khai thác đối với từng sông thuộc các vùng/tiểu vùng quy hoạch; bổ sung nội dung tính toán nhu cầu khai thác, sử dụng nước của các ngành sử dụng nước chính theo các tháng trong năm đối với từng vùng/tiểu vùng quy hoạch; đề nghị bổ sung thứ tự ưu tiên phân bổ trong trường hợp bình thường và hạn hán, thiếu nước, đồng thời cần xác định cụ thể tỷ lệ, lượng nước phân bổ cho các ngành khai thác, sử dụng nước chính theo thứ tự ưu tiên đối với từng vùng/tiểu vùng quy hoạch trong từng trường hợp. | Phương án phân bổ nguồn nước theo tần suất 75% và 85% đã nêu trong báo cáo nội dung đề xuất tích hợp số 8 về tài nguyên nước và tại mục III.1.3.2 của Báo cáo tổng hợp  Thứ tự ưu tiên khi phân bổ nguồn nước đã nêu tại mục 2.1.1 báo cáo nội dung đề xuất tích hợp số 8 về tài nguyên nước và tại mục III.1.3.2 của Báo cáo tổng hợp. |
| 17 | + Bổ sung nội dung về xác định nguồn nước dự phòng để cấp nước sinh hoạt: cụ thể các khu vực có nguy cơ ô nhiễm, khó khăn về nguồn nước và xác định cụ thể nguồn nước dự phòng và lượng nước có thể dự phòng để cấp cho từng khu vực. | Tiếp thu góp ý đã bổ sung nội dung về xác định nguồn nước dự phòng để cấp nước cho sinh hoạt tại mục 3.1.3, chương 11, phần II. |
| 18 | + Rà soát, bổ sung danh mục các công trình điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước theo định hướng phát triển thuộc phạm vi quản lý, nhằm đảm bảo mục tiêu quy hoạch tổng hợp, thống nhất lưu vực sông và đảm bảo quy định tại khoản 10 Điều 9 Luật Tài nguyên nước (nghiêm cấm xây dựng hồ chứa, đập, công trình khai thác nước trái quy hoạch tài nguyên nước) và điểm b khoản 18 Điều 5 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch (dự án xây dựng hồ chứa trên sông, suối phải phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh, quy hoạch tỉnh và quy hoạch khác có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch). | Đã nêu trong tại nội dung xác định công trình điều tiết (mục 3.1.5, chương 11, phần II) |
| 19 | + Về hệ thống giám sát tài nguyên nước và khai thác, sử dụng nước: cần cụ thể các vị trí đặt trạm, nguồn nước giám sát, nội dung giám sát. | Đã nêu danh mục hệ thống giám sát - có tọa độ cho từng vị trí tại Phụ lục 3 BCTH |
| 20 | - Phương án bảo vệ tài nguyên nước và phòng chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra:  + Về các giải pháp bảo vệ nguồn nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, hoặc suy thoái, cạn kiệt để đảm bảo chức năng của nguồn nước, đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung: điều tra đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước quan trọng, lập hành lang bảo vệ nguồn nước, thực hiện các biện pháp phòng chống sạt lở lòng bờ, bãi sông, khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất,… | Hiện nay, vẫn chưa có Hướng dẫn của Bộ Tài nguyên môi trường cho nội dung này. |
| 21 | Về đánh giá tổng quát hiệu quả và tác động của biện pháp phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, đề nghị bổ sung đánh giá liên quan đến các nội dung phòng chống hạn hán, lũ lụt, ngập úng nhân tạo, phòng chống xâm nhập mặn. Đồng thời, đề nghị bổ sung nội dung, xác định giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động phòng chống, khắc phục, cảnh báo, dự báo và giảm thiểu tác hại do nước gây ra. | Các nội dung chi tiết được nêu tại báo cáo nội dung đề xuất tích hợp số 8 về tài nguyên nước |
| 22 | + Đề nghị khẩn trương ban hành Danh mục hành lang bảo vệ nguồn nước, Danh mục nguồn nước nội tỉnh, khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất làm căn cứ cho việc lập các phương án bảo vệ, lưu thông dòng chảy, tích trữ nước, chống ngập úng trong nội dung bảo vệ tài nguyên nước và phòng chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, làm căn cứ cho việc lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng, theo loại đất (quy định tại khoản 7 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP), trong đó có đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng (quy định tại Điều 10 Luật Đất đai). | Nội dung này sẽ được làm rõ hơn trong các báo cáo chuyên ngành |
| 23 | 6. Về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học:  - Mục 1.3. Tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên du lịch (trang 15): Bổ sung hiện trạng các hệ sinh thái đặc trưng trên địa bàn tỉnh.  - Mục 6.1.2. Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (trang 245): (i) Bổ sung hiện trạng các khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh, bao gồm cả hiện trạng đa dạng sinh học và hiện trạng công tác quản lý các đối tượng trên; (ii) Đối với hành lang đa dạng sinh học kết nối Khu bảo tồn Sao La với Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Điền: đề nghị đánh giá hiệu quả công tác quản lý từ khi thành lập đến nay; (iii) Bổ sung nội dung đánh giá thuận lợi, khó khăn về công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh thời gian qua. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung cập nhật tại nội dung bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học |
| 24 | - Mục 6.2. Thực trạng bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên (trang 246): Bổ sung nội dung đánh giá các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên liên quan đến các khu bảo tồn thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học. | Nội dung này sẽ được làm rõ hơn trong các báo cáo chuyên ngành |
| 25 | - Mục I. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: (i) Đề nghị tách nội dung phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thành một mục riêng; (ii) Nội dung của phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học phải tuân thủ quy định tại Điểm c Khoản 9 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP, cụ thể: “Xác định mục tiêu, chỉ tiêu bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh; xác định tên gọi, vị trí địa lý, quy mô diện tích, mục tiêu, tổ chức và biện pháp quản lý đối với các khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, hành lang đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh”. | - Nội dung phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học đã được trình bày theo quy định tại Khoản 9, Điều 28 của Nghị định 37/NĐ-CP về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.  - Nội dung của phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học đã tuân thủ quy định tại Điểm c Khoản 9 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP. |
| 26 | 7. Về nội dung bảo vệ môi trường:  - Bổ sung, làm rõ nội dung phân tích, đánh giá về môi trường của địa phương theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, trong đó bao gồm các nội dung về phân vùng môi trường theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; khu xử lý chất thải tập trung; mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường đất, nước, không khí. Bổ sung chi tiết hơn việc mô tả vị trí, quy mô, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đã xác định trong phương án phân vùng môi trường, nhất là đối với các khu bảo tồn thiên nhiên, khu vực đất ngập nước quan trọng, khu di tích lịch sử - văn hóa, các khu đô thị,… trình bày nội dung phân vùng môi trường theo dạng bảng, thuận tiện cho việc phân tích, nhận xét, đánh giá, đảm bảo tính khoa học. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung chi tiết tại nội dung bảo vệ môi trường |
| 27 | - Chỉnh sửa tên các chỉ tiêu về quản lý chất thải, bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường tại bảng 194 theo đúng tên chỉ tiêu các vấn đề môi trường trọng điểm, cấp bách cơ bản được giải quyết, chất lượng môi trường từng bước được cải thiện, phục hồi tại Phụ lục I, Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022. | Tiếp thu góp ý và cập nhật tại mục tương ứng của báo cáo (về chỉ tiêu các vấn đề môi trường trọng điểm, cấp bách cơ bản được giải quyết, chất lượng môi trường từng bước được cải thiện, phục hồi tại Phụ lục I, Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022.) |
| 28 | - Về quy hoạch các khu xử lý chất thải khi xây dựng quy hoạch tỉnh: Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 84 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, thì cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại phải phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia hoặc quy hoạch có nội dung về xử lý chất thải nguy hại. Tuy nhiên, trong dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Thừa Thiên – Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, nội dung quy hoạch các khu xử lý chất thải mới chỉ nêu định hướng quy hoạch và đầu tư khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại phía Bắc tại huyện Phong Điền; khu xử lý Hương Bình, khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt A Lưới tại Thôn Loah – Ta Vai, xã Đông Sơn, huyện A Lưới (trong giai đoạn 2023 – 2025) và khu xử lý chất thải rắn Lộc Thủy (giai đoạn 2026-2030); chưa có nội dung định hướng quy hoạch đối với các khu xử lý chất thải nguy hại. Do vậy, đề nghị nghiên cứu bổ sung, làm rõ và có nội dung quy hoạch về các khu xử lý chất thải nguy hại, đảm bảo có phương án chủ động để xử lý các loại chất thải nguy hại phát sinh trong tương lai trên địa bàn tỉnh. | Tiếp thu góp ý và cập nhật tại Sắp xếp, phân bố không gian các khu nghĩa trang, khu xử lý chất thải liên huyện (mục 1.7, chương 11, phần II) |
| 29 | - Rà soát, bổ sung các nội dung nhằm thực hiện lồng ghép kinh tế tuần hoàn ngay từ giai đoạn xây dựng Quy hoạch theo quy định tại Điều 142 Luật Bảo vệ môi trường. | Tiếp thu góp ý và đã lồng ghép các nội dung tái chế, tái sử dụng, tuần hoàn chất thải, PLRTN trong mục tiêu, quan điểm và phương án quy hoạch xử lý CTR |
| 30 | 8. Về phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu: Lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định tại Điều 93 Luật Bảo vệ môi trường.  Cập nhật các nội dung liên quan tại Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022; sử dụng thông tin, dữ liệu tại Kịch bản biến đổi khí hậu (phiên bản năm 2020) đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố; thực hiện đánh giá tác động của biến đổi khí hậu theo quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu.  Định hướng quy hoạch các cơ sở sản xuất, kinh doanh phát thải khí nhà kính, góp phần thực hiện mục tiêu đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 theo cam kết của Việt Nam tại Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP26). | Tiếp thu góp ý và cập nhật tại phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu (mục IV, chương 11, phần II) |
| 31 | Về các giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu (trang 276), chỉ đang đề xuất các giải pháp chung về ứng phó biến đổi khí hậu, chưa nêu được thực trạng các giải pháp đã thực hiện để ứng phó với biến đổi khí hậu tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Đề nghị xem xét, chỉnh sửa bổ sung nội dung này để thống nhất với cấu trúc và tiêu đề của nội dung về “Thực trạng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu”. | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa lại lại nội dung Thực trạng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu (mục 6.4, chương II, phần II) |
| 32 | 9. Về tài nguyên địa chất, khoáng sản:  - Về nội dung lập Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trong Quy hoạch tỉnh cần bổ sung, hoàn thiện thêm một số nội dung như sau:  + Theo Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 06/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia thì khu vực tỉnh Thừa Thiên Huế có diện tích khoanh định khu vực dự trữ cát trắng, do đó, Quy hoạch cần xây dựng phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác tại các khu vực được khoanh định là khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 51/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2014 của Chính phủ về quản lý khoáng sản tại các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia. | Tiếp thu góp ý và cập nhật tại nội dung tài nguyên địa chất, khoáng sản |
| 33 | + Nghiên cứu, xác định nhu cầu nguyên liệu khoáng sản cho các dự án và phát triển kinh tế xã hội cùng thời kỳ để xây dựng kế hoạch phân kỳ thăm dò, khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép, gồm khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (đá xây dựng, cát, sỏi xây dựng, đất làm vật liệu san lấp công trình....) và một số điểm mỏ khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt, tránh phải điều chỉnh, bổ sung sau khi Quy hoạch được phê duyệt. | Tiếp thu góp ý và đã rà soát tại nội dung tài nguyên địa chất, khoáng sản |
| 34 | + Mục 2. VI. Thực trạng bảo vệ môi trường, khai thác và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học; phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu: bổ sung nội dung đánh giá hiện trạng tình hình thực hiện quy hoạch khoáng sản đã được phê duyệt như thực trạng quy hoạch so với thực trạng cấp phép, nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng thực tế trên địa bàn tỉnh; trong đó, đánh giá thực trạng của hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh như đánh giá chi tiết cấp phép thăm dò, khai thác, sản lượng đã khai thác, mức độ tiêu thụ, trữ lượng (tài nguyên) khoáng sản đã quy hoạch, trữ lượng (tài nguyên) khoáng sản đã quy hoạch còn lại tới thời điểm quy hoạch mới. Những thuận lợi, khó khăn trong việc thực hiện quy hoạch; công tác phối hợp của các cơ quan chuyên môn của tỉnh, chính quyền địa phương các cấp trong việc triển khai quy hoạch. Từ những số liệu đánh giá cụ thể nêu trên mới là tiền đề, định hướng lập quy hoạch. | Tiếp thu góp ý và đã rà soát tại nội dung Thực trạng bảo vệ môi trường, khai thác và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học; phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu |
| 35 | + Đề nghị Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên chỉ lập quy hoạch đối với các loại khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động khoáng sản của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Khoáng sản (khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ).  - Về nội dung Phân vùng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên: Bổ sung dữ liệu liên quan đến nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng của tỉnh (các dự án đang thực hiện, các dự án dự kiến triển khai trong tương lai…) để làm cơ sở quy hoạch mới; Khoanh định chi tiết khu vực mỏ, loại tài nguyên khoáng sản cần đầu tư thăm dò, khai thác và tiến độ thăm dò, khai thác; khoanh định các khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và xây dựng phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác phù hợp với đặc thù của Tỉnh. | Tiếp thu góp ý, phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên chỉ lập quy hoạch đối với các khoáng sản thuộc UBND tỉnh quản lý.  Dự báo nhu cầu sử dụng các loại vật liệu xây dựng đã được trình bày tại mục 2.1.2, chương 11. |
| 36 | - Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khoanh định khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia theo quy định của Nghị định số 51/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thay thế Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 06/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ, do đó, Quy hoạch tỉnh cần cập nhật thông tin các kết quả này để lập quy hoạch các khu vực khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của tỉnh cho phù hợp. | Tiếp thu góp ý và đã cập nhật theo quy hoạch khoáng sản Quốc gia. |
| 37 | - Nội dung viết về địa chất (trang 11) báo cáo tổng hợp Quy hoạch chưa đầy đủ; kết quả Quy hoạch về khoáng sản mới chỉ thể hiện được những định hướng cơ bản. Để có tính khả thi trên thực tế cần có quy hoạch chuyên ngành một cách chi tiết trên cơ sở kết hợp với các quy hoạch của trung ương và cập nhật kết quả điều tra cơ bản mới nhất. Báo cáo cần tham khảo các kết quả nghiên cứu, điều tra về tai biến địa chất (sạt lở đất đá, lũ quét,…) làm cơ sở định hướng quy hoạch để đảm bảo cho sự phát triển bền vững.  Hiện nay, Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản (kể cả khoáng sản làm vật liệu xây dựng) cả nước lập theo Luật Quy hoạch đang được Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng lập, do đó, đề nghị không quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến đối với các khu vực khoáng sản không thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, mà chỉ cần thống kê số lượng khu vực khoáng sản theo quy hoạch Trung ương để đưa ra số liệu dự báo về sử dụng đất đai, lao động, phát triển hạ tầng... nhằm đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung. | Các phân tích chi tiết về địa chất, điều tra về tai biến địa chất sẽ được làm rõ trong các kế hoạch chuyên ngành.  Tiếp thu góp ý, QHT chỉ quy hoạch các loại khoáng sản thuộc UBND tỉnh quản lý. |
| 38 | - Đối với khoáng sản cát xây dựng thông thường chủ trương của tỉnh là hạn chế quy hoạch, cấp phép cát, sỏi lòng sông mà chỉ dựa vào nguồn vật liệu thay thế như cát lòng hồ thủy điện; cát nội đồng; cát nhân tạo (cát xay); đá mi; cát mặn nếu đạt yêu cầu theo quy chuẩn ngành. Vì vậy, đề nghị bổ sung đánh giá chi tiết nguồn tài nguyên cát lòng hồ thủy điện; cát nội đồng, quy hoạch chi tiết vị trí, khu vực (mỏ đá) để làm cát nhân tạo (cát xay) nhằm chủ động nguồn nguyên vật liệu cát phục vụ việc phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. | Đối với các nội dung chi tiết sẽ được cụ thể hoá trong một đề án chuyên ngành liên quan. |
| 39 | 10. Về cơ sở dữ liệu và bản đồ:  - Bổ sung vào dự thảo Báo cáo thuyết minh tổng hợp nội dung khai thác, sử dụng dữ liệu không gian địa lý quốc gia để phục vụ nhiệm vụ lập Quy hoạch, do căn cứ theo quy định tại Điều 41, Luật Quy hoạch cũng như tại điểm b khoản 5 Điều 41 và khoản 1 Điều 47 của Luật Đo đạc và bản đồ, việc xây dựng và triển khai thực hiện Quy hoạch cần được thực hiện trên cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia đã được chuẩn hóa và cập nhật do Bộ Tài nguyên và Môi trường cung cấp. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung nội dung khai thác, sử dụng dữ liệu không gian địa lý quốc gia để phục vụ nhiệm vụ lập Quy hoạch |
| 40 | - Các bản đồ dùng cho quy hoạch chưa trích dẫn nguồn gốc theo quy định. Đề nghị bổ sung và làm rõ nguồn gốc bản đồ nền. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung trích dẫn |
| 41 | - Thống nhất sử dụng nguồn bản đồ địa hình quốc gia và cở sở dữ liệu nền địa lý quốc gia làm dữ liệu bản đồ nền để thể hiện và thành lập các bản đồ trong quá trình lập qui hoạch nhằm đảm bảo tính pháp lý của nguồn gốc bản đồ, đảm bảo sự đồng bộ và phù hợp, thống nhất với các nhiệm vụ quy hoạch khác của địa phương, vùng, liên vùng và cả nước. | Các bản đồ, sơ đồ quy hoạch tỉnh được trình bày theo Thông tư số 04/2023/TT-BKHĐT ngày 26/6/2023 của Bộ KH&ĐT về hướng dẫn yêu cầu nội dung và kỹ thuật của cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch và sơ đồ, bản đồ quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh. |
| 42 | - Bổ sung thêm quy định vào trong Dự thảo thuyết minh tổng hợp, sau khi hoàn thành phải thực hiện việc kết nối dữ liệu bản đồ quy hoạch nêu trên với Cổng thông tin không gian địa lý Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 48 Luật Đo đạc và bản đồ. Sản phẩm bản đồ quy hoạch phải ở định dạng GeoTiff hoặc GeoPDF để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ và sử dụng chung với các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia khác. | Tiếp thu góp ý, các dữ liệu bản đồ quy hoạch đảm bảo kết nối với Cổng thông tin không gian địa lý Việt Nam |
| 43 | - Trong tài liệu bản đồ kèm theo hồ sơ đăng tải địa chỉ https://khdt.thuathienhue.gov.vn có Bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất tỉnh. Bản đồ thể hiện ở định dạng ảnh tệp png, bản đồ có thể hiện nội dung, ký hiệu màu sắc các loại đất và các yếu tố khác của bản đồ, có chú dẫn bản đồ. Tuy nhiên, nội dung bản đồ còn rất sơ sài, chưa có ký hiệu loại đất để phân biệt các loại đất có ký hiệu màu giống nhau, chưa thể hiện nguồn tài liệu, nội dụng trên bản đồ và chú dẫn chưa thống nhất, chưa khoanh định các khu chức năng, nhiều công trình trọng điểm chưa thể hiện trên bản đồ như đường cao tốc Bắc - Nam, đường sắt Bắc - Nam, khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, A khu kinh tế Đớt…. Do hiện không có văn bản quy định ký hiệu và hình thức thể hiện các nội dung trên bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh trong Quy hoạch tỉnh nên không có căn cứ để góp ý kiến về Bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030. Việc lập các loại bản đồ cần thực hiện theo đúng quy định tại Mục IX Phụ lục I Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định khác có liên quan, cần thể hiện đầy đủ phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất thời kỳ 2021-2030 lên bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất của tỉnh. | Tiếp thu góp ý, các bản đồ quy hoạch tỉnh được trình bày theo Thông tư số 04/2023/TT-BKHĐT ngày 26/6/2023 của Bộ KH&ĐT về hướng dẫn yêu cầu nội dung và kỹ thuật của cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch và sơ đồ, bản đồ quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh và đã thể hiện đầy đủ phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất thời kỳ 2021-2030 lên bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất của tỉnh.  Tiếp thu chỉnh sửa bản đồ theo góp ý  Tiếp thu bổ sung, chỉnh sửa bản đồ theo góp ý  Tiếp thu chỉnh sửa tên bản đồ theo góp ý |
| 44 | - Chú giải bản đồ vị trí các dự án thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050: đơn vị hành chính ghi không đồng nhất giữa đơn vị hành chính cấp huyện với địa danh (An Vân Dương); cột tên dự án ghi chưa rõ ràng: số 93 - Đa giác 41; số 126: đa giác 54; số 171: đa giác 72; số 185: đa giác 23; số 215: đa giác 129; các mỏ khoáng sản chưa ghi loại hình khoáng sản. |
| 45 | - Hệ thống bản đồ đăng tải trên google drive không có bản đồ: “Bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên” nên không đủ căn cứ nhận xét.  - Sửa lỗi chính tả (viết hoa, tên địa danh, công trình v.v), lỗi chồng xếp layer bản đồ; nội dung bản đồ, chú giải các bản đồ phương án xây dựng các vùng trong tỉnh (từ bản đồ 28 đến 36); sửa tên bản đồ số. |
| 46 | - Về Bản đồ hiện trạng thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản năm 2020 tỉnh Thừa Thiên Huế: Theo quy định tại điểm b khoản 10 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ nêu “khu vực thăm dò, khai thác được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm kh p góc thể hiện trên bản đồ địa hình hệ tọa độ quốc gia với tỷ lệ thích hợp” và theo quy định tại mục IX, Phụ lục 1 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 thì tên bản đồ là “Bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên”; đề nghị sửa đổi, bổ sung tên bản đồ và biên tập lại bản đồ cho phù hợp. |
| 47 | 11. Một số nội dung góp ý cụ thể khác:  - Rà soát lại các nội dung Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo sự thống nhất chặt chẽ Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050, bao gồm: thông tin, số liệu, bảng biểu, chỉ tiêu, bản đồ, cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh và báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch tỉnh theo đúng quy định. | Tiếp thu góp ý, đã rà soát các báo cáo, bản đồ QHT đảm bảo theo quy định. |
| 48 | - Việc xác định các tồn tại, hạn chế và các vấn đề cần giải quyết trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, khai thác sử dụng tài nguyên thiên nhiên; phòng chống thiên tai và ứng phó BĐKH trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế còn vắn tắt, chỉ liệt kê tên của các tồn hạn chế. Cần bổ sung các nội dung luận giải về việc vì sao lựa chọn vấn đề (Phần thứ hai, Mục 3, Chương II, tiểu mục 2.1.5. Trang 282). | Nội dung này đã được cấu trúc lại. Các vấn đề trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, khai thác và sử dụng taì nguyên đã được trình bày trong nội dung thực trạng bảo vệ môi trường, khai thác và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học; phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu (mục VI, chương 2, phần II) |
| 49 | - Về Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư thời kỳ 2021-2030 tỉnh Thừa Thiên Huế, các dự án tập trung chủ yếu trong các lĩnh vực phát triển đô thị, du lịch, dịch vụ... các dự án cho lĩnh vực tài nguyên - môi trường chiếm tỷ lệ rất nhỏ (2/362 dự án), trong đó dự án đầu tư cụ thể cho BVMT chỉ có 01 dự án.  Đề nghị nên xem xét bổ sung các dự án xử lý nước thải, xử lý chất thải rắn, đáp ứng các mục tiêu về tài nguyên môi trường đề ra. | Đã điều chỉnh lại danh mục dự án ưu tiên đầu tư trên cơ sở cân đối nguồn lực đóng góp của dự án đối với phát triển KTXH cũng như định hướng phát triển của tỉnh. |
| 50 | 12. Hiện nay các cơ quan thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường đang trong quá trình hoàn thiện Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, trong đó bao gồm các nội dung về phân vùng môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, quan trắc và cảnh báo môi trường; Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đề nghị rà soát, sửa đổi, bổ sung (nếu có) các giải pháp, phương án có liên quan đến bảo vệ môi trường, không gian biển, vùng bờ trong quy hoạch tỉnh để bảo đảm phù hợp, thống nhất với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. | Tiếp thu góp ý, UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch rà soát, cập nhật các nội dung liên quan đảm bảo thống nhất với các quy hoạch ngành quốc gia. |
| 51 | Đối với Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) của Quy hoạch  1. Những nội dung đạt được đối với báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) của Quy hoạch:  - Cấu trúc của báo cáo ĐMC: đã tuân thủ theo quy định tại mẫu 01b Phụ lục II Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, trong đó đã có sự kết nối trong các nội dung của quá trình thực hiện ĐMC. Từ đó nhận diện được các vấn đề môi trường chính, đưa ra các giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính.  - Báo cáo đã đưa ra được sự cần thiết của nhiệm vụ lập Quy hoạch, các văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở để thực hiện nhiệm vụ.  2. Những nội dung cần bổ sung làm rõ, chỉnh sửa, hoàn thiện:  - Phần mở đầu: Đề nghị bổ sung Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 25/10/2022 của Chính phủ về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 và rà soát các nội dung liên quan để bảo đảm tính thống nhất.  - Chương 2: Về phạm vi thời gian cần rà soát lại các nội dung của quá trình thực hiện ĐMC, bao gồm thời gian nhận dạng các vấn đề tác động trong quá khứ và thời gian dự báo các tác động của các vấn đề môi trường chính trong quá trình thực hiện Quy hoạch để xác định thời gian thực hiện ĐMC theo quy định tại Phụ lục II, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. | Tiếp thu góp ý và đã cập nhật lại Phần mở đầu và Chương 2 của báo cáo ĐMC |
| 52 | Chương 3: Đánh giá tác động của Quy hoạch đến môi trường:  + Báo cáo đã xác định các vấn đề môi trường chính gồm: (1) Phát sinh chất thải làm suy thoái/ô nhiễm môi trường; (2) Trữ lượng và chất lượng nước; (3) Rủi ro tai biến thiên nhiên có liên quan đến BĐKH, nhất là lũ lụt, bão lốc và xâm thực/sạt lở bờ sông, bờ biển; (4) Bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH; (5) Các vấn đề về xã hội (giải tỏa và đền bù, di dời, tái định cư,…); (6) Các vấn đề liên quan đến di sản, di tích.  Tuy nhiên, một số nội dung như (i) Các vấn đề và tiểu vấn đề môi trường chính (trang 178); (ii) Dự báo diễn biến các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện quy hoạch (phương án “Không); (iii) Tác động của biến đổi khí hậu đến các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện Quy hoạch; (iv) Đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp thực hiện quy hoạch; (v) Giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính… đều có sự đánh giá các vấn đề môi trường chính khác hoặc thiếu so với các vấn đề đã lựa chọn.  Đề nghị rà soát, bổ sung, chỉnh sửa tại các phần nội dung đánh giá, dự báo tác động, đề xuất định hướng giải pháp cần dựa trên cơ sở và tuân thủ thứ tự của các vấn đề môi trường chính đã lựa chọn để đảm bảo tính thống nhất và khoa học cho báo cáo ĐMC. Đồng thời nên có sự phân tích, đánh giá bằng trọng số đối với các vấn đề môi trường chính để sắp xếp thứ tự theo mức độ quan trọng.  + Báo cáo đã dự báo các vấn đề môi trường chính, tuy nhiên cần bổ sung thêm nội dung tổng hợp liên quan đến định hướng của từng vấn đề môi trường chính.  + Việc đánh giá tác động của Quy hoạch đến môi trường cần phải theo các vấn đề môi trường chính đã được nhận dạng chứ không phải lấy các phương án phát triển trong Quy hoạch để đánh giá. | Tiếp thu góp ý và đã cập nhật Chương 3 Đánh giá tác động của Quy hoạch đến môi trường của báo cáo ĐMC |
| 53 | Chương 4: Giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính:  + Nội dung định hướng về cơ chế, chính sách và pháp luật và về tổ chức quản lý chưa bám sát theo các vấn đề môi trường chính ngoài trừ các giải pháp về công nghệ - kỹ thuật (mục 4.1.4). Do vậy, đề nghị cấu trúc lại các giải pháp theo như nội dung các giải pháp về công nghệ - kỹ thuật.  + Bổ sung định hướng thực hiện đánh giá tác động đối với từng vùng địa lý theo phân vùng môi trường (khu di tích lịch sử, đầm phá, khu bảo tồn đa dạng sinh học và rừng ngập mặn) được đề xuất trong Quy hoạch.  + Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch: bổ sung nội dung liên quan đến nguồn lực cần thiết (nhân lực, kinh phí và các điều kiện vật chất khác cần thiết cho hoạt động giám sát); bổ sung nội dung báo cáo kết quả thực hiện Quy hoạch, thực hiện chương trình quản lý môi trường và kết quả giám sát môi trường đến cơ quan phê duyệt Quy hoạch. Đồng thời, cập nhật các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường mới ban hành để áp dụng như QCVN 08/2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt; QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí. | Tiếp thu góp ý và đã cập nhật tại Chương 4 Giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính của báo cáo ĐMC |
| 54 | Chương 5: Bổ sung kết quả tham vấn chi tiết cho Báo cáo ĐMC, lập bảng tổng hợp thể hiện các ý kiến, kiến nghị của đối tượng được tham vấn và giải trình việc tiếp thu kết quả tham vấn, hoàn thiện báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (sắp xếp các ý kiến góp ý theo chương, mục liên quan của báo cáo đánh giá môi trường chiến lược).  - Chương Kết luận và Kiến nghị: Đề nghị sửa tên chương thành “Kết luận, Kiến nghị và Cam kết” theo đúng quy định đã nêu tại Thông tư số 02/2022/TT- BTNMT. Đề nghị rà soát và chỉnh sửa lại các nội dung 1, 2 của chương này để tuân theo cấu trúc đã quy định.  - Về Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu: trong trường hợp tỉnh Thừa Thiên Huế có kế hoạch xây dựng hồ sơ trình công nhận Công viên Địa chất (Quốc gia hoặc UNESCO) thì xem xét đưa nội dung này vào phần thuyết minh và bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên.  - Về tác động của biến đổi khí hậu đến Quy hoạch (trang 269): Tai biến thiên nhiên phải là một trong những vấn đề môi trường chính cần được quan tâm hàng đầu khi thực hiện Quy hoạch, Báo cáo ĐMC mới chủ yếu đánh giá các tác động liên quan đến nước biển dâng, ngập lụt, nước dâng do bão, hệ sinh thái đầm phá v.v chưa đề cập đến khu vực miền núi của tỉnh có điều kiện địa hình, địa chất đa dạng, phức tạp (không kết nối với mục 6.3.2. Phòng, chống thiên tai, tai biến địa chất – trang 508 của báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh). | Tiếp thu góp ý và đã cập nhật tại Chương 5 Tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá môi trường chiến lược báo cáo ĐMC |
| 55 | 3. Những vấn đề khác cần lưu ý:  - Theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Luật Quy hoạch năm 2017: quy hoạch tỉnh phải phù hợp quy hoạch vùng, quy hoạch cấp quốc gia. Tuy nhiên, hiện nay nhiều quy hoạch cấp quốc gia đang được lập, chưa được cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt. Vì vậy, cần làm rõ các vấn đề có liên quan chưa được xác định để đề xuất định hướng xử lý nhằm đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống quy hoạch, trong đó có nội dung liên quan đến sự phù hợp của phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, quan trắc môi trường trong Quy hoạch tỉnh với định hướng phân vùng môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, quản lý chất thải, quan trắc và cảnh báo môi trường trong Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia; nhiệm vụ, giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học trong Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia; nhiệm vụ, giải pháp về quan trắc môi trường trong Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia. | Tiếp thu góp ý, UBND Tỉnh đã chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch rà soát với các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng đã và đang được lập để đảm bảo sự đồng bộ và thống nhất giữa các quy hoạch. |
| 56 | - Chỉnh sửa tên các chỉ tiêu về quản lý chất thải theo đúng tên chỉ tiêu các vấn đề môi trường trọng điểm, cấp bách cơ bản được giải quyết, chất lượng môi trường từng bước được cải thiện, phục hồi tại Phụ lục I, Quyết định số 450/QĐ- TTg trong toàn bộ báo cáo. | Tiếp thu góp ý và đã cập nhật tương ứng trong báo cáo |

## Bộ Tư pháp (CV số 1125/BTP-PLDSKT ngày 29/3/2023)

| **Stt** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | 1. Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 gửi xin ý kiến (gồm: (i) Báo cáo quy hoạch tỉnh; (ii) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch tỉnh; (iii) hệ thống sơ đồ, bản đồ thể hiện nội dung quy hoạch) cơ bản đã đảm bảo các thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch. Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 15 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP: “xây dựng báo cáo quy hoạch gồm báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh…”. Vì vậy, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế rà soát, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu theo quy định nêu trên. | Tiếp thu góp ý, UBND tỉnh đã chỉ đạo rà soát, hoàn thiện hồ sơ đảm bảo theo các quy định của Luật quy hoạch và các Nghị định có liên quan. |
| 2 | 2. Đối với Báo cáo tổng hợp Quy hoạch, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế nghiên cứu, rà soát, bám sát nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (đã được phê duyệt tại Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính) và bảo đảm thể hiện đầy đủ, rõ ràng các nội dung theo yêu cầu tại Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017, Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP. | Tiếp thu góp ý, UBND tỉnh đã chỉ đạo rà soát hồ sơ Quy hoạch tỉnh đảm bảo theo các yêu cầu tại Quyết định số 646/QĐ-TTg. |
| 3 | 3. Nội dung quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế không có nội dung phương án phát triển ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp. Đối với các nội dung chi tiết của Quy hoạch là những vấn đề chuyên môn sâu, mang tính kỹ thuật; không thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp theo quy định tại Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp. Do đó, Bộ Tư pháp không có (và không thể có) ý kiến cụ thể về các nội dung này. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham khảo ý kiến của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực về nội dung phương án phát triển ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý trong quy hoạch tỉnh, đảm bảo sự liên kết, tính đồng bộ và hệ thống giữa các ngành, giữa các địa phương trong vùng, sự phù hợp của quy hoạch tỉnh được lập đối với quy hoạch tổng thể quốc gia (Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội), quy hoạch vùng có liên quan. | Tiếp thu góp ý, Hồ sơ Quy hoạch tỉnh đã được gửi đến các Bộ, cơ quan ngang bộ và các Tỉnh/Thành phố trong vùng để xin ý kiến. |
| 4 | 4. Đối với nội dung về giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quan tâm các giải pháp thu hút nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, tăng cường thực hiện thu hút đầu tư theo nhiều hình thực khác nhau theo quy định của pháp luật; chú trọng đến việc hoàn thiện cơ chế, chính sách khả thi để bảo đảm thực hiện Quy hoạch. | Hồ sơ Quy hoạch tỉnh đã có các giải pháp thu hút vốn ngoài ngân sách tại nội dung 2.1.1 (Mục II, Chương 12, Phần II) |
| 5 | 5. Theo Công văn số 1950/UBND-QHXT, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có nêu: hồ sơ dự thảo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến 2050 đã lấy ý kiến Bộ Công an và Bộ Quốc phòng theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP. Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế chịu trách nhiệm về nội dung thông tin đã cung cấp.  6. Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ theo đúng quy định tại Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP. | Tiếp thu góp ý, Hồ sơ Quy hoạch tỉnh đã xin ý kiến Bộ Công an và Bộ Quốc phòng, đảm bảo không vi phạm các vấn đề về quốc phòng và an ninh. |

## Bộ Lao động thương binh xã hội (CV số 1232/LĐTBXH-KHTC ngày 07/4/2023)

| **Stt** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Về nội dung Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế  2.1. Phần thứ nhất: Mở đầu  Về các căn cứ lập quy hoạch tại mục II (trang 2-4).  - Tại điểm 2.1. Các văn bản quy phạm pháp luật: Đề nghị nghiên cứu, bổ sung: Luật Giáo dục nghề nghiệp; Luật Giáo dục đại học; Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030; Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc Hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; | Các căn cứ pháp lý đã được chỉnh sửa tại mục II. Căn cứ lập quy hoạch. |
| 2 | - Tại điểm 2.2 Các chủ trương, định hướng, chiến lược phát triển của Đảng và nhà nước trong giai đoạn lập quy hoạch: Đề nghị bổ sung: Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29/12/2022 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.  - Tại điểm 2.3 Các quy hoạch cấp cao hơn và các quy hoạch thời kỳ trước: Đề nghị bổ sung Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. | Các căn cứ pháp lý đã được chỉnh sửa tại mục II. Căn cứ lập quy hoạch. |
| 3 | 2.4. Phần thứ 2: Nội dung quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050.  a) Mục 1. Phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thủ của tỉnh Thừa Thiên Huế.  Báo cáo tổng hợp đã đề cập đến quy mô, cơ cấu dân số của tỉnh tại điểm 2.1. Dân cư, dân tộc, cộng đồng dân cư (trang 21). Tuy nhiên, đề nghị bổ sung thông tin, số liệu và đánh giá về yếu tố lao động. Trong đó, làm rõ quy mô, cơ cấu lực lượng lao động, chất lượng nguồn nhân lực; năng suất lao động, tác động của chuyển dịch cơ cấu lao động đến tăng năng suất lao động (vì các yếu tố lao động, tăng năng suất lao động có ảnh hưởng đến tăng trưởng GRDP của tỉnh). Đồng thời, bổ sung dự báo về quy mô dân số, lực lượng lao động, nhu cầu nhân lực chất lượng cao cho một số ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch, nhất là nhân lực qua đào tạo, nhân lực có kỹ năng nghề. | Các đánh giá về lao động, gồm cơ cấu lực lượng lao động, chất lượng nguồn nhân lực… đã được phân tích tại nôi dungLao động và việc làm (mục 1.3.1., chương 2, phần II) và các phân tích về nguồn nhân lực tại nội dung Nguồn nhân lực (mục 1.4.2, chương 2, phần II))  Các kịch bản dự báo dân số và lao động được trình bày tại nội dung các kịch bản và lựa chọn phương án phát triển dân số, lao động và việc làm (mục 3.1, chương 3, phần II) |
| 4 | b) Mục 2. Đánh giá thực trạng phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế.  - Phần I. Thực trạng phát triển kinh tế xã hội  + Tại điểm 1.3.1. Dân số, lao động và việc làm (trang 78-82): Khoản 1. Thực trạng dân số, lao động (trang 103): đề nghị nghiên cứu, bổ sung thông tin về lực lượng lao động, chất lượng nguồn nhân lực, giải quyết việc làm, cơ cấu lao động theo ngành kinh tế, giới tính và nhóm tuổi (để làm rõ lực lượng lao động trong nhóm tuổi thanh niên, nguồn nhân lực quan trọng phục vụ cho quá trình phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế); tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; các hoạt động kết nối cung - cầu lao động (tư vấn, giới thiệu việc làm, tổ chức các sàn giao dịch việc làm...). | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung tại nội dung Lao động và việc làm (mục 1.3.1, chương 2, phần II) |
| 5 | + Tại điểm 1.3.2. Giáo dục, đào tạo (trang 83-89): Đề nghị rà soát, đánh giá kỹ hơn về thực trạng công tác giáo dục nghề nghiệp bao gồm các trình độ cao dẳng, trung cấp, sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác. Mức độ đáp ứng quy mô đào tạo so với nhu cầu nhân lực qua đào tạo của tỉnh đối với hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thời gian qua. | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa tại nội dung . Giáo dục, đào tạo (mục 1.3.3, chương 2). |
| 6 | + Đề nghị nghiên cứu bổ sung đánh giá thực trạng các lĩnh vực xã hội khác như: Giảm nghèo, trợ giúp xã hội, chăm sóc người có công, trẻ em, bình đẳng giới, phòng, chống tệ nạn xã hội. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung tại mục 1.3.6, chương 2 về Giảm nghèo, chính sách người có công, an sinh xã hội |
| 7 | - Phần V. Thực trạng phát triển hạ tầng xã hội  + Tại điểm 5.2. Thực trạng mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo (trang 208- 218): Đề nghị tách thành các nội dung về mạng lưới cơ sở giáo dục phổ thông, giáo và mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp (do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý, gồm các trường cao đẳng, trung cấp và các trung tâm giáo dục nghề nghiệp).  + Bổ sung và đánh giá thực trạng mạng lưới các cơ sở thuộc hạ tầng lĩnh vực lao động, người có công và xã hội, gồm: cơ sở dịch vụ việc làm, cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng, cơ sở trợ giúp xã hội (bao gồm cả cơ sở cai nghiện ma túy); làm rõ về số lượng cơ sở, quy mô đối tượng (quy mô tư vấn, giới thiệu việc làm đối với cơ sở dịch vụ việc làm; quy mô chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng đối với cơ sở trợ giúp xã hội), phân bố không gian và hiện trạng sử dụng đất. | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa tại mục 5.2. chương 2 về Thực trạng mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo |
| 8 | c) Mục 5. Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.  - Về các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể tại điểm 4.1 (trang 313): Đề nghị rà soát, sửa chỉ tiêu “tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều" để thống nhất với cả nước; rà soát các chỉ tiêu “Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ”, “tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm bình quân hằng năm” này phủ hợp với Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29/12/2022 của Chính phủ (Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt khoảng 35 - 40%, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm bình quân hằng năm là 1-1,5%); đồng thời, nghiên cứu bổ sung chỉ tiêu về chuyển dịch cơ cấu lao động (tỷ lệ lao động khu vực phi nông nghiệp). | Đã chỉnh sửa tại mục IV, chương 3 về các chỉ tiêu phát triển |
| 9 | - Về phương hướng phát triển lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (trang 355): Đề nghị làm rõ phương án phát triển lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp gồm: đào tạo cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và giáo dục nghề nghiệp khác. | Tiếp thu và bổ sung định hướng phát triển GDĐH và GDNN tại tiểu mục 3.2.2, chương 4, phần II |
| 10 | d) Mục 6. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng (từ trang 321-325)  Đề nghị bổ sung tiêu chí để xác định các ngành quan trọng của tỉnh; trên cơ sở đó lựa chọn, sắp xếp, tổ chức không gian và đề xuất giải pháp phát triển ngành quan trọng của tỉnh để tập trung nguồn lực thực hiện, tránh đầu tư dàn trải, không hiệu quả. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung tiêu chí lựa chọn ngành, lĩnh vực quan trọng tại mục I, chương 4, về. Luận chứng xác định các ngành và lĩnh vực quan trọng |
| 11 | đ) Mục 10. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội  Đề nghị ghép nội dung tại Phần III. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng giáo dục nghề nghiệp và trợ giúp xã hội (từ trang 552-554) và Phần VII. Phương án phát triển hạ tầng an sinh xã hội (trang 560) thành 01 nội dung thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội. Trong đó đề nghị rà soát, bổ sung các nội dung sau:  - Đối với hạ tầng giáo dục nghề nghiệp, đề nghị nghiên cứu, bổ sung theo nội dung Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (được phê duyệt tại Quyết định số 73/2023/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ) để đảm bảo sự phù hợp, thống nhất của quy hoạch tỉnh với quy hoạch ngành quốc gia. Về phương án phát triển để nghị xác định rõ mục tiêu về quy mô tuyển sinh, quy mô đào tạo; phương án bố trí không gian phát triển, nhu cầu sử dụng đất và khả năng bố trí quỹ đất của tỉnh cho mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong thời kỳ quy hoạch.  - Bổ sung phương án phát triển mạng lưới các trung tâm dịch vụ việc làm, cơ sở bảo trợ xã hội (bao gồm cả cơ sở cai nghiện ma tuý), cơ cơ nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng (thuộc danh mục quy hoạch tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo Nghị quyết số 110/NQ-CP của Chính phủ). Đối với các phương án phát triển cần đảm bảo về số lượng cơ sở, quy mô phát triển (quy mô tư vấn, giới thiệu việc làm đối với cơ sở dịch vụ việc làm, quy mô chăm sóc, nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội...); định hướng không gian phát triển, nhu cầu sử dụng đất và khả năng bố trí quỹ đất của tỉnh cho mạng lưới các cơ sở này trong thời kỳ quy hoạch (bao gồm cả định hướng phát triển đối với các cơ sở ngoài công lập). | Tiếp thu và bổ sung định hướng quy mô tuyển sinh, ngành nghề đào tạo tại tiểu mục 3.2.2, chương 4, phần II  Tiếp thu, bổ sung phần phương án quy hoạch mạng lưới GDNN, yêu cầu xây dựng CSVC tại tiểu mục 2.2, chương 8, phần II |
| 12 | e) Mục 14. Thực hiện quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050.  Về dự án ưu tiên đầu tư (trang 675-696): Đề nghị rà soát, bảo đảm danh mục dự án quan trọng, ưu tiên đầu tư phù hợp với khả năng huy động nguồn lực thực hiện theo phân kỳ đầu tư trong thời kỳ quy hoạch (các dự án từ cấp liên huyện trở lên); đối với các dự án, công trình quy mô nhỏ (cấp huyện, xã...) có thể nghiên cứu để đưa vào các danh mục khác. Đồng thời rà soát, bổ sung các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội, gồm: các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, dịch vụ việc làm, trợ giúp xã hội (gồm cả cơ sở cai nghiện ma túy), nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng trong danh mục dự án ưu tiên đầu tư, bảo đảm phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương, đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực chất lượng cao, giải quyết việc làm và cung ứng các dịch vụ trợ giúp xã hội, chăm sóc đối tượng chính sách. | Tiếp thu ý kiến của Quý Bộ, Tỉnh đã rà soát, bảo đảm danh mục dự án quan trọng, ưu tiên đầu tư phù hợp với khả năng huy động nguồn lực thực hiện theo phân kỳ đầu tư trong thời kỳ quy hoạch. Ngoài ra, hướng đến xây dựng thành phố trực thuộc Trung ương theo Nghị quyết 54 của Bộ Chính trị, Tỉnh tập trung ưu tiên các dự án hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế xã hội và xây dựng đô thị đảm bảo tiêu chí của đô thị trực thuộc trung ương. |

## Bộ Tài chính (CV số 3524/BTC-NSNN ngày 12/4/2023)

| **Stt** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | 1. Hồ sơ lấy ý kiến về Quy hoạch Tỉnh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của tỉnh Thừa Thiên Huế đã đầy đủ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 32 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/05/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch'; gồm: (i) báo cáo quy hoạch, (ii) báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, (ii) hệ thống sơ đồ, bản đồ thể hiện nội dung quy hoạch.  2. Về tiến độ lập quy hoạch: Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 27/9/2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030. | Tiếp thu góp ý, UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch đẩy nhanh tiến độ hoàn thành Quy hoạch tỉnh theo quy định. |
| 2 | 3. Về sự phù hợp, tính khoa học, độ tin cậy của nội dung và phương pháp lập quy hoạch: Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế căn cứ các Nghị quyết của Đảng về định hướng chiến lược phát triển kinh tế xã hội, các quy hoạch ngành quốc gia, Luật Quy hoạch, Nghị quyết số 18/NQ-TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội, Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 6/5/2022, Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 13/9/2019 của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan để lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. | Nội dung và phương pháp lập quy hoạch tỉnh đã đảm bảo tuân thủ, cập nhật các định hướng và các quy định có liên quan |
| 3 | 4. Về nội dung dự thảo Báo cáo Quy hoạch Tinh:  4.1. Nhiệm vụ quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020; vì vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế chịu trách nhiệm rà soát, tổ chức lập quy hoạch đảm bảo theo nhiệm vụ đã được phê duyệt. | Tiếp thu góp ý, các nội dung của QHT đã đảm bảo các yêu cầu của nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh tại Quyết định sô 646/QĐ-TTg |
| 4 | 4.2. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 462/QĐ-TTg ngày 14/4/2022 về nhiệm vụ lập quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Miền Trung thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Luật Quy hoạch và Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giai pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030 (thay thế Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc giải thích một số điều của Luật Quy hoạch), theo đó: Quy hoạch tỉnh phải phù hợp quy hoạch vùng, quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia. Các quy hoạch có thể lập đồng thời; quy hoạch nào được lập, thẩm định xong trước thì được quyết định hoặc phê duyệt trước; sau khi quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt, nếu có mâu thuẫn thì quy hoạch thấp hơn phải điều chỉnh theo quy hoạch cao hơn. Vì vậy, đề nghị Tỉnh rà soát, xây dựng quy hoạch tỉnh trên cơ sở phù hợp với các quy hoạch đã được phê duyệt. Khi Quy hoạch vùng, quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia trong thời kỳ 2021- 2030 được phê duyệt, trường hợp quy hoạch tỉnh có mẫu thuẫn phải điều chỉnh theo quy định. | Tiếp thu góp ý, QHT liên tục được rà soát để đảm bảo phù hợp với các quy hoạch cấp cao hơn đã được duyệt |
| 5 | 4.3. Đề nghị Tỉnh tiếp thu ý kiến của các Bộ có liên quan đến các hợp phần quy hoạch để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch tỉnh phù hợp với quy định (trong đó có Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với các quy hoạch thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh). | Tiếp thu góp ý, các ý kiến của các Bộ đã được tiếp thu, giải trình và tích hợp vào Hồ sơ quy hoạch tỉnh |
| 6 | 4.4. Về căn cứ pháp lý lập quy hoạch (trang 2 Báo cáo tổng hợp): Đề nghị Tinh bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ lập quy hoạch; gồm: Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26/8/2022 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030. | Các căn cứ pháp lý đã được hiệu chỉnh tại mục II. Căn cứ lập quy hoạch |
| 7 | 4.5. Về quy hoạch hệ thống kho dự trữ quốc gia:  - Quy hoạch hệ thống kho dự trữ quốc gia đến năm 2020  Trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế có quy hoạch hệ thống kho dự trữ quốc gia của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; tình hình thực hiện quy hoạch cụ thể như sau:  + Đối với quy hoạch hệ thống kho dự trữ quốc gia của Bộ Tài chính: Bộ trưởng Bộ Tài chính đã phê duyệt quy hoạch chi tiết hệ thống kho dự trữ quốc gia tại các quyết định: Số 403/QĐ-BTC ngày 10/6/2013 và các quyết định điều chỉnh có liên quan (số 357/QĐ-BTC ngày 22/5/2015, số 732/QĐ-BTC ngày 26/6/2020); trong đó, tổng diện tích đất xây dựng hệ thống kho dự trữ quốc gia trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế được quy hoạch là 05 ha. Đến nay, tỉnh Thừa Thiên Huế chưa bố trí đất để xây dựng hệ thống kho dự trữ quốc gia.  + Đối với hệ thống kho dự trữ quốc gia của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao Cục Trồng trọt ký hợp đồng thuê Công ty Cổ phần Giống cây trồng - Vật nuôi Thừa Thiên Huế thực hiện bảo quản tại 01 điểm kho. | Tiếp thu góp ý, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo rà soát việc bố trí đất xây dựng với hệ thống kho dự trữ quốc gia trên địa bàn tỉnh |
| 8 | - Quy hoạch hệ thống kho dự trữ quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050  Hiện nay, quy hoạch tổng thể hệ thống kho kho dự trữ quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn 2050 đang được triển khai xây dựng, dự kiến hoàn thành trong năm 2023.  Căn cứ quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch, quy hoạch chi tiết hệ thống kho dự trữ quốc gia của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế tiếp tục thực hiện theo quy hoạch thời kỳ trước cho đến khi quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và quy hoạch chi tiết hệ thống kho dự trữ quốc gia cùng thời kỳ được phê duyệt.  Căn cứ Điều 1 và Phụ lục 31 kèm theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 – 2025; trong đó, chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất xây dựng kho dự trữ quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế là 08 ha (không bao gồm kho thuê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Do đó, sau khi quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt, quy hoạch chi tiết hệ thống kho dự trữ quốc gia trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế sẽ thực hiện điều chỉnh tích hợp theo quy định hiện hành. | Tiếp thu góp ý, QHT sẽ liên tục rà soát và cập nhật các nội dung của quy hoạch ngành quốc gia được phê duyệt |
| 9 | 4.6. Về giải pháp và nguồn lực thực hiện quy hoạch Tỉnh (trang 696 Báo cáo tổng hợp):  Ngày 28/7/2021, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 29/2021/QH15 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Thừa Thiên Huế là 20.342 tỷ đồng (vốn ngân sách trung ương là 7.821 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương là 12.521 tỷ đồng).  Theo dự thảo báo cáo tổng hợp về giải pháp và nguồn lực thực hiện quy hoạch: tỉnh Thừa Thiên Huế chưa dự kiến nhu cầu vốn đầu tư theo từng giai đoạn; đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế dự kiến nhu cầu vốn, xác định chi tiết cơ cấu nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để thực hiện quy hoạch. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nguồn vốn huy động thực hiện quy hoạch theo đúng quy định, trong đó chi tiết từng nguồn vốn (vốn ngân sách nhà nước, vốn tư nhân,...), phân kỳ từng theo từng giai đoạn và từng năm đảm bảo phù hợp với nguồn lực. | Nhu cầu vốn và phân kỳ theo giai đoạn đã được đề cập tại mục 3.2, chương 3 về các kịch bản phát triển kinh tế.  Các giải pháp huy động vốn đã được đề cập tại mục 2.1.1, chương 12 về Giải pháp huy động vốn đầu tư. |

## Bộ Kế hoạch và đầu tư (CV số 3247/BKHĐT-QLQH ngày 27/4/2023)

| **Stt** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Các số liệu, dữ liệu được sử dụng để phân tích, đánh giá trong báo cáo quy hoạch tỉnh tương đối đầy đủ, được trích dẫn từ các tài liệu chính thống, làm cơ sở cho việc đề xuất các phương hướng phát triển và các giải pháp thực hiện trong thời kỳ quy hoạch. Tuy nhiên, các số liệu phân tích hiện trạng được trích dẫn trong báo cáo quy hoạch đang theo những mốc thời gian khác nhau, do vậy, đề nghị thống nhất lấy mốc thời gian cuối là năm 2020 để làm cơ sở phân tích, đánh giá hiện trạng; đồng thời, các số liệu được sử dụng trong báo cáo quy hoạch phải đảm bảo tính thống nhất, phù hợp với số liệu trong Niên giám thống kê đã được công bố, phải được trích dẫn nguồn thông tin, số liệu theo quy định của pháp luật. | Tiếp thu góp ý, UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch thống nhất lấy mốc thời gian năm 2020 để phân tích, đánh giá thực trạng quy hoạch. |
| 2 | Các nội dung tham gia cụ thể  1. Về phần mở đầu  a) Căn cứ lập quy hoạch  Căn cứ lập quy hoạch tỉnh trong báo cáo quy hoạch về cơ bản đầy đủ, tuy nhiên đề nghị rà soát, bổ sung một số văn bản quan trọng làm căn cứ lập quy hoạch tỉnh như:  - Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao; Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050;  - Các Quyết định: Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030, các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các quy hoạch ngành quốc gia. | Các căn cứ pháp lý đã được chỉnh sửa tại mục II. Căn cứ lập quy hoạch. |
| 3 | b) Về quá trình tổ chức và nghiên cứu lập quy hoạch tỉnh  - Nội dung về quá trình tổ chức và nghiên cứu lập quy hoạch tỉnh trong báo cáo quy hoạch hiện nay là việc sao chép lại quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Quy hoạch về quy trình lập quy hoạch tỉnh; chưa thể hiện được quá trình lập Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Quy hoạch, một trong các nội dung thẩm định quy hoạch là thẩm định "việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch quy định tại Điều 16 của Luật Quy hoạch"; do vậy, đề nghị bổ sung, làm rõ quy trình Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh có cơ sở để nhận xét, đánh giá theo quy định của pháp luật về quy hoạch. | Quy trình thực hiện quy hoạch tỉnh được thực hiện theo các nhiệm vụ tại khoản 4, điều 16 của Luật quy hoạch, kết quả thực hiện được trình bày tại mục IV, phần I về đánh giá kết quả thực hiện quy trình lập quy hoạch tỉnh. |
| 4 | - Hồ sơ xin ý kiến quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế không thể hiện số lượng và yêu cầu về các nội dung đề xuất được tích hợp vào quy hoạch tỉnh; trong khi theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Quy hoạch, một trong các nội dung thẩm định quy hoạch là thẩm định "Việc tích hợp các nội dung quy hoạch do Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan được phân công thực hiện"; do vậy, đề nghị bổ sung, làm rõ việc tích hợp các nội dung đề xuất vào Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế, trong đó lưu ý các nội dung đề xuất để tích hợp vào phương án phát triển ngành, lĩnh vực trong quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030 có tính khái quát cao nhưng vẫn phải đảm bảo đầy đủ các nội dung cơ bản phục vụ cho công tác quản lý và đủ điều kiện để triển khai quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành sau khi quy hoạch tỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung tại mục 3.3.1, phần I về phương pháp lập quy hoạch. |
| 5 | 2. Về nội dung quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch  a) Phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Thừa Thiên Huế  - Các nội dung phân tích, đánh giá về yếu tố, điều kiện phát triển của tỉnh Thừa Thiên Huế chủ yếu mới dừng lại ở việc mô tả hiện trạng, chưa có các phân tích, đánh giá sâu về những cơ hội, tiềm năng phát triển, khả năng khai thác, sử dụng các điều kiện tự nhiên cho giai đoạn 2021-2030; do vậy, đề nghị nghiên cứu, bổ sung. | Tiếp thu góp ý và đã rà soát, bổ sung các phân tích, đánh giá về cơ hội, tiềm năng phát triển tại mục I. Các yếu tố, điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường.  Tổng hợp các phân tích SWOT được nêu tại mục VIII, chương 2 về Đánh giá tổng hợp. |
| 6 | - Về vị trí địa lý: báo cáo quy hoạch tỉnh nhận định “Vị trí địa lý của tỉnh Thừa Thiên Huế có tầm chiến lược, xét về các mặt liên kết vùng, kinh tế-xã hội, bảo vệ môi trường và đảm bảo an ninh quốc phòng”, tuy nhiên, các nội dung mô tả, phân tích về vị trí địa lý trong báo cáo quy hoạch chưa làm nổi bật tính chiến lược về vị trí của tỉnh so với các địa phương khác trong vùng Bắc Trung Bộ; do vậy, đề nghị xem xét, nghiên cứu bổ sung nội dung để làm rõ thêm về vị trí địa lý chiến lược của tỉnh. | Vai trò vị trí địa chiến lược của tỉnh đã được nhận định tại mục 1.1 chương 1 về Vị trí địa lý; và tại mục VIII, chương 2 về Đánh giá tổng hợp. |
| 7 | - Đề nghị phân tích sâu về ý nghĩa, đóng góp của phá Tam Giang đối với sự phát triển kinh tế, du lịch của tỉnh. | Đóng góp của phá Tam Giang đối với sự phát triển kinh tế đã được phân tích tại mục 1.3.4, chương 1 về Tài nguyên thuỷ sản và mục 1.2.5.4, chương về Tài nguyên du lịch, cũng như báo cáo nội dung đề xuất tích hợp đính kèm báo cáo |
|  | - Về tài nguyên thiên nhiên và môi trường:  + Nội dung phân tích, đánh giá về tài nguyên thiên nhiên và môi trường trong báo cáo quy hoạch hiện nay còn hạn chế, do vậy, đề nghị rà soát, bổ sung, ví dụ: tài nguyên đất (bổ sung phân tích cụ thể về cơ cấu và phân bố các loại đất), bổ sung tài nguyên biển. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung tại mục 1.3, chương 1 về Tài nguyên thiên nhiên và mục 1.4. chương 1 về Tài nguyên môi trường |
| 8 | - Đề nghị rà soát, bổ sung các số liệu về hiện trạng theo cả giai đoạn 2011-2020 để thấy được diễn biến thay đổi của hiện trạng để có các nhận xét, đánh giá khách quan, chính xác. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung các số liệu về hiện trạng theo cả giai đoạn 2011-2020 |
| 9 | - Về điều kiện xã hội:  + Nội dung phân tích, đánh giá về dân cư, dân tộc, cộng đồng dân cư trong báo cáo quy hoạch còn sơ sài; đề nghị xem xét, phân tích rõ hơn về phân bố dân cư trên địa bàn tỉnh để có phương án tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ quy hoạch phù hợp, đồng thời đảm bảo kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh, trong đó lưu ý đến vùng miền núi, dân tộc thiểu số của tỉnh. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung các phân tích rõ hơn về phân bố dân cư trên địa bàn tỉnh tại mục 2.1.1, chương 1 về Dân số và đặc điểm dân số |
| 10 | + Đề nghị xem xét, bổ sung các phân tích, số liệu về: (i) Cơ cấu dân số theo độ tuổi của tỉnh hiện nay để xác định dân số tỉnh Thừa Thiên Huế đang trong thời kỳ nào; (ii) Chất lượng dân số thông qua các chỉ tiêu về trình độ lao động, so sánh giữa tốc độ tăng dân số với tốc độ tăng trưởng kinh tế...; (iii) Tính đặc thù của lao động tỉnh Thừa Thiên Huế; (iv) Việc thu hút lao động ngoài tỉnh và đội ngũ chuyên gia đến làm việc tại địa phương; (v) Điều kiện sống, mức độ thụ hưởng của người dân, trong đó đề nghị phân tích cụ thể về việc thu hút lao động ngoài tỉnh và đội ngũ chuyên gia đến làm việc tại tỉnh do đây là một trong các giả định quan trọng để xây dựng các kịch bản phát triển. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung tại mục 2.1.1, chương 1 về Dân số và đặc điểm dân số.  Việc thu hút lao động ngoại tỉnh và đội ngũ chuyên gia đến tỉnh làm việc hiện còn hạn chế do các ngành kinh tế, đặc biệt là các ngành công nghệ cao chưa phát triển; các cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng đô thị đang trong quá trình hoàn thiện. Yêu cầu thu hút lực lượng lao động chất lượng cao, đội ngũ chuyên gia, nhà quản lý trong kỳ quy hoạch 2021-2030 gắn với kịch bản phát triển lựa chọn, trên cơ sở phát triển toàn diện các hạ tầng xã hội, hạ tầng đô thị để trở thành thành phố trực thuộc TW, phát triển mạnh các ngành CNTT, công nghiệp văn hóa, dịch vụ và một số dự án công nghiệp trọng điểm. |
| 11 | - Về vị trí, vai trò của tỉnh Thừa Thiên Huế đối với vùng và quốc gia: đề nghị xem xét bổ sung, đánh giá về vai trò, vị trí của tỉnh đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, của vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung thông qua một số khía cạnh như: đóng góp của tỉnh vào GDP của vùng; đóng góp của tỉnh trong giao lưu kinh tế, thương mại, du lịch, vận chuyển hàng hoá với vùng, cả nước; các chỉ tiêu về xã hội như dân số, lao động… so với vùng và cả nước. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung tại mục 3.1, chương 1 về Vị thế, vai trò của tỉnh Thừa Thiên Huế đối với vùng và quốc gia |
| 12 | - Về các yếu tố và điều kiện của vùng, quốc gia và quốc tế tác động đến phát triển của tỉnh: trong báo cáo quy hoạch chủ yếu mới liệt kê các yếu tố của quốc tế, quốc gia; chưa có phân tích tác động của các yếu tố này đến phát triển của tỉnh, do vậy, đề nghị nghiên cứu, bổ sung | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung nhận định đánh giá tác động tại mục 3.2, chương 1 về Các yếu tố và điều kiện của vùng, quốc gia và quốc tế tác động đến phát triển của Tỉnh |
| 13 | - Về các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu: Thừa Thiên Huế nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa Đông Nam Á với nền nhiệt cao, chịu ảnh hưởng của các hiện tượng EL Nino và La Nina nên phải hứng chịu thời tiết cực đoan như bão, lụt, dông lốc, sạt trượt đất, hạn hán, xâm nhập mặn, cháy rừng. Trong thời gian qua, những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu đối với tỉnh Thừa Thiên Huế đã hiện hữu khá rõ, gây thiệt hại trong lĩnh vực kinh tế nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp. Tuy nhiên, nội dung về các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trong báo cáo quy hoạch còn rất hạn chế, đề nghị xem xét, bổ sung. | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa tại mục IV, chương 1 về Các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu. |
| 14 | b) Thực trạng phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế  - Về thực trạng phát triển kinh tế:  + Đề nghị bổ sung, phân tích số liệu về GRDP bình quân đầu người của tỉnh trong giai đoạn 2010-2020; đồng thời có sự so sánh về GRDP bình quân đầu người của tỉnh với trung bình cả nước và vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung; chỉ rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan dẫn đến tăng trưởng của tỉnh có xu hướng giảm dần trong giai đoạn 2011-2015 và gần như đi ngang trong giai đoạn 2015-2019. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung nội dụng về GRDP bình quân đầu người, đánh giá về xu hướng tăng trưởng tại mục 1.1, chương 2 về Thực trạng phát triển kinh tế |
| 15 | + Về năng suất lao động: để đánh giá về sự chuyển đổi mô hình tăng trưởng của tỉnh trong thời kỳ 2011-2020, đề nghị bổ sung số liệu và các phân tích, đánh giá về sự đóng góp của các nhân tố: lao động, đầu tư và đặc biệt là đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP), do TFP là chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất mang lại do nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và lao động, nhờ vào tác động của các nhân tố đổi mới công nghệ, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến quản lý, nâng cao trình độ lao động... | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung nội dung về đóng góp của TFP tại mục 1.1, chương 2, về Thực trạng phát triển kinh tế |
| 16 | - Về thực trạng phát triển các ngành kinh tế:  + Về hiện trạng phát triển nông, lâm, thủy sản: đề nghị bổ sung chuỗi số liệu từ năm 2011 đến năm 2020 để làm cơ sở phân tích, đánh giá hiện trạng; xem xét, làm rõ sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh để có cơ sở xây dựng các vùng chuyên canh hàng hóa quy mô lớn, phát triển hợp tác xã hình thành chuỗi giá trị ngành hàng chủ lực của tỉnh; phân tích, đánh giá bổ sung về thực trạng phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; loại bỏ các nội dung chi tiết về hiện trạng các loại cây trồng vật nuôi. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung tại Báo cáo tổng hợp, tại mục 1.2.1, chương 2. |
| 17 | + Về hiện trạng phát triển ngành công nghiệp: đề nghị bổ sung các phân tích, đánh giá về khả năng phát triển phân ngành/nhóm ngành công nghiệp của tỉnh có lợi thế cạnh tranh. Tại trang 50 của báo cáo quy hoạch nhận định “Công nghiệp hiện đang đóng vai trò là động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế tỉnh Thừa Thiên Huế”, tuy nhiên, tại trang 32 của báo cáo quy hoạch lại khẳng định “Khác với nhiều tỉnh thành trong cả nước đẩy mạnh phát triển công nghiệp để có tăng trưởng cao, động lực cho tăng trưởng của Thừa Thiên Huế”, do vậy, đề nghị rà soát để đảm bảo tính thống nhất trong các nhận xét, đánh giá. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung tại mục 1.2.3, chương 2 về Hiện trạng ngành công nghiệp |
| 18 | + Bổ sung phân tích, đánh giá về đóng góp của các khu công nghiệp về thu hút đầu tư, đóng góp ngân sách, giải quyết việc làm, giá trị xuất khẩu...; tình hình xây dựng nhà ở công nhân, các công trình văn hóa, thể thao cho người lao động tại các khu công nghiệp; đánh giá hiệu quả đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hiệu quả kinh tế - xã hội của các khu công nghiệp, khả năng kết nối với hệ thống giao thông, logistic và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác tại các khu công nghiệp với hệ thống hạ tầng của tỉnh; rà soát lại tỷ lệ lấp đầy của các khu công nghiệp đã thành lập đảm bảo sự thống nhất số liệu trong toàn bộ báo cáo; | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung tại mục 3.3.2, chương 2 về Thực trạng phát triển khu công nghiệp |
| 19 | bổ sung đánh giá, phân tích về đóng góp của các khu kinh tế cửa khẩu đổi với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. |  |
| 20 | + Về hiện trạng phát triển các ngành dịch vụ: phân tích sâu sự đóng góp của du lịch vào GRDP của tỉnh; phân tích làm rõ thực trạng hạ tầng phục vụ du lịch; xác định các điểm nghẽn trong phát triển du lịch của tỉnh; bổ sung chỉ số về tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh (nghìn tỷ đồng) qua từng giai đoạn (2011-2015, 2016-2020) hoặc từng năm) để có cơ sở đưa ra chỉ số tăng thêm của ngành thương mại; | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung tại mục 1.2.5. chương 2 về Hiện trạng ngành dịch vụ |
| 21 | bổ sung các phân tích, đánh giá về hiện trạng phát triển hệ thống hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh |  |
| 22 | - Về thực trạng phát triển các lĩnh vực xã hội:  + Về thực trạng phát triển y tế: bổ sung nội dung đánh giá về khả năng đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của các cơ sở y tế; thực trạng phát triển hệ thống y tế tư nhân, các dịch vụ y tế. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung làm rõ các nội dung này ở nội dung ở mục 1.3.3, chương 2 về Y tế và chăm sóc sức khoẻ (các chỉ tiêu y tế, thực trạng phát triển các lĩnh vực y tế) và ở mục 5.1, chương 2 về Thực trạng cơ sở hạ tầng y tế và chăm sóc sức khoẻ (về số giường bệnh, công suất sử dụng giường bệnh, mức độ xã hội hoá và phát triển y tế tư nhân...). |
| 23 | + Bổ sung thực trạng phát triển khoa học, công nghệ, trong đó lưu ý đánh giá về công tác chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực và thực trạng phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh. | Thực trạng chuyển đổi số đã được nêu ở Mục 1.4.3, chương 2 về . Nguồn lực KHCN, và mục 4.3, chương 2 về Mạng lưới thông tin và Truyền thông |
| 24 | - Về đánh giá tiềm năng đất đai và hiện trạng sử dụng đất: nội dung về tính hợp lý, hiệu quả sử dụng các loại đất trong báo cáo quy hoạch hiện này là việc liệt kê diện tích các loại đất; do vậy, đề nghị bổ sung các nhận xét, đánh giá về tính hợp lý, hiệu quả sử dụng các loại đất để đảm bảo phù hợp với tên đề mục và quy định tại điểm c khoản 2 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung vào báo cáo |
| 25 | - Về thực trạng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng:  + Về thực trạng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn: bổ sung đánh giá kết quả xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa nông thôn theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;  chuyển Bảng 26. Lộ trình nâng cấp đô thị theo chương trình phát triển đô thị sang Phương án quy hoạch hệ thống đô thị vì lộ trình này được áp dụng cho giai đoạn đến năm 2025 và đến năm 2030. | Đã bổ sung tại mục 3.2.3, chương 2 về Kết quả thực hiện chương trình nông thôn mới trên địa bàn tỉnh |
| 26 | + Về thực trạng phát triển và các khu chức năng: bổ sung phân tích, đánh giá về đóng góp của các khu kinh tế, khu công nghiệp về thu hút đầu tư, đóng góp ngân sách, giải quyết việc làm, giá trị xuất khẩu...; tình hình xây dựng nhà ở công nhân, các công trình văn hóa, thể thao cho người lao động tại các khu công nghiệp; đánh giá hiệu quả đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hiệu quả kinh tế - xã hội của các khu công nghiệp, khả năng kết nối với hệ thống giao thông, logistic và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác tại các khu công nghiệp với hệ thống hạ tầng của tỉnh. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung trong mục 3.3, chương 2 về Thực trạng phát triển các khu chức năng, bao gồm từ 3.3.1 đến 3.3.3 |
| 27 | + Bổ sung nội dung đánh giá về thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của các khu chức năng theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ. | Thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của các khu chức năng đã được trình bày tại mục 3.3, chương 2. |
| 28 | - Về thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật  + Về hạ tầng giao thông vận tải: Đề nghị bổ sung nội dung phân tích, đánh giá về: (i) Điểm nghẽn trong kết nối vùng, liên vùng với hệ thống giao thông vận tải nội tỉnh đối với từng phương thức vận tải; (ii) Tính kết nối của 05 loại hình giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh. | Đã bổ sung tại mục 4.1, chương 2 về thực trạng phát triển mạng lưới giao thông |
| 29 | + Về hạ tầng điện: Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá về hiện trạng đảm bảo cung cấp điện và năng lượng trên địa bản tỉnh (có đáp ứng đủ nhu cầu điện sinh hoạt và điện sản xuất hay không). | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung nội dung đánh giá về hiện trạng hạ tầng điện, mục 4.2.3, chương 2. |
| 30 | c) Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050  - Đề nghị loại bỏ quan điểm phát triển thứ nhất “1. Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải tuân thủ và phù hợp định hướng, tầm nhìn phát triển đất nước, tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 của cả nước;...” vì đây là quan điểm lập quy hoạch tỉnh, không phải quan điểm phát triển. | Tiếp thu góp ý và đã điều chỉnh lại Quan điểm phát triển tại mục I, chương 3. |
| 31 | - Về mục tiêu: đề nghị xem xét loại bỏ mục tiêu “ Đến năm 2030,....trung tâm kinh tế biển, cực tăng trưởng của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung...”, vì các lý do như sau: (1) hiện nay, vùng để lập quy hoạch gồm 06 vùng kinh tế - xã hội, trong đó, không có các vùng kinh tế trọng điểm; (2) tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã xác định hình thành, phát triển vùng động lực miền Trung, bao gồm khu vực ven biển thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi; trong đó thành phố Đà Nẵng là cực tăng trưởng”. | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa tại mục IV. Chương 3 về Các chỉ tiêu phát triển, |
| 32 | - Về tầm nhìn đến năm 2050: đề nghị bổ sung một số chỉ tiêu khái quát đến năm 2050 như: tốc độ tăng trưởng GRDP 2031-2050; GRDP bình quân đầu người, chỉ tiêu tỷ lệ đô thị hóa; chỉ số phát triển con người. | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa mục 2.2, chương 3 về Tầm nhìn |
| 33 | d) Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh  - Đề nghị rà soát, bổ sung phương án tổ chức không gian phát triển và giải pháp phát triển các ngành quan trọng của tỉnh theo quy định tại tại điểm b và điểm c khoản 4 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ. | Nội dung Báo cáo đã đề cập Phương án tổ chức không gian và giải pháp phát triển các ngành quan trọng |
| 34 | - Về phương hướng phát triển ngành công nghiệp: trong luận chứng xác định các ngành quan trọng xác định có 06 ngành kinh tế đáp ứng các tiêu chí phát triển trong thời kỳ quy hoạch, trong đó có công nghiệp chế biến, chế tạo (may mặc, đồ uống, vật liệu xây dựng, thuốc hóa dược, công nghiệp văn hóa); tuy nhiên, trong phương hướng phát triển công nghiệp, nội dung về phương hướng các ngành quan trọng còn rất hạn chế, do vậy, đề nghị nghiên cứu bổ sung. | Đã bổ sung tại mục 2.1.2, chương 4 về Phương hướng phát triển công nghiệp |
| 35 | - Về phương án phát triển ngành nông nghiệp: hiện nay, Ban chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 19-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045, do đó, đề nghị nghiên cứu, bổ sung các nội dung liên quan trong Nghị quyết số 19-NQ/TW phù hợp với điều kiện của tỉnh để bổ sung vào báo cáo quy hoạch. Rà loại, loại bỏ định hướng cụ thể về diện tích, sản lượng các loại cây trồng, vật nuôi để tạo sự linh hoạt trong công tác chỉ đạo, điều hành. | Tiếp thu ý kiến và đã rà soát, bổ sung các nội dung liên quan tại mục 2.3, chương 4 về phương hướng phát triển ngành nông, lâm, thuỷ sản |
| 36 | - Về phương án phát triển du lịch: một trong những nguyên nhân dẫn đến du lịch của tỉnh chưa phát triển được xác định tại phần hiện trạng là do hạ tầng phục vụ du lịch còn hạn chế, do vậy, đề nghị bổ sung phương hướng phát triển hạ tầng phục vụ du lịch của tỉnh để hiện thực hóa mục tiêu tỉnh Thừa Thiên Huế trở thành một trong những trung tâm du lịch của cả nước. Ngoài ra, đề nghị rà soát, bổ sung một số nội dung: (i) Phương hướng phát triển các tuyến du lịch, cụm du lịch và sự kết nối giữa các tuyến, cụm du lịch; (ii) Định hướng kết nối với các địa phương trong vùng để liên kết, khai thác và phát triển du lịch của tỉnh. Chuẩn xác tên khu du lịch quốc gia Lăng Cô - Bạch Mã - Cảnh Dương thành khu du lịch quốc gia Lăng Cô - Cảnh Dương theo Quyết định số 1774/QĐ-TTg ngày 19/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Hiện nay, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang xây dựng Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, do vậy, đề nghị UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để nghiên cứu, đề xuất phương án thành lập khu du lịch quốc gia tại khu nước khoáng nóng Thanh Tân (để phù hợp với mục tiêu hình thành khu du lịch quốc gia tại khu nước khoáng nóng Thanh Tân trong thời kỳ quy hoạch). Đối với các nội dung liên quan đến phát triển sân golf, đề nghị rà soát theo quy định tại Nghị định số 52/2020/NĐ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ về đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn. |  |
| 37 | đ) Phương án phát triển các khu chức năng  - Về phương án phát triển các khu kinh tế: đề nghị xây dựng phương án phát triển khu kinh tế theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ.  - Về phương án phát triển các khu công nghiệp: đề nghị rà soát, xây dựng phương án phát triển khu công nghiệp theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý Khu công nghiệp và Khu kinh tế.  Hiện nay, số liệu về diện tích đất khu kinh tế và khu công nghiệp đến năm 2025 và năm 2030 trong báo cáo quy hoạch đều không phù hợp với chỉ tiêu đất khu kinh tế, khu công nghiệp đã được phân bổ cho tỉnh Thừa Thiên Huế theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Do vậy, đề nghị rà soát chỉ tiêu đất khu kinh tế và khu công nghiệp đến năm 2030 đảm bảo phù hợp với Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022; đồng thời rà soát diện tích đất khu kinh tế, khu công nghiệp đến năm 2025 theo đúng chỉ tiêu đất được Thủ tướng Chính phủ giao. | Tiếp thu góp ý và đã rà soát bổ sung tại mục IV, chương 6 về phương án phát triển các khu chức năng |
| 38 | - Về phương án phân bổ các khu quốc phòng, an ninh: đề nghị phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cập nhật nội dung quy hoạch sử đất quốc phòng, công trình quốc phòng, khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng được tích hợp vào quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử đất an ninh để tích hợp vào quy hoạch tỉnh. | Tiếp thu ý kiến, UBND Tỉnh đã chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch cập nhật các nội dung về sử dụng đất quốc phòng và an ninh từ Bộ Quốc phòng và Bộ Công an. |
| 39 | e) Danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện  - Đề nghị rà soát các danh mục dự án đảm bảo thống nhất với nội dung về phương án phát triển của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch và đảm bảo có sự thống nhất nội dung giữa dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh và báo cáo quy hoạch tỉnh; đồng thời, rà soát để đảm bảo danh mục dự án đề xuất đưa vào quy hoạch là các dự án có quy mô lớn, cấp tỉnh, có tính liên huyện và đóng vai trò tạo động lực, cấp thiết đối với phương án phát triển của tỉnh theo phạm vi quy hoạch tỉnh được quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Quy hoạch. | Đã rà soát, đảm bảo thống nhất danh mục dự án ưu tiên đầu tư và các phương án phát triển; và đảm bảo các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, giai đoạn 2026-2030 |
| 40 | - Rà soát danh mục các dự án sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 đảm bảo các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, giai đoạn 2026-2030 theo quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. | Tiếp thu ý kiến và đã rà soát theo quy định |
| 41 | g) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch  - Đề nghị xem xét, bổ sung giải pháp về phát triển kinh tế số, đổi mới sáng tạo, quản lý số và khả năng thu hút, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với công nghệ. | Tiếp thu góp ý và nội dung này đã bổ sung ở mục 2.1.3.1, chương 12 về Giải pháp về tăng trưởng xanh và BVMT), ngoài ra tại Mục III, chương 7 về phương án phát triển thông tin và truyền thông cũng đã nêu rõ định hướng |
| 42 | - Về giải pháp huy động động nguồn lực để thực hiện quy hoạch: đề nghị bổ sung dự báo nhu cầu vốn đầu tư của tỉnh trong giai đoạn 2021-2030 để thực hiện quy hoạch; làm rõ các giải pháp huy động nguồn vốn cho phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng và tính tự chủ của tỉnh trong việc cân đối nguồn vốn để thực hiện các nhiệm vụ đề ra. | Nhu cầu vốn đầu tư đã nêu tại mục 3.2.3 chương 3 về lựa chọn phương án phát phát triển kinh tế. Các giải pháp huy đông vốn đầu tư được nêu tại mục 2.1.1, chương 12. |
| 43 | - Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển còn thiếu sự gắn kết giữa các tỉnh trong vùng về phát triển kinh tế biển, hay xử lý các vấn đề về sự cố môi trường biển; hình thành các tour, tuyến trong liên kết phát triển du lịch liên tỉnh; hợp tác với các tỉnh lân cận trong việc hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối liên tỉnh, liên kết khai thác các khu vực có vai trò động lực của vùng; do vậy, đề nghị rà soát, bổ sung. | Các giải pháp về liên kết du lịch, phát triển hạ tầng, hợp tác về bảo vệ môi trường giữa các tỉnh trong vùng đã được đề cập tại mục 2.1.4.1, chương 12, phần II. |
| 44 | 3. Hệ thống bản đồ  Hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch thể hiện nội dung quy hoạch tỉnh về cơ bản đã phù hợp với quy định tại Phụ lục I Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ, tuy nhiên đề nghị rà soát, sắp xếp lại phần hệ thống các bản đồ theo quy định tại phần IX Phụ lục kèm theo Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ; đồng thời sắp xếp hệ thống bản đồ theo đúng danh mục được liệt kê để dễ theo dõi, đánh giá; đồng thời cập nhật, bổ sung, hoàn thiện Hệ thống bản đồ và cơ sở dữ liệu quy hoạch theo quy định của pháp luật. | Tiếp thu ý kiến và đã rà soát theo quy định |
| 45 | 4. Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược  Nội dung của báo cáo ĐMC về cơ bản tuân thủ theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT). Tuy nhiên, đề nghị rà soát, bổ sung các nội dung của báo cáo ĐMC theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đồng thời lấy ý kiến của Bộ Tài Nguyên và Môi trường về nội dung đánh giá môi trường chiến lược đối với quy hoạch theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường. | Tiếp thu ý kiến và đã rà soát, lấy ý kiến Bộ TNMT theo quy định |
| 46 | IV. Một số nội dung khác  1. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành chuyên môn rà soát các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan đến quy hoạch quy định về việc lập các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành (quy định tại Phụ lục II Luật Quy hoạch) trên địa bàn tỉnh để bổ sung nội dung vào quy hoạch tỉnh, làm cơ sở để triển khai lập quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành đảm bảo phù hợp với quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt. | Tiếp thu ý kiến, UBND Tỉnh đã chỉ đạo Sở, ngành chuyên môn rà soát các quy định của pháp luật chuyên ngành |
| 47 | 2. Rà soát thứ tự đề mục, chỉnh sửa các lỗi kỹ thuật, lỗi chính tả và cách trình bày trong báo cáo quy hoạch; các số liệu về đánh giá hiện trạng cần thống nhất việc sử dụng mốc thời gian thống kê đến năm 2020, đồng thời sử dụng số liệu hiện trạng theo chuỗi thời gian 2011-2020 để làm cơ sở cho phần dự báo đến năm 2030. | Tiếp thu ý kiến và đã rà soát chỉnh sửa |
| 48 | 3. Đề nghị cơ quan lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế tổ chức lấy ý kiến về quy hoạch đầy đủ theo các đối tượng, trình tự và thời gian được quy định tại Điều 32 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ.  Trên đây là ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến và hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, gửi Hội đồng thẩm định để tổ chức thẩm định theo quy định của pháp luật về quy hoạch./. | Tiếp thu ý kiến, UBND Tỉnh đã chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến và hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định theo quy định |

## Bộ Xây dựng (CV số 1576/BXD-QHKT ngày 21/4/2023)

| **Stt** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | 1. Về hồ sơ, cơ sớ pháp lý lập quy hoạch tỉnh   - về căn cứ lập quy hoạch, đề nghị bổ sung một số văn bản sau:  + Phần các Văn kiện của Đảng: Nghị quyết so 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triền bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (viết tắt là Nghị quyết số 06-NQ/TW).  + Phần các nghị quyết của Chính phủ: số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW; số 168/NQ-CP ngày 23/12/2022 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW[[1]](#footnote-2).  + Phần các quyết định của Thủ tướng Chính phủ: các Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 phê duyệt điều chỉnh định hướng quy hoạch tống thế phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050; số 84/QĐ-TTg ngày 19/01/2018 phê duyệt Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến năm 2030; số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 phê duyệt đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018- 2025 và định hướng đến năm 2030; số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050; số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030; số 438/QĐ-TTg ngày 25/3/2021 phê duyệt Đề án Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021- 2030. Bổ sung các Quyết định số 589/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh Định hướng phát triển thoát nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh Định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050, làm cơ sở đưa ra các mục tiêu, chính sách phát triển phù hợp cho từng giai đoạn quy hoạch.   * Các nội dung quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế cần tuân thủ quy định tại Điều 27 của Luật Quy hoạch. Quá trình thực hiện cần xem xét phù hợp với Quy hoạch tống thể quốc gia, Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, Quy hoạch vùng, các Quy hoạch ngành quốc gia đang thực hiện để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ. Đồng thời, phát huy mối liên kết giữa các tỉnh trong vùng, liên kết tỉnh Thừa Thiên Huế với các tỉnh thuộc vùng và cả nước. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung tại Mục II Căn cứ lập quy hoạch |
| 2 | 1. về đánh giá thực trạng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn   Chưa có nội dung đánh giá hiện trạng phân loại hệ thống đô thị tỉnh Thừa Thiên Huế từ giai đoạn 2012 đến năm 2020, đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu, định hướng phát triển hệ thống đô thị theo Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012-2020 2 (Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 cúa Thủ tướng Chính phủ); Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 20203 (Quyết định số 86/2009/QĐ-TTg ngày 17/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ). Bên cạnh đó, Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thừa Thiên Huế đã được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành tại Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 27/5/2020, tuy nhiên chưa thấy nội dung đánh giá việc thực hiện Chương trình này từ khi ban hành cho đến nay. Do đó, đề nghị bổ sung đánh giá các nội dung nêu trên vào Dự thảo Báo cáo quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung vào báo cáo Tại chương III. Mục 3.1.4 Đánh giá kết quả thực hiện chương trình phát triển đô thị quốc gia tại tỉnh Thừa Thiên Huế |
| 3 | 1. Về tỷ lệ đô thị hóa   Việc đề xuất tỷ lệ đô thị hoá đến năm 2025, 2030 cơ bản tương ứng với tốc độ tăng tỷ lệ đô thị hóa giai đoạn 2015-2021 (tăng 1,97%/năm). Tuy nhiên [[2]](#footnote-3) [[3]](#footnote-4) đề nghị rà soát, bổ sung các số liệu tính toán, làm rõ các luận cứ, khả năng nhằm cụ thể hóa các chỉ tiêu tỷ lệ đô thị hóa, dân số đô thị; trong đó, đề xuất tỷ lệ đô thị hóa tỉnh Thừa Thiên Huế theo 02 phương án: (1) Xác định theo Thông tư số 06/2018/TT-BXD ngày 08/8/2018 của Bộ Xây dựng; (2) Xác định theo Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 của Chính phủ nhằm đảm bảo phù họp thực tiễn phát triển dân số, phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương và nguồn lực của địa phương trong giai đoạn tới. | Tỷ lệ đô thị hóa, dân số đô thị hóa hiện nay và định hướng[[4]](#footnote-5) đã tuân thủ theo **Nghị quyết số 54-**NQ/TW ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045  và thực hiện theo lộ trình của chương trình phát triển đô thị Thừa Thiên Huế đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 theo quyết định **1261/QĐ-UBND.** |
| 4 | 1. về định hướng phát triển đô thị  * Ngày 24/02/2021, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030 tại Quyết định số 241/QĐ-TTg. Tuy nhiên, một số đô thị được nêu tại Báo cáo tổng hợp (trang 414-416) chưa thống nhất với với Ke hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *(chỉ tiết tại Phụ lục 1 kèm theo).* Ngoài ra, để triển khai thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 27/5/2020 của Chính phủ về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đặt mục tiêu xác định đến năm 2025, Thừa Thiên Huế trở thành đô thị trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản Cố đô và bản sắc văn hóa Huế, với đặc trưng văn hóa, di sản, cảnh quan, thân thiện môi trường và thông minh, đề nghị UBND tỉnh Thừa Thiên Huế:   + Xác định rõ phương án thành lập các đơn vị hành chính đô thị trực thuộc (quận, phường thuộc quận, thị xã, thị trấn, thị xã thành lập mới nếu có và phường thuộc thị xã);  + Rà soát tên đô thị, loại đô thị dự kiến phân loại và các đô thị mới loại V (thực trạng và dự kiến phân loại) trong hệ thống đô thị tỉnh Thừa Thiên Huế;  + Xây dựng lộ trình thực hiện việc rà soát điều chỉnh lại Chương trình phát triến đô thị tỉnh Thừa Thiên Huế (trong đó bao gồm các nội dung về chương trình, kế hoạch phát triển quận) và rà soát chương trình phát triển đô thị các đô thị đã được công nhận loại đô thị nhưng chưa lập chương trình phát triển đô thị như thị xã Hương Trà, Hương Thủy (nếu cần);  + Rà soát tiêu chí, phạm vi phân loại đô thị được thực hiện đối với đô thị đã được công nhận loại đô thị (thị xà Hương Thủy, Hương Trà, các thị trấn loại V...).  Tất cả các nội dung nêu trên cần đảm bảo phù hợp thực tiễn phát triến của địa phương và quy định của pháp luật về phân loại đô thị. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung vào phụ lục nội dung báo cáo tại muc 1.3, Chương 6 Phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn và phát triển các khu chức năng,  Hiện nay Tỉnh đang rà soát các đô thị để đảm bảo phù hợp thực tiễn phát triến của địa phương và quy định của pháp luật về phân loại đô thị |
| 5 | * Định hướng tỷ lệ đô thị hóa, số lượng đô thị đến năm 2025, 2030 chưa thống nhất với Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 (Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 27/5/2020) *(chỉ tiết tại Phụ lục 2 kèm theo).* | Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 (Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 27/5/2020) trong đó: đến năm 2025, đạt khoảng 62-65%; đến năm 2030, đạt khoảng 65-70%). Căn cứ góp ý của Bộ Nội vụ, Tỉnh đã rà soát và điều chỉnh thống nhất số liệu. |
| 6 | - Về các chỉ tiêu cụ thế phát triển từng đô thị: Đề nghị nghiên cứu đảm bảo phù hợp với Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị và Nghị quyết của ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị. | Tiếp thu góp ý và đã rà soát đảm bảo phù hợp với Nghị quyết 06 NQ/TW, và Nghị quyết 26 với áp dụng tiêu chí đặc thù trong phân loại đô thị và nâng cao chất lượng đô thị |
| 7 | 1. về tình hình ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh  * về tình hình ứng phó với biến đối khí hậu trên địa bàn tỉnh: Theo Quyết định số 43?/QĐ-TTg ngày 25/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đối khí hậu giai đoạn 2021- 2030, thành phố Huế, thị xã Hương Thủy, Hương Trà là đô thị trong hệ thống đô thị ven biến, đồng bằng có nguy cơ ngập, lụt, suy giảm nguồn nước do xâm thực mặn. Đề nghị UBND tỉnh Thừa Thiên Huế nghiên cứu, rà soát, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp cụ thể để kiếm soát phát triển đô thị nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu tại đô thị nêu trên và các đô thị khác trên địa bàn tỉnh (nếu có) (trang 666 - 675, Báo cáo tổng hợp). | Tiếp thu ý kiến và đã rà soát trong báo cáo tổng hợp (mục 1.3.3, chương 6, phần II) |
| 8 | * Về phát triển đô thị thông minh: đề nghị bổ sung nội dung về phát triển đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh vào Dự thảo báo cáo Thuyết minh tống hợp. * Về phát triển đô thị tăng trưởng xanh: đề nghị bổ sung các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thế về phát triển đô thị tăng trưởng xanh Vào nội dung Dự thảo báo cáo thuyết minh tổng hợp. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung vào trong nội dung báo cáo (mục 1.3.3, chương 6, phần II) Định hướng quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững thành phố Thừa Thiên Huế theo mô hình đô thị thông minh, sinh thái hướng biển, thích ứng với biến đổi khí hậu |
| 9 | về lĩnh vực vật liệu xây dựng  Đề nghị rà soát các dự án trong quy hoạch tỉnh đảm bảo không chồng chéo với các mở khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đã được Bộ Xây dựng đưa vào Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản lảm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021-2020, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Hội đồng thẩm định quy hoạch quốc gia thông qua và đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.  Nhằm kịp thời đáp ứng nhu cầu khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn, đề nghị UBND tỉnh Thừa Thiên Huế rà soát tính toán cung câu trên từng địa bàn huyện, thành phố về nhu cầu sử dụng khoáng sản (đá, cát xây dựng, đất sét gạch ngói, đất san lấp) để khoanh định các khu vực khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đưa vào phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản thuộc Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn 2050 theo điểm n khoản 2 Điều 2 của Luật Quy hoạch làm cơ sở cấp phép hoạt động khoáng sản sau này. | Tiếp thu ý kiến và đã rà soát đảm bảo không có sự chồng chéo về quy hoạch mỏ khoáng sản trong QHT và QH quốc gia về thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản. |
| 10 | 1. về nhà ở 2. về Chương trình phát triển nhà ở của tỉnh Thừa Thiên Huế   Ngày 22/12/2021, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 tại Quyết định số 2126/QĐ-TTg, trong đó đã thể hiện mục tiêu phát triển cho các loại hình nhà ở như: nhà ở thương mại; nhà ở xã hội; nhà ở công vụ; nhà ở phục vụ tái định cư; nhà ở theo chương trình mục tiêu; nhà ở của hộ gia đình, cá nhân; cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư, ...và giao UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ động quy hoạch, bố trí quy đất phát triển nhà ở, đặc biệt là nhà ở xà hội trên phạm vi địa bàn theo quy định pháp luật.  UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đà phê duyệt Chương trình phát triến nhà tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030 (tại Quyết định số 2814/QĐ-UBND ngày 4/11/2021, điều chỉnh tại Quyết định số 3017/QĐ-UBND ngày 23/12/2022), Kế hoạch phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2025 và năm 2022, 2023 (tại Quyết định số 3456/QĐ-UBND ngày 29/12/2021, được điều chỉnh tại Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 03/3/2023). Theo đó, diện tích nhà ở bình quân tại khu vực đô thị là 31 m2 sàn/người. Tuy nhiên, tại khoản b mục 3.1.4.2 trang 133 của Báo cáo tống hợp thì diện tích nhà ở bình quân tại khu vực đô thị là 30 m2 sàn/người.  Do đó, đề nghị UBND tỉnh Thừa Thiên Huế rà soát các nội dung về nhà ở trong Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 để đảm bảo sự thống nhất và phù hợp giữa Quy hoạch chung với Chiến lược phát triến nhà ở quốc gia và Chương trình phát triển nhà ở của tỉnh. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung, rà soát nội dung Đánh giá kết quả thực hiện chương trình phát triển nhà ở tại tỉnh Thừa Thiên Huế (mục 1.3.4.2, chương 6) |
| 11 | 1. về việc phát triển nhà ở chung cư và nhà ở cho thuê   Theo phương án phát triển hệ thống đô thị thì đến năm 2030 thành phố Thừa Thiên Huế là đô thị loại I. Theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Luật Nhà ở 2014 thì: “đối với đô thị loại đặc biệt, loại I và loại II thì chủ yếu phát triển nhà chung cư và xây dựng nhà ở đế cho thuê1’.  Tuy nhiên, trong định hướng phát triển đô thị thành phố Huế (mục 1.4.1 trang 417 của Báo cáo tổng hợp) chưa có nội dung về phát triến nhà chung cư và nhà ở để cho thuê. Do vậy, đề nghị bố sung, làm rõ định hướng phát triến nhà chung cư, nhà ở cho thuê tại khu vực đô thị cho phù hợp với quy định của pháp luật. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung tại mục 1.3.4, chương 6 về Định hướng phát triển nhà ở |
| 12 | 1. về việc phát triển nhà ở xã hội   Theo định hướng phát triển hệ thống đô thị đến năm 2030 thì thành phố Thừa Thiên Huế là đô thị loại I, 1 đô thị loại III, 1 đô thị loại IV, 11 đô thị loại V.  Tại khoán 1 Điều 4 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phú về phát triền và quản lý nhà ở xà hội (được sửa đổi, bổ sung tại điểm a, điểm b, khoản 3 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 1/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bố sung một số điều của Nghị định 100/2015/NĐ-CP) quy định:  *"Tại các đô thị loại đặc hiệt, loại I, loại II và loại III trong quả trình lập, thâm định và phê duyệt quy hoạch dô thị; quy hoạch xây dựng nông thôn; quy hoạch phát triển khu công nghiệp; quy hoạch xây dựng các cơ sở giảo dục đại học, trường dạy nghề (trừ viện nghiên cứu khoa học, trường phô thông dán tộc nội trú công lập trên địa bàn), ủy ban nhản dán cấp tỉnh có trách nhiệm căn cứ vào nhu cầu nhà ở xã hội trên địa bàn và chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở đã được phê duyệt đê bố trí đủ quỹ đất dành cho phát triển nhà ở xã hội; chỉ đạo cơ quan chức năng xác định cụ thê vị trí, địa điểm, quy mô diện tích đất của tùng dự án xây dựng nhà ở xã hội đồng hộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đế phát triển nhả ỏ' xã hội”.*  *"Tại các đô thị loại IV và loại V, ủy ban nhân dân cấp tinh căn cứ vào diều kiện cụ thê của địa phương và nhu cầu nhà ở xã hội trên địa bàn nơi cỏ dự ủn đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, khu đô thị được phê duyệt hoặc chương trình, ké hoạch phát triển nhà ở đê yêu cầu chủ đầu tư dành một phần diện tích đất ở trong dự án dã đầu tư xảy dựng hệ thong hạ tầng kỹ thuật đê xây dựng nhà ở xã hội”.*  Tuy nhiên, trong Báo cáo tống hợp chưa nêu rõ nội dung về định hướng phát triển nhà ở xà hội tại từng đô thị. Do đó, đề nghị UBND tỉnh Thừa Thiên Huế rà soát, bổ sung nội dung về nhu cầu, định hướng quy hoạch bố trí quỹ đất đế phát triển nhà ở xã hội cho phủ hợp với quy định của pháp luật. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung tại mục 1.3.4, chương 6 về Định hướng phát triển nhà ở |
| 13 | 1. về Hạ tầng kỹ thuật  * Tại Bảng 23, Mục 1.11.2.2 (trang 120): Bổ sung phân tích thực trạng các chỉ tiêu về mật độ công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị (liên quan đến quỹ đất giao thông đô thị; công viên, cây xanh đô thị; đất xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải so với đất xây dựng đô thị), làm cơ sở phân tích, đánh giá, đề xuất các giải pháp quản lý, phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị phù hợp với từng giai đoạn của quy hoạch. | Danh mục các chỉ tiêu về hiện trạng sử dụng đất của tỉnh được đánh giá theo danh mục chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia phân bổ.  Các chỉ tiêu cụ thể về đô thị, hạ tầng kỹ thuật được nêu trong thực trạng đô thị và thực trạng ngành (mục 3.1 và mục IV, chương 2) |
| 14 | * Tại Mục 2.IV (trang 151): Bổ sung nội dung đánh giá thực trạng công tác quản lý, đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật (cụ thế: tình hình cấp nước đô thị và khu công nghiệp; thoát nước và xử lý nước thải, quản lý cao độ nền thoát nước đô thị và tình trạng ngập úng đô thị; hạ tầng kỹ thuật thu gom, lưu giữ, xứ lý chất thải rắn; công viên, cây xanh đô thị; chiếu sáng đô thị; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; phát triển giao thông đô thị); ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, những khó khăn, vướng mắc làm cơ sở đề xuất các giải pháp quản lý, định hướng phát triển hạ tâng kỹ thuật phù hợp với từng giai đoạn quy hoạch, chủ động ứng phó với tình hình biến đối khí hậu và phòng, chống thiên tai. | Các đánh giá về tình hình cấp nước, xử lý nước thải, xử lý chất thải rắn… đã được nêu tại mục IV, chương 2 về thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuât.  Các đánh giá chi tiết hơn về công viên, cây xanh, hạ tầng chiếu sáng đô thị, xây dựng ngầm… sẽ được đề cập trong quy hoạch chung đô thị. |
| 15 | * về quy chuẩn kỹ thuật chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, đề nghị cập nhật QCVN 01-1:2018/BYT * về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt thay thế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt QCVN 02:2009/BYT. | Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn Tỉnh Thừa Thiên Huế, Ký hiệu: QCĐP 01:2022/TT-H được Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành theo Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022 và có hiệu lực từ 14/9/2022; Quy chuẩn kỹ thuật địa phương căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.  Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 thay thế cho Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt QCVN 02:2009/BYT được ban hành lần lượt theo Thông tư số 04/2009/TT-BYT và Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế. |
| 16 | * Bổ sung nội dung cụ thế về định hướng quy hoạch, phát triển vận tải hành khách công cộng trên địa bàn tỉnh trong phương án phát triển hạ tầng giao thông và phương án quy hoạch các công trình hạ tầng đầu mối đối ngoại đô thị (đặc biệt là đối với thành phố Huế); định hướng phát triến công viên, cây xanh đô thị; hệ thống chiếu sáng đô thị và xây dựng công trình ngầm đô thị làm cơ sở triển khai công tác quy hoạch tại các đô thị trên địa tỉnh Thừa Thiên Huế. | Tiếp thu và bổ sung góp ý về định hướng phát triển vận tải hành khách công cộng trong phương án phát triển mạng lưới giao thông (mục I, chương 7).  Các định hướng phát triến công viên, cây xanh đô thị; hệ thống chiếu sáng đô thị và xây dựng công trình ngầm đô thị sẽ được làm rõ trong Quy hoạch chung đô thị. |
| 17 | * Tại Mục 9.V.5.3. về phương án cấp nước:   + Bố sung nghiên cứu khả năng liên kết giữa các vùng cấp nước với nhà máy cấp nước công suất lớn; nghiên cứu phương án phát triển cấp nước đô thị kết hợp cấp nước cho khu dân cư nông thôn tập trung và khu công nghiệp và xác định hệ thống mạng lưới đường ống truyền tải chính trong vùng tỉnh nhằm đảm bảo cấp nước an toàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên nước.  + Tại Bảng 136 - Mục 9.V (trang 506): Bổ sung diện tích đất tối thiểu cho các nhà máy nước, trạm cấp nước dự kiến xây dựng đảm bảo phù hợp với QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng. | Hiện nay, tỷ lệ sử dụng nước sạch toàn tỉnh đạt 96% với độ bao phủ rất lớn. Các hệ thống cấp nước trên địa bàn toàn tỉnh đã đảm bảo đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn, diện tích theo các quy định có liên quan. |
| 18 | * Tại Mục 9.VII.7.2.1. về chỉ tiêu thu gom nước thải (trang 510): Hiện tại, tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn trước khi xả ra môi trường của toàn tỉnh đạt khoảng 35,09% (toàn tỉnh chỉ có một trạm xử lý nước thải ở thành phố Huế) trong khi chỉ tiêu đặt ra đến năm 2025 đạt 60%, đến năm 2030 đạt 80% là chưa phù hợp với tình hình thực tế và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, cần đánh giá, cần nhắc đề xuất chỉ tiêu phù hợp và đảm bảo tính khả thi. | Với mục tiêu đảm bảo phát triển bền vững, tỉnh Thừa Thiên Huế ưu tiên kêu gọi các dự án xử lý nước thải. Hiện nay, một số dự án đã và đang được triển khải xây dựng, vận hành trong thời kỳ quy hoạch với công suất lớn, chính vì vậy, các chỉ tiêu đặt ra trong thời kỳ quy hoạch là đảm bảo với tình hình thực tế. |
| 19 | * Tại Mục 12. Phương án quy hoạch xây dựng các vùng liên huyện, vùng huyện: Đề nghị đơn vị tư vấn nghiên cứu, cập nhật bố sung nội dung quy hoạch “Phương án mạng lưới cấp nước liên huyện” theo Mục 8 Phụ lục 2 - Mức độ chi tiết tích hợp một số nội dung quy hoạch tỉnh (theo văn bản số 373/BKHĐT-QLQH ngày 22/01/2021 cùa Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn cách thức, mức độ chi tiết tiết tích hợp quy hoạch tỉnh). | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung tại Chương 10 Phương án quy hoạch xây dựng các vùng liên huyện, vùng huyện |
| 20 | - Tại Bảng 1 - Mục 14.1.1.2 (trang 677): Đề nghị nghiên cứu, bổ sung một số dự án ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật trong giai đoạn đến năm 2030 của tỉnh Thừa Thiên Huế như các dự án cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, chống ngập úng đô thị; xây dựng hạ tầng kỹ thuật thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn. | Tiếp thu ý kiến của Quý Bộ, Tỉnh đã rà soát, bảo đảm danh mục dự án quan trọng, ưu tiên đầu tư phù hợp với khả năng huy động nguồn lực trong thời kỳ quy hoạch. Ngoài ra, hướng đến xây dựng thành phố trực thuộc Trung ương theo Nghị quyết 54 của Bộ Chính trị, Tỉnh tập trung ưu tiên các dự án hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế xã hội và xây dựng đô thị đảm bảo tiêu chí của đô thị trực thuộc trung ương, trong đó đã quan tâm đến các dự án cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, chống ngập úng đô thị; xây dựng hạ tầng kỹ thuật thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn. |

1. Phạm vi ranh giới hành chính khu vực nội thành và khu vực ngoại thành bao gồm các đơn vị hành chính cấp huyện sẽ được làm chính xác trong Đề án phân loại đô thị phù hợp với các quy định cùa Hiến pháp và pháp luật về phân cấp, phân loại đô thị; các nghị quyết cùa HĐND tỉnh và Ọuốc Hội
2. Dự kiến tách xã Dương Hòa nhập vào Thị Xã Hương Thủy
3. Dự kiến tách xã Dương Hòa nhập vào Thị Xã Hương Thủy

## Bộ Giáo dục và đào tạo (CV số /BGTVT-KHĐT ngày /4/2023)

| **Stt** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | 1. Đề nghị cơ quan lập quy hoạch rà soát Báo cáo thuyết minh quy hoạch để đảm bảo kết cấu và nội dung của Báo cáo bám sát, phù hợp với yêu cầu được quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch; Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ; Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và hướng dẫn tại Công văn số 373/BKHĐT-QLQH ngày 22/01/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về cách thức, mức độ chi tiết quy hoạch tỉnh. | Hồ sơ QHT đã được cập nhật đảm bảo kết cấu và nội dung theo Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ; Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và hướng dẫn tại Công văn số 373/BKHĐT-QLQH ngày 22/01/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về cách thức, mức độ chi tiết quy hoạch tỉnh. |
| 2 | 2. Về căn cứ lập quy hoạch (Mục II trang 2):  Đề nghị cơ quan lập quy hoạch bổ sung các văn bản sau vào phần căn cứ lập quy hoạch:  - Luật Giáo dục 2019; Luật Giáo dục đại học 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học 2019.  - Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.  - Nghị quyết số 138/NQ-CP của Chính phủ về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.  - Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.  - Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao. | Tiếp thu góp ý đã chỉnh sửa nội dung Mục II căn cứ pháp lý. |
| 3 | 3. Về thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo (Mục 1.3.2 trang 82)  - Đề nghị rà soát, biên tập cô đọng, ngắn gọn làm nổi bật nội dung đánh giá thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh; bổ sung bảng, biểu đồ thể hiện sự thay đổi về số liệu thống kê, giảm bớt phần chữ. | Tiếp thu và chỉnh sửa trong tiểu mục 1.3.3, chương 2. |
| 4 | - Về thực trạng giáo dục mầm non: Đề nghị bổ sung số lượng cơ sở giáo dục mầm non độc lập; bổ sung đánh giá mức độ đáp ứng của các cơ sở giáo dục mầm non tại địa bàn so với nhu cầu đưa trẻ tới trường của tỉnh Thừa Thiên Huế (tỷ lệ huy động trẻ/dân số độ tuổi, giáo viên/lớp, phòng học/lớp…); khó khăn vướng mắc trong việc đảm bảo quyền của trẻ em được tiếp cận giáo dục. | Tiếp thu và chỉnh sửa trong nội dung giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên (tiểu mục 1.3.3.1, chương 2): Số lượng HS, Lớp ngoài công lập.  Tiểu mục 5.2.1, chương 2 (mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông): Trường ngoài công lập, điểm lẻ |
| 5 | - Về thực trạng giáo dục phổ thông: Đề nghị bổ sung thông tin, số liệu tỷ lệ nhập học các cấp, giáo viên/lớp, học sinh học 2 buổi/ngày; bổ sung thực trạng về công tác xã hội hóa giáo dục,… | Tiếp thu và chỉnh sửa tại trong tiểu mục 1.3.3.1, chương 2: Tỷ lệ nhập học các cấp, tỷ lện học 2 buổi/ngày  Công tác xã hội hóa được thể hiện trong các cấp khhi nói về việc thành lập các trường ngoài công lập tại Tiểu mục 5.2.1, chương 2 (mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông) |
| 6 | - Đề nghị bổ sung thông tin, số liệu thực trạng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên giáo dục các cấp (số lượng và chất lượng); số liệu thừa thiếu giáo viên, số liệu giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo từng hạng chức danh nghề nghiệp; số lượng giáo viên thiếu so với định mức quy định hiện nay đặc biệt là số lượng giáo viên dạy các môn học năng khiếu, đặc thù theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (giáo viên dạy Tin học, Tiếng Anh cấp Tiểu học, giáo viên dạy Nghệ thuật cấp Trung học cơ sở, giáo viên dạy môn Âm nhạc, Mỹ thuật cấp Trung học phổ thông,…); kết quả thực hiện chính sách, phát triển (đào tạo, bồi dưỡng) đối với đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo và nhân viên ngành giáo dục,… | Tiếp thu và chỉnh sửa tại trong tiểu mục 1.3.3.1, chương 2: Số lượng và chất lượng giáo viên và CBQL.  Sự thừa thiếu giáo viên theo định mức và theo các môn học của chương trình GDPT 2018: (Trong phần hạn chế) |
| 7 | - Đề nghị bổ sung thông tin, đánh giá về mạng lưới, quy mô và chất lượng giáo dục đối với giáo dục dân tộc, đặc biệt là trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường phổ thông có học sinh bán trú. | Tiếp thu và bổ sung thêm phần giáo dục dân tộc tại tiểu mục 1.3.3.1, chương 2 |
| 8 | - Về thực trạng giáo dục đại học: Đề nghị bổ sung thông tin đánh giá về thực trạng hoạt động của đầy đủ các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh (năng lực tuyển sinh, đào tạo, ngành nghề đào tạo, chất lượng đào tạo, trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên, vị trí, vai trò của các cơ sở giáo dục này đối với phát triển tỉnh và của vùng, khả năng liên kết vùng trong đào tạo nguồn nhân lực,…) để phân tích rõ hơn thực trạng giáo dục đại học và sư phạm cũng như các nhận định về khả năng đáp ứng nhu cầu đào tạo của tỉnh và cả vùng. Ngoài ra, đề nghị rà soát, chỉnh sửa tên các cơ sở giáo dục đại học như: “Trường Đại học Huế” thành “Đại học Huế” tại toàn văn bản để đảm bảo đúng quy định hiện hành. | Tiếp thu và bổ sung thêm phần giáo dục dân tộc tại tiểu mục 1.3.3.1, chương 2 |
| 9 | - Đề nghị bổ sung đánh giá kết quả đạt được so với mục tiêu về giáo dục và đào tạo theo quy hoạch, kế hoạch mà tỉnh đã đề ra trong giai đoạn 2011-2020, có so sánh với cả nước và các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung để thấy được vị trí của giáo dục và đào tạo của tỉnh hiện nay cũng như để xác định rõ hơn mức đạt được so với điều kiện, tiềm năng của tỉnh; bổ sung đánh giá về những ưu điểm, khó khăn, hạn chế, và nguyên nhân hạn chế đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo từng vấn đề làm cơ sở cho việc đề xuất mục tiêu, phương án, giải pháp phát triển mạng lưới, hạ tầng cơ sở giáo dục và đào tạo của tỉnh trong giai đoạn tới. | Tiếp thu và bổ sung thêm phần giáo dục dân tộc tại tiểu mục 1.3.3.1, chương 2 |
| 10 | 4. Về đánh giá về kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011-2020 (Mục 2.3 trang 122):  Đề nghị bổ sung làm rõ hạn chế, nguyên nhân hạn chế dẫn đến kết quả thực hiện đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo đến năm 2020 chỉ đạt 810 ha thấp hơn so với diện tích đất được phê duyệt theo Nghị quyết số 72/NQ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Thừa Thiên Huế là 1.092 ha. | Tiếp thu ý kiến và đã rà soát tại Báo cáo |
| 11 | 5. Về thực trạng mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo (Mục 5.2 trang 196):  - Đề nghị bổ sung đánh giá thừa thiếu trường lớp ở từng địa bàn so với quy mô dân số; khả năng đáp ứng của hệ thống hạ tầng giáo dục và đào tạo đối với yêu cầu phát triển của tỉnh; bổ sung đánh giá kết quả triển khai quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 19/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế; đánh giá sự phù hợp của hệ thống hạ tầng, mạng lưới giáo dục và đào tạo với chất lượng, quy mô giáo dục, đào tạo và sự liên kết, đồng bộ với các hệ thống kết cấu hạ tầng khác của tỉnh (như hạ tầng giao thông, cấp thoát nước, cấp điện, công nghệ thông tin,…); đánh giá những hạn chế, nguyên nhân của hạn chế, tồn tại, các yếu tố tác động đến mạng lưới trường lớp và hạ tầng giáo dục và đào tạo của tỉnh giai đoạn 2011-2020 để làm căn cứ, cơ sở quy hoạch giai đoạn tới. | Tiếp thu và đã phân tích việc đảm bảo phân bố mạng lưới các trường trên địa bàn của giáo dục các cấp trong Tiểu mục 5.2.1, chương 2 (mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông) |
| 12 | - Đề nghị bổ sung thông tin, đánh giá thực trạng mạng lưới, hạ tầng giáo dục dân tộc (các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh bán trú), giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập. | Đã bổ sung đánh giá hạ tầng GD dân tộc và giáp dục chuyên biệt tại Tiểu mục 5.2.1, chương 2 (mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông) |
| 13 | - Đề nghị rà soát thông tin số lượng cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh tại báo cáo đảm bảo chính xác, thống nhất (Ví dụ: tại Mục 5.2.2 trang 208 khổ thứ nhất báo cáo nêu “Tính đến cuối năm 2020, trên địa bàn tỉnh có 7 trường đại học”, tuy nhiên cũng tại trang 208 khổ thứ 2 báo cáo nêu “Hiện nay, mạng lưới trường đại học tỉnh Thừa Thiên Huế bao gồm 6 trường”,…). Đề nghị không thống kê Trường Chính trị Nguyễn Chí Thanh và Phân hiệu trường nghiệp vụ Thuế tại Thừa Thiên Huế là các cơ sở giáo dục đại học và chỉnh sửa tên gọi “Phân viện hành chính quốc gia tại TP. Huế” thành “Phân viện Học viên Hành chính Quốc gia khu vực miền Trung”. Ngoài ra, đề nghị bổ sung đánh giá vai trò, sự liên kết, đồng bộ của hạ tầng giáo dục đại học của tỉnh với cả vùng và cả nước để làm rõ hơn hiện trạng hạ tầng giáo dục đại học của tỉnh. | Tại tiểu mục 1.3.3.1, chương 2: Đã chỉnh sửa và thống nhất số lượng các trường đại học trên địa bàn: Đại học Huế, Học viên Âm nhạc và ĐH Phú Xuân.  Tiểu mục 5.2.1, chương 2 (mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông): Không đưa phân tích về trường Trường Chính trị Nguyễn Chí Thanh và Phân hiệu trường nghiệp vụ Thuế tại Thừa Thiên Huế là các cơ sở giáo dục đại học |
| 14 | 6. Về các mục tiêu cụ thể và chỉ tiêu phát triển thời kỳ (Mục IV trang 310):  Đề nghị rà soát mục tiêu, chỉ tiêu tỷ lệ trường trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT đạt chuẩn quốc gia tại mục Mục 4.1.2 (trang 310), tại Bảng 109. Hệ thống các chỉ tiêu phát triển và tại mục 3.2.1.2. Mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo (trang 346) để đảm bảo thống nhất. | Tiếp thu và đã rà soát đảm bảo thống nhất các mục tiêu về phát triển giáo dục đào tạo, bổ sung chỉnh sửa mục tiêu phát triển lĩnh vực giáo dục đào tạo tại mục 3.2.1, chương 4. |
| 15 | 7. Về phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo (Mục 3.2 trang 346):  - Đề nghị bổ sung quan điểm phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh như:“Giáo dục và đào tạo là nền tảng phát triển bền vững. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; huy động mọi nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập; đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục hướng tới phát triển bền vững, cân đối về số lượng, chất lượng, cơ cấu, hiệu quả, cung ứng tốt hơn dịch vụ công cho xã hội, bảo đảm công bằng, bình đẳng trong tiếp cận giáo dục và đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục”. | Đã thống nhất trong phương án phát triển của từng lĩnh vực không đề cập đến quan điểm |
| 16 | - Về các mục tiêu cụ thể (mục 3.2.1.2 trang 346): Đề nghị rà soát, chỉnh sửa phù hợp các chỉ tiêu phát triển đổi với cấp học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đến năm 2025 và 2030 (Ví dụ: đề nghị bỏ chỉ tiêu phát triển giáo dục mầm non đến năm 2030: “100% các lớp mầm non thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới. Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi” tại trang 347 do chỉ tiêu này đã thực hiện đến năm 2025,…); chỉnh sửa chỉ tiêu phát triển giáo dục trung học phổ thông đến năm 2030L “Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt trên 88,10%...” do chỉ tiêu phát triển đến năm 2025 đề ra: “ỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 90%” . Ngoài ra, đề nghị nghiên cứu bổ sung mục tiêu, chỉ tiêu phát triển số cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập và số học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập; mục tiêu, chỉ tiêu liên quan trực tiếp đến việc thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông mới (như số phòng học/lớp, số phòng học kiên cố, tỷ lệ giáo viên/lớp,…); mục tiêu, chỉ tiêu phát triển cụ thể đối với giáo dục dân tộc, giáo dục chuyên biệt dành cho trẻ khuyết tật; mục tiêu, chỉ tiêu phát triển nguồn nhân lực để thực hiện thành công các đột phá chiến lược và nhiệm vụ trọng tâm tỉnh đề ra ở phần trên. Đề nghị lồng ghép các mục tiêu về chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo được đặt ra trong Đề án Tăng cường ứng dụng Công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022, đặc biệt lưu ý nội dung triển khai dạy học trực tuyến kết hợp theo hướng tăng dần đầu tư cho thiết bị, kết nối và tỉ trọng các nội dung học tập trực tuyến, đối tượng học tập trực tuyến. | Tiếp thu và chỉnh sửa tại tiểu mục 3.2.1, chương 4.  Bổ sung các chỉ tiêu về: mục tiêu, chỉ tiêu phát triển cụ thể đối với giáo dục dân tộc, giáo dục chuyên biệt dành cho trẻ khuyết tật; mục tiêu, chỉ tiêu phát triển nguồn nhân lực để thực hiện thành công các đột phá chiến lược và nhiệm vụ trọng tâm tỉnh đề ra ở phần trên; lồng ghép các mục tiêu về chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo |
| 17 | - Về phương hướng phát triển và sắp xếp, tổ chức không gian (Mục 3.2.2 trang 352): Đề nghị rà soát, nghiên cứu bổ sung định hướng phát triển mạng lưới giáo dục và đào tạo của tỉnh như sau:“Tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của mỗi địa bàn cụ thể, đảm bảo đủ trường lớp và trang thiết bị dạy học, đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non và giáo dục cơ bản. Khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục ngoài công lập ở những địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội phát triển. Rà soát, sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo lộ trình hợp lý, đảm bảo quyền lợi học tập của học sinh và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chú trọng củng cố và phát triển hợp lý số lượng, chất lượng, quy mô các trường PTDTNT, PTDTBT phù hợp với nhu cầu và thực tế của địa phương. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên theo hướng giáo dục mở, đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi người dân, xây dựng xã hội học tập từ cơ sở. Phát triển hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, đảm bảo đủ năng lực, quy mô, đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật; thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục”. | Tiếp thu và bổ sung tại mục 2.2, chương 8. |
| 18 | - Về định hướng phát triển giáo dục giáo thường xuyên:đề nghị bổ sung các mục tiêu cụ thể theo các giai đoạn để xây dựng, triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” tỉnh Thừa Thiên Huế; triển khai thực hiện đánh giá, xếp loại đơn vị học tập theo quy định của Thông tư số 22/2020/TT-BGDĐT ngày 06/8/2020 của Bộ GDĐT,…  - Đề nghị nghiên cứu bổ sung định hướng phát triển đối với giáo dục dân tộc như: “Nâng cao chất lượng công tác giáo dục và đào tạo đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; nâng cao chất lượng và mở rộng hệ thống các trường PTDTNT, PTDTBT; hỗ trợ việc ăn, ở cho học sinh, sinh viên vùng địa bàn đặc biệt khó khăn; có cơ chế chăm lo đời sống cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; giữ gìn tôn vinh và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp thông qua ngôn ngữ, chữ viết,…”. | Tiếp thu và bổ sung tại tiểu mục 3.2.1, chương 4.  Tiếp thu và bổ sung tại mục 3.2.2, chương 4 |
| 19 | - Đề nghị bổ sung các giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo trong giai đoạn tới (Ví dụ như các giải pháp cơ chế, chính sách nhằm thu hút đầu tư nguồn lực về giáo dục; phát triển đội ngũ, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trường học, phát triển chuyên môn cho đội ngũ nhà giáo; đảm bảo chuẩn bị đội ngũ trong việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 trong những năm tới và đến năm 2030; tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, theo hướng đạt chuẩn nhằm đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông 2018; ưu tiên dành quỹ đất để quy hoạch xây dựng trường học mới, mở rộng khuôn viên nhà trường; bổ sung quỹ đất xây dựng trường học, nhà trẻ trong các khu công nghiệp, khu đô thị mới; xây dựng cơ chế thu hút nhà đầu tư, xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục đào tạo; đẩy mạnh công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng trong giáo dục gắn với nhu cầu của xã hội; tăng cường chuyển đổi số; mở rộng hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo,...). Các giải pháp cần đầy đủ, cụ thể đảm bảo phù hợp và thực hiện thành công các mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo đề ra, đồng thời khắc phục được những hạn chế, tồn tại phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh trong giai đoạn vừa qua. Theo đó, có các chương trình hành động, lộ trình cụ thể thực hiện các giải pháp để đảm bảo khả thi. | Tiếp thu và bổ sung giải pháp tại tiểu mục 3.2.2, chương 4 |
| 20 | 8. Về phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo (Mục II trang 532):  - Đề nghị bổ sung phương án bố trí đủ quỹ đất cho phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng giáo dục và đào tạo theo quy định tại Thông tư 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 quy định định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao và Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 về việc phân loại đô thị; quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Đồng thời, đảm bảo khả thi, khắc phục hạn chế giai đoạn 2011- 2020 khi chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo của tỉnh thực hiện thấp hơn so với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt. | Tiếp thu và bổ sung giải pháp tại tiểu mục 2.2, chương 8 |
| 21 | - Đề nghị bổ sung phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục dân tộc (trường PTDTNT, PTDTBT). | Tại Thừa Thiên Huế, có hai huyện là Nam Đông và A Lưới là huyện miền núi. Định hướng phát triển mạng lưới trường đã theo huyện  Phần giáo dục dân tộc trong tiểu mục 3.2.2, chương 4đã đề cập đến định hướng xây dựng cơ sở vật chất. |
| 22 | - Đề nghị bổ sung bản đồ quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo của tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. | Tiếp thu và đã bổ sung. |
| 23 | 9. Về danh mục dự án ưu tiên đầu tư thực hiện (Mục 1.2 trang 668):  Đề nghị bổ sung đầy đủ nội dung thông tin bao gồm quy mô đầu tư, phân kỳ, nguồn vốn,… đối với các dự án lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Ngoài ra, đề nghị cơ quan lập quy hoạch rà soát, dành ưu tiên hơn đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo trong quy hoạch tỉnh để đảm bảo giáo dục là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển. Đồng thời, đảm bảo phù hợp phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo và để thực hiện được các mục tiêu đề ra của quy hoạch tỉnh. | Tiếp thu ý kiến của Quý Bộ, Tỉnh đã rà soát, bảo đảm danh mục dự án quan trọng, ưu tiên đầu tư phù hợp với khả năng huy động nguồn lực thực hiện theo phân kỳ đầu tư, quy mô,… trong thời kỳ quy hoạch. Ngoài ra, hướng đến xây dựng thành phố trực thuộc Trung ương theo Nghị quyết 54 của Bộ Chính trị, Tỉnh tập trung ưu tiên các dự án hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế xã hội và xây dựng đô thị đảm bảo tiêu chí của đô thị trực thuộc trung ương song song với việc ưu tiên đầu tư cho lĩnh vực giáo dục. |

## Bộ Giao thông vận tải (CV số 4261/BGTVT-KHĐT ngày 25/4/2023)

| **Stt** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | 1. Về các căn cứ pháp lý  - Hiện nay, quy hoạch tổng thể quốc gia và các quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 về giao thông đường bộ, đường sắt, hàng hải, đường thủy nội địa liên quan đến tỉnh Thừa Thiên Huế đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, vì vậy, đề nghị cơ quan tổ chức lập quy hoạch rà soát cập nhật các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, định hướng ưu tiên phát triển và định hướng sắp xếp phân bổ không gian vào quy hoạch tỉnh, bảo đảm phù hợp khoản 3 Điều 6 Luật Quy hoạch.  - Trong điều kiện hiện nay quy hoạch vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ chưa được phê duyệt, đề nghị cần phân tích, đánh giá tác động giữa quy hoạch tỉnh với quy hoạch này, làm cơ sở định vị vai trò của tỉnh Thừa Thiên Huế trong vùng; cập nhật nội dung Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Trung bộ. | Tiếp thu góp ý đã chỉnh sửa nội dung Mục II căn cứ pháp lý. |
| 2 | 2. Về thành phần hồ sơ: báo cáo quy hoạch gồm báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt, hệ thống sơ đồ, bản đồ cơ bản phù hợp với quy định tại khoản 15 Điều 28 Luật Quy hoạch. Đối với hệ thống bản đồ đề nghị rà soát bảo đảm phù hợp quy định tại Mục IX Phụ lục I 'Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Quy hoạch  Kết quả dự báo nhu cầu vận tải là số liệu quan trọng, bảo đảm tính khoa học trong các đồ án quy hoạch, quyết định quy mô, công suất, tiến trình đầu tư các công trình giao thông. Vì vậy, đề nghị bổ sung chi tiết hiện trạng, kết quả dự báo nhu cầu vận tải để xác định quy mô, thứ tự ưu tiên đầu tư cho từng thời kỳ. | Tiếp thu ý kiến góp ý, và đã soát bổ sung hồ sơ quy hoạch theo quy định  Tiếp thu bổ sung kết quả dự báo và số liệu hiện trạng phục vụ dự báo |
| 3 | 3. Về phần hiện trạng phát triển hệ thống giao thông:  Thuyết minh thiếu các phân tích đánh giá chi tiết, đặc biệt là các hạ tầng giao thông quan trọng đóng vai trò đối ngoại trên địa bàn tỉnh cũng như mạng giao thông nội tỉnh kết nối các trung tâm kinh tế - xã hội; các đánh giá, phân tích hiện trạng hệ thống giao thông chủ yếu mang tính định tính, thiếu các số liệu dẫn chứng, định lượng cụ thể, vì vậy, đề nghị:  - Bổ sung phân tích, đánh giá chi tiết về hiện trạng kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh; các số liệu, đánh giá về hoạt động vận tải (số lượng phương tiện, sản lượng vận tải, thị phần vận tải của các phương thức vận tải); | Tiếp thu ý kiến và đã bổ sung phân tích, đánh giá vào mục 4.1, chương 2 về Thực trạng phát triển mạng lưới giao thông, vận tải |
| 4 | - Đánh giá làm rõ vai trò tiềm năng trong phát triển đường thủy nội địa phục vụ du lịch trên sông sông Hương, sông Bồ, sông Ô Lâu, phá Tam Giang, tuyến kết nối Thừa Thiên Huế với Đà Nằng và kết nối đường bộ, đường thủy nội địa; số liệu về vận tải đường sắt qua địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế trong những năm vừa qua; | Tiếp thu ý kiến và đã bổ sung phân tích, đánh giá vào mục 4.1.2 và 4.1.3 thuộc mục 4.1, chương 2 về Thực trạng phát triển mạng lưới giao thông, vận tải |
| 5 | - Đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch trước đây về giao thông vận tải; hệ thống trung tâm logistics, hệ thống cảng cạn; trạm dừng nghỉ v.v...; nguồn vốn đầu tư cho từng lĩnh vực giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế trong giai đoạn vừa qua để làm rõ các bất cập, tồn tại và định hướng giải quyết tại phương án phát triển mạng lưới giao thông; | Tiếp thu ý kiến và đã bổ sung phân tích, đánh giá vào mục 4.1, chương 2 về Thực trạng phát triển mạng lưới giao thông, vận tải |
| 6 | - Bổ sung số liệu thống kê về sản lượng vận tải hành khách, hàng hóa của các phương thức vận tải. | Tiếp thu ý kiến và đã bổ sung phân tích, đánh giá vào mục 4.1, chương 2 về Thực trạng phát triển mạng lưới giao thông, vận tải |
| 7 | - Đề nghị thống nhất tên gọi "Tuyến đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh", "Cảng hàng không quốc tế Phú Bài", "Cảng hàng không quốc tế Đà Nằng" cho phù hợp với quy hoạch được duyệt. | Tiếp thu ý kiến rà soát cập nhật trong báo cáo |
| 8 | 4. Về phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông  4.1. Mục tiêu tổng quát  Đề nghị điều chỉnh mục tiêu "Bố trí và sắp xếp không gian mạng lưới giao thông quốc gia, vùng gắn kết chặt chẽ với mạng lưới giao thông của Tỉnh" để phù hợp theo Luật quy hoạch; bổ sung quan điểm thích ứng với nước biển dâng, ngập lụt đô thị, phát triển đô thị bền vững. | Tiếp thu ý kiến và đã bổ sung vào mục I, chương 7 về Phương án phát triển mạng lưới giao thông |
| 9 | 4.1. Lĩnh vực đường bộ  - Cao tốc, quốc lộ: đề nghị nêu rõ chiều dài, điểm đầu, điểm cuối tuyến cao tốc Bắc – Nam phía Đông và các tuyến quốc lộ đoạn qua tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo quy định định tại Khoản 4, mục III Điều 1 Quyết định số 1454/QĐ-TTg, các tuyến đường địa phương được quy hoạch thành quốc lộ chỉ nâng lên quốc lộ sau khi được đầu tư bảo đảm quy mô tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy hoạch và không thấp hơn quy mô đường cấp IV, 2 làn xe, đề nghị tỉnh Thừa Thiên Huế cân đối nguồn vốn địa phương để đầu tư đối với các tuyến đường địa phương được quy hoạch thành Quốc lộ 49D, 49E, 49F.  Hiện nay, Bộ GTVT đang giao Cục Đường bộ Việt Nam lập quy hoạch kỹ thuật, chuyên ngành đường bộ để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, đề nghị tỉnh Thừa Thiên Huế chỉ đạo các đơn vị liên quan phối hợp với Cục Đường bộ Việt Nam để thống nhất hướng tuyến các tuyến quốc lộ (Quốc lộ 49D, 49E, 49F) mới được nâng cấp từ đường địa phương.  Các tuyến quốc lộ qua đô thị, đề nghị địa phương nghiên cứu quy hoạch các tuyến đường bên để đáp ứng nhu cầu giao thông đối nội khu vực, giảm tai nạn giao thông và hỗ trợ phát triển đô thị. | Tiếp thu ý kiến và đã bổ sung vào mục 1.3, chương 7 về Các định hướng phát triển mạng lưới giao thông    Tiếp thu ý kiến và đã bổ sung vào Báo cáo |
| 10 | - Tỉnh lộ: Đề nghị ra soát các tuyến vành đai theo Quyết định số 1174/QĐ- UBND ngày 24/06/2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế do các tuyến vành đai không có tính khép kín, đồng thời chưa tách được dòng phương tiện vào/ra thành phố. Để bảo đảm tính mở của quy hoạch, các tuyến đường tỉnh, đường huyện nghiên cứu quy hoạch với quy mô tối thiểu và trong quy hoạch ghi rõ việc xác định quy mô chính xác được xem xét, quyết định trong bước chuẩn bị đầu tư dự án.  Ngoài ra, đề nghị bổ sung quy hoạch các điểm đấu nối với quốc lộ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (theo yêu cầu tại Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ về ban hành danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh). | Tiếp thu ý kiến và đã bổ sung vào Báo cáo |
| 11 | 4.2. Cảng biển  - Cảng biển: Đề nghị rà soát, cập nhật bảo đảm tuân thủ Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 đối với Khu bến Chân Mây và Khu bến Phong Điền. Thực hiện Luật Quy hoạch, Bộ GTVT đã có Tờ trình số 14015/TTr-BGTVT ngày 29/12/2022 và văn bản số 2830/BGTVT-KHĐT ngày 23/03/2023 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”, đề nghị cơ quan lập quy hoạch cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp.  - Cảng cạn: Ngày 29/12/2022, Bộ GTVT đã có Tờ trình số 14009/TTr- BGTVT trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn Việt Nam giai đoạn đến 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đề nghị cơ quan lập quy hoạch cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp.  - Trung tâm logistics: hiện nay, quy hoạch trung tâm logistics đang được Bộ Công Thương triển khai để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt. Vì vậy, đề nghị tỉnh Thừa Thiên Huế phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương để cập nhật trong quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế bảo đảm đồng bộ. | Tiếp thu ý kiến và đã bổ sung vào mục 1.3, chương 7 về Các định hướng phát triển mạng lưới giao thông |
| 12 | 4.3. Đường sắt   * Đề nghị điều chỉnh, bổ sung nội dung đầu tư đối với tuyến đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh (hiện có): giai đoạn đến năm 2030 nâng cấp, cải tạo bảo đảm an toàn chạy tàu, giai đoạn đến năm 2050 từng bước đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa để đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa và hành khách địa phương; bổ sung kết nối tuyến đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh (tại ga Thừa Lưu) với Cảng Chân Mây (Thừa Thiên Huế) và không đưa nội dung "đưa đường sắt Bắc - Nam ra khỏi thành phố Huế (đối với đoạn nằm trên địa bàn thành phtheo định hướng giao thông (TOD); quy hoạch đường sắt đô thị kết nối với đường sắt cao tốc Bắc - Nam để giữ quỹ đất, triển khai đầu tư khi có điều kiện; quy hoạch không gian ngầm trong vùng đô thị lõi để tăng diện tích dành cho giao thông.ố Huế)" để phù hợp với Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021.   Đối với các ga trên tuyến đường sắt Bắc - Nam, đề nghị tỉnh nghiên cứu quy hoạch tuyến giao thông kết nối với đô thị trung tâm, đồng thời quy hoạch các khu đô thị, trung tâm dịch vụ gần khu ga để phát triển đô thị | Tiếp thu ý kiến và đã bổ sung vào mục 1.3, chương 7 về Các định hướng phát triển mạng lưới giao thông |
| 13 | 4.5. Hàng không   * Tại Tờ trình 13833/Ttr-BGTVT ngày 24/12/2021 và văn bản số 9085/BGTVT-KHĐT ngày 06/9/2022, của Bộ GTVT trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cảng hàng không quốc tế Phú Bài được quy hoạch như sau: cấp sân bay: 4E; công suất cảng hàng không: giai đoạn 2021 - 2030 7 triệu hành khách/năm, giai đoạn tầm nhìn đến năm 2050 12 triệu hành khách/năm, đề nghị rà soát để cập nhật cho phù hợp. * Trong phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thông và phát triển các khu chức năng, đề nghị bổ sung nguyên tắc quy hoạch các công trình xây dựng xung quanh cảng hàng không Thừa Thiên Huế "chiều cao quy hoạch các công trình xây dựng xung quanh Cảng hàng không Thừa Thiên Huế phù hợp và tuân thủ các quy định về tĩnh không sân bay theo Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam ". * Theo hướng dẫn về kiểm soát chim, động vật hoang dã tại cảng hàng không, sân bay của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO), không khuyến khích việc quy hoạch và xây dựng các bãi rác hoặc nhà máy xử lý, khu vực thu gom rác thải quanh cảng hàng không. Việc thiết lập các khu bảo tồn thiên nhiên trong khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay có thể tạo ra yếu tố hấp dẫn mạnh đối với các loài chim, động vật hoang dã. Vì vậy, đề nghị tỉnh Thừa Thiên Huế không quy hoạch xây dựng bãi rác, nhà máy xử lý rác thải hoặc khu vực thu gom rác thải trong phạm vi 13 km quanh khu vực quy hoạch Cảng hàng không Thừa Thiên Huế trong phương án phát triển các hệ thống xử lý và quản lý chất thải rắn, đồng thời nghiên cứu, di dời khu bảo tồn thiên nhiên tới vị trí xa nhất theo hướng dẫn của ICAO. | Hiện nay, Cảng hàng không Quốc tế Phú Bài đang được triển khai nâng cấp mở rộng theo Quy hoạch Cảng hàng không Quốc tế Phú Bài, tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1029/QĐ-TTg ngày 17/7/2009 và Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 13/02/2018 với công suất đạt **9 triệu hành khách/năm.** Đồng thời, tại Thông báo số 410/TB-VPCP ngày 29/12/2020 của Thủ tướng Chính Phủ đã thống nhất công suất lượng khách tiếp nhận của Cảng hàng không Quốc tế Phú Bài giai đoạn 2021-2030 là **9 triệu hành khách/năm.** Chính vì vậy, kính mong Bộ GTVT nghiên cứu điều chỉnh.  Về các nội dung liên quan khác, Tỉnh xin tiếp thu ý kiến và rà soát cập nhật vào mục 1.3.5, chương 7 về Đường hàng không. |

## Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (CV số 2364/BNN-KH ngày 14/4/2023)

| **Stt** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | 1. Báo cáo Quy hoạch được xây dựng công phu, khoa học, cơ bản theo các nội dung quy định của Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quy hoạch; bám sát theo các nội dung được phê duyệt tại Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2045. Báo cáo Quy hoạch đánh giá được những kết quả đạt được, những hạn chế của phát triển kinh tế - xã hội Tỉnh trong giai đoạn 2011-2020; đề xuất các quan điểm, định hướng và nội dung quy hoạch phát triển Tỉnh giai đoạn tới được xây dựng trên cơ sở phân tích, đánh giá các yếu tố, điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của Tỉnh và dự báo tác động của bối cảnh trong nước và quốc tế thời gian tới. | Báo cáo đã phù hợp quy định của Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP và Quyết định số 646/QĐ-TTg |
| 2 | 2. Để hoàn thiện hơn, đề nghị nghiên cứu một số nội dung sau:  a) Căn cứ lập quy hoạch: Đề nghị bổ sung một số văn bản liên quan đến nông nghiệp, nông thôn như: Luật Lâm nghiệp 2017; Luật Thủy sản 2017; Luật Chăn nuôi 2018; Luật Trồng trọt 2018; Luật Thủy lợi 2017; Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13; Luật Đê điều số 79/2006/QH11; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14; Quyết định 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030; Quyết định số 33/2020/TTg ngày 07/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược thủy lợi đến 2030, tầm nhìn đến 2045; Kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung tại Mục II Căn cứ lập quy hoạch |
| 3 | b) Đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế - xã hội  (1) Lĩnh vực chăn nuôi: Bổ sung đánh giá tình hình đàn vật nuôi chính giai đoạn 2015-2020, đóng góp của ngành chăn nuôi cho phát triển kinh tế địa phương; bổ sung công tác quản lý dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc cơ sở giết mổ, sơ chế, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm; thuận lợi, khó khăn phát triển chăn nuôi giai đoạn 2015-2020 để có định hướng phát triển phù hợp. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung số liệu và đánh giá tình hình chăn nuôi 2015-2020; đánh giá hiện trạng ATTP và hệ thống giết mổ (mục 1.2.1, chương 2) |
| 4 | (2) Lĩnh vực thủy lợi: Bổ sung đánh giá hiện trạng ngập úng thành phố Huế, Quốc lộ 1A, các khu vực thường xuyên ngập lụt trên địa bàn tỉnh (Phong Điền, Quảng Điền, Phú Lộc...) các số liệu ngập, lũ ứng với các tần suất, nhất là năm lũ lịch sử; hiện trạng và định hướng liên kết công trình hạ tầng thủy lợi với hạ tầng giao thông; làm rõ phương án và giải pháp kết nối, liên kết nguồn nước, chuyển nước giữa các hồ chứa nước thủy lợi có tính chất liên vùng (hồ Ô lâu Thượng kết nối hồ Yên Mỹ chuyển nước cho vùng cát huyện Phong Điền, Quảng Điền; hồ Tả Trạch chuyển nước cho khu tưới của hồ Truồi và tạo nguồn cấp nước cho khu kinh tế ven biển...), để tăng khả năng điều hòa, phân phối nguồn nước, phòng chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn; bổ sung, đề xuất giải pháp phối hợp quản lý, vận hành của các công trình hồ chứa bậc thang trên dòng chính sông Hương với vai trò chính của hồ Tả trạch (hồ chứa nước quan trọng đặc biệt) trong phòng chống lũ, giảm ngập úng (nhất là cho thành phố Huế, Quốc lộ 1A) và cấp nước, phát điện, môi trường...; làm rõ giải pháp phòng, chống ngập lụt, úng cho các khu đô thị, khu dân cư tập trung, chú trọng nạo vét các sông, trục chính hạ lưu sông Hương, sông Bồ, sông Truồi để tăng khả năng tiêu, thoát lũ; xác định tỷ lệ phần trăm diện tích dành không gian cho nước để điều hòa, điều tiết nước giảm lũ, ngập lụt, úng. | - Tiếp thu góp ý và tiếp thu/giải trình các ý kiến như sau:  + Đã đánh giá hiện trạng ngập úng thành phố Huế, QL1A, các khu thường xuyên ngập úng tại huyện (Phong Điền, Quảng Điền, Phú Lộc…) các số liệu ngập lũ, năm lũ lịch sử. Ngoài ra, tại báo cáo chuyên đề hợp phần 8 thủy lợi và thiên tai cũng đã làm rõ chi tiết.  + Hiện trạng và định hướng liên kết công trình hạ tầng thủy lợi với hạ tầng giao thông: đã trình bày chi tiết tại báo cáo chuyên đề hợp phần 8 thủy lợi và thiên tai  + Phương án và giải pháp kết nối, liên kết nguồn nước, chuyển nước giữa các hồ chứa nước thủy lợi có tính chất liên vùng (hồ Ô lâu Thượng kết nối hồ Yên Mỹ chuyển nước cho vùng cát huyện Phong Điền, Quảng Điền; hồ Tả Trạch chuyển nước cho khu tưới của hồ Truồi và tạo nguồn cấp nước cho khu kinh tế ven biển...): đã trình bày chi tiết tại BCTH và báo cáo chuyên đề hợp phần 8 thủy lợi và thiên tai  + Việc đề xuất giải pháp phối hợp quản lý, vận hành của các công trình hồ chứa bậc thang trên dòng chính sông Hương với vai trò chính của hồ Tả trạch (hồ chứa nước quan trọng đặc biệt) trong phòng chống lũ, giảm ngập úng (nhất là cho thành phố Huế, Quốc lộ 1A) và cấp nước, phát điện, môi trường...: Đã trình bày chi tiết tại mục 5.5 giải pháp phi công trình trong phát triển thủy lợi và PCTT tại báo cáo chuyên đề hợp phần 8 thủy lợi và PCTT thiên tai  + Làm rõ giải pháp phòng, chống ngập lụt, úng cho các khu đô thị, khu dân cư tập trung, chú trọng nạo vét các sông, trục chính hạ lưu sông Hương, sông Bồ, sông Truồi để tăng khả năng tiêu, thoát lũ: đã trình bày chi tiết tại mục 4.3.2.2, chương 7 về giải pháp tiêu thoát và giải pháp phòng chống lũ |
| 5 | (3) Lĩnh vực thủy sản: Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng, tiềm năng, hướng phát triển; đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng và dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản; xây dựng các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; xây dựng trạm cung cấp dịch vụ, hậu cần, sơ chế, bảo quản, trung chuyển sản phẩm thủy sản; khuyến khích đầu tư phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ cho khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản; củng cố, phát triển ngành cơ khí, đóng mới sửa chữa tàu cá, ưu tiên sử dụng vật liệu mới trong đóng tàu cá; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến vài sản xuất vỏ tàu, máy tàu, ngư cụ; thiết bị thông tin, các công cụ, thiết bị phục vụ nuôi trồng, chế biến và dịch vụ nghề cá (theo Quyết định 339/QĐ-TTg ngày 11/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045). Theo Báo cáo Quy hoạch, sản lượng khai thác, đánh bắt năm 2021 đạt 40.265 tấn, tăng 2,8% so với năm trước, số tàu thuyền nghề cá đạt 2.191 chiếc, số tàu cá đã đăng ký đạt 601 chiếc (tàu cá xa bờ có chiều dài 15 mét trở lên là 406 chiếc); Tỉnh cần rà soát giảm sản lượng đánh bắt, số lượng tàu thuyền bám sát dự thảo quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 của Bộ Nông nghiệp và PTNT (đã thực hiện lấy ý kiến các địa phương); bổ sung quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế là đầu mối gắn với vùng nguyên liệu về thủy sản khu vực ven biển; đẩy mạnh nuôi trồng (nuôi tôm nước nợ khu đầm phá Tam Giang, đầm Hà Trung, Đầm Cầu Hai), khai thác thủy sản tại khu vực ven biển theo hướng hiện đại, bền vững (theo Quyết định 1664/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045). | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung vào phương hương phát triển ngành thuỷ sản (mục 2.3.2.4, chương 4) |
| 6 | (4) Lĩnh vực phòng, chống thiên tai: Đánh giá tác động của loại hình thiên tai đến phát triển riêng từng ngành (nông nghiệp; công nghiệp; thương mại; du lịch; tài nguyên, khoáng sản; đô thị và khu dân cư; kết cấu hạ tầng...) và tăng trưởng kinh tế nói chung của Tỉnh; đánh giá hiện trạng khả năng chống chịu trước thiên tai của từng ngành trong hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai (gồm hiện trạng hệ thống đê điều, hồ chứa...), giao thông, khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp.... Phân tích đánh giá tác động của phát triển kinh tế - xã hội làm tăng nguy cơ rủi ro thiên tai trên địa bàn, nhất là các lĩnh vực phát triển đô thị, nông thôn, giao thông, các khu vực sản xuất, chế biến nông sản, khu công nghiệp..., Chiến lược quốc gia về phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và định hướng phát triển kinh tế - xã hội Tỉnh trong thời kỳ quy hoạch tới, xác định nội dung phòng, chống thiên tai cần lồng ghép vào quy hoạch phát triển riêng từng ngành, quy hoạch tỉnh nói chung (theo hướng dẫn tại Thông tư 10/2021/TT-BKHĐT hướng dẫn lồng ghép phòng, chống thiên tai và quy hoạch, kế h2oạch phát triển kinh tế - xã hội); từ đó lựa chọn kịch bản phòng, chống thiên tai đảm bảo phù hợp với kịch bản phát triển giai đoạn 2021 -2030, tầm nhìn đến 2050. | - Tiếp thu góp ý và đã bổ sung các ý kiến về Đánh giá tác động của loại hình thiên tai đến phát triển riêng từng ngành… vào mục 1.4.4 tại báo cáo chuyên đề hợp phần 8 thủy lợi và PCTT thiên tai. |
| 7 | (5) Lĩnh vực phát triển nông thôn: Bổ sung thông tin về hiện trạng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Tỉnh (bình quân tiêu chí/xã của tỉnh; số đơn vị cấp huyện được Thủ tướng công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM,...); bổ sung dự kiến mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Tỉnh đến năm 2030: Số lượng, tỷ lệ (%) xã đạt chuẩn NTM/NTMnâng cao/NTM kiểu mâu; số lượng, tỷ lệ (%) đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung vào mục 3.2.3, chương 2. |
| 8 | c) Nội dung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Tỉnh thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045  - Quan điểm lập quy hoạch: Nội dung quy hoạch cần định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội đồng bộ với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch phát triển vùng và các quy hoạch ngành cấp quốc gia đang được cấp có thẩm quyền tổ chức xây dựng, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững trên cả ba trụ cột: kinh tế, xã hội và môi trường; đồng thời phải phù hợp, thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng của các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững; phù hợp bối cảnh hội nhập quốc tế, các cam kết trong các điều ước quốc tế đa phương và song phương mà Việt Nam là thành viên. Bổ sung quan điểm phát triển hài hòa giữa các ngành lĩnh vực kinh tế, khu vực kinh tế trên cơ sở khai thác, sử dụng hiệu quả lợi thế, tiềm năng của Tỉnh gắn với vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung. | Tiếp thu góp ý và Báo cáo đã bổ sung những nội dung liên quan liên kết Vùng tại mục I, chương 3. |
| 9 | - Phương án phát triển.  + Định hướng phát triển trồng trọt: Thực hiện thâm canh, chuyên canh, nâng cao giá trị và hiệu quả trên một đơn vị diện tích; chuyển đổi cơ cấu cây trồng cạn theo hướng tăng tỷ trọng các cây trồng có hiệu quả kinh tế cao hơn như cao su, các loại cây ăn quả, rau; tập trung đầu tư vào các sản phẩm chủ lực có lợi thế so sánh và có giá trị gia tăng cao (lúa gạo chất lượng cao, cao su, sắn công nghiệp, lạc...), khuyến khích sản xuất nông nghiệp hữu cơ; tập trung phát triển theo hướng triển sản xuất quy mô lớn, tập trung gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị trên cơ sở phát huy lợi thế sản phẩm, nhằm tạo ra sự thay đổi mạnh mẽ, sản xuất hàng hóa đáp ứng nguyên liệu chế biến công nghiệp và yêu cầu hội nhập, cạnh tranh quốc tế và phát triển bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh nghiên cứu và chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ mới vào sản xuất; sử dụng có hiệu quả tiềm năng đất đai, lao động để phát triển cây công nghiệp dài ngày; Phát triển và nhân rộng các mô hình kinh tế hộ gia đình, trang trại có hiệu quả. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung vào phần định hướng ngành trồng trọt (mục 2.3.2.1, chương 4) |
| 10 | + Định hướng phát triền ngành chăn nuôi: Tăng cường ứng dụng công nghệ vào trong sản xuất, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nhằm làm giảm chi phí, tạo giá trị gia tăng cao và phát triển bền vững, đẩy mạnh công tác khuyến nông, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ đến người chăn nuôi, nâng cao hiệu quả hoạt động và tập trung phát triển các mô hình, tổ hợp tác và hợp tác xã và kinh tế trang trại, làm chủ thể để liên kết với các doanh nghiệp trong sản xuất - thu mua - chế biến - tiêu thụ sản phẩm; ưu tiên ứng dụng công nghệ chuồng trại đáp ứng yêu cầu phát triển chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường và đối xử nhân đạo với vật nuôi, nâng cao năng lực xử lý chất thải chăn nuôi bảo vệ môi trường và sử dụng có hiệu quả nguồi chất thải chăn nuôi; cần bổ sung quy hoạch các cơ sở giết mổ, cơ sở sơ chế, chế biến và cần đảm bảo có sự liên thông giữa cơ sở giết mổ với cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm; bổ sung quy hoạch đất dành cho chăn nuôi, chăn nuôi tập trung; cần giao đất, thuê đất với chính sách ưu đãi theo quy định của phát luật về đất đai cho các doanh nghiệp xây dựng chuỗi liên kết từ sản xuất đến thành phẩm; phát triển chăn nuôi, hữu cơ, tuần hoàn nâng cao hiệu quả chăn nuôi; bố trí không gian cho lĩnh vực chăn nuôi (bố sung danh mục đất cho chăn nuôi) trên cơ sở: Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14, được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 19/11/2018. Tại Điển g, Khoản 1, Điểm b, Khoản 2, Điều 80 trách nhiệm của UBND các cấp “Giao đất, cho thuê đất, tạo quỹ đất, bảo đảm nguồn nước để phát triển chăn nuôi và trồng cây nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, cơ sở giết mổ tập trung theo thẩm quyền”. Quyết định số 1520/QĐ-TTg, ngày 6/10/2020 về việc phê duyệt chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045. Tại điểm a, Mục 1, Khoản IV, Điều 1, giải pháp chính sách về đất đai. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung vào phần định hướng ngành chăn nuôi (mục 2.3.2.2, chương 4) |
| 11 | + Định hướng và xây dựng phương án tổng thể quản lý, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản: Vị trí địa lý, diện tích, ranh giới và bản đồ khu vực dự kiến thành lập khu bảo tồn (Khu bảo tồn biển Bắc Hải Vân - Sơn Chà), khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản phân vùng khai thác thủy sản (Khu vực Điền Hải, Khu vực Vũng Mệ, Khu vực Cồn Máy Bay, Khu vực Doi Trộ Kèn, Khu vực An Xuân, Khu vực Cồn Sầy, Khu vực Cồn Chìm, Khu vực Doi Chỏi, Khu vực Doi Mai Bống, Khu vực Vũng Bùn, Khu vực Vũng Điện, Khu vực Cồn Giá - Vinh Hà, Khu vực Đầm Hà Trung, Khu vực Hòn Núi Quện, Khu vực Đập Làng - Gành Lăng, Khu vực Hà Nã, Khu vực Đá Miếu, Khu vực Đá Dầm, Khu vực Đình Đôi - Cửa Cạn, Khu vực Hòn Voi - Vũng Đèo, Khu vực Nam Hòn Đèo), khu vực cấm khai thác (Vùng ven biển Quảng Điền, Vùng ven biển Phú Vang, Vùng ven biển Lăng Cô), khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản (Khu vực ven bờ huyện phú lộc, Khu vực Lăng Cô), số lượng tàu cá của từng loại nghề, biện pháp quản lý, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; bổ sung nội dung bảo vệ môi trường sống của các loài thủy sản, bổ sung tái tạo nguồn lợi thủy sản vùng biển. Hoạt động thả giống bổ sung, tái tạo phát triển nguồn lợi thủy sản, thực hiện thường xuyên và xã hội hóa sâu rộng (Khoản 9, Điều 28 Nghị định 37/2019/NĐ-CP và Luật Thủy sản); tập trung xây dựng phát triển nuôi biển, gắn kết hài hòa nuôi biển với dịch vụ, du lịch sinh thái biển, dầu khí, điện gió, giữa phát triển nuôi biển và phát triển công nghiệp chế biến (Quyết định 1664/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ). | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung vào phần định hướng ngành thuỷ sản (mục 2.3.2.4, chương 4) |
| 12 | + Phương án phòng, chổng thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu: Rà soát, chỉnh sửa tên loại hình thiên tai cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều; rà soát phân vùng thiên tai đối với các loại hình thiên tai bão, áp thấp nhiệt đới, nước dâng, lũ, lũ quét, ngập; bổ sung phân vùng với các loại hình thiên tai khác như mưa lớn, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển, rét hại; xây dựng phương án quản lý rủi ro thiên tai phù hợp với từng vùng, từng loại hình thiên tai như bão, ATNĐ, mưa lớn, lũ, ngập lụt, sạt lở đất; xác định cụ thể không gian thoát lũ của tuyến sông trên địa bàn đảm bảo thoát lũ tương ứng mức đảm bảo phòng, chống lũ, không ảnh hưởng đến thoát lũ của các hệ thống sông. | Tiếp thu góp ý và tiếp thu/giải trình các ý kiến như sau:  + Đã rà soát, chỉnh sửa tên loại hình thiên tai cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều (Tại BCTH từ trang 1292-1293 và báo cáo chuyên đề hợp phần 8 thủy lợi và thiên tai). |
|  | Rà soát xác định lũ thiết kế của tuyến sông có đê trên địa bàn, bao gồm lưu lượng lũ thiết kế và mực nước lũ thiết kế cho từng giai đoạn quy hoạch, xác định mực nước báo động để tổ chức hộ đê cho từng tuyến sông có đê; bổ sung các giải pháp kỹ thuật của phương án phòng, chống lũ tuyến sông có đê như: Xây dựng hồ chứa nước thượng lưu; trồng rừng phòng hộ đầu nguồn, trồng cây chắn sóng bảo vệ đê; xây dựng tu bổ đê điều; làm thông thoáng dòng chảy; tổ chức quản lý và hộ đê. | Tiếp thu và đã chỉnh sửa tại nội dung xây dưng phương án phòng, chống lũ của các tuyến sông có đê (mục 4.3.4, chương 11) |
|  | Xác định nhiệm vụ, vị trí, các thông số kỹ thuật của từng tuyến đê: (1) Đê biển phải đảm bảo chống bão, nước biển dâng theo tiêu chuẩn kỹ thuật về thiết kế đê biển và phải bao gồm cả diện tích trông cây chắn sóng; bổ sung rà soát xác định các cồn cát tự nhiên làm nhiệm vụ đê biển và giải pháp quản lý, bảo vệ; (2) Đối với đê sông, đê cửa sông và đê bao phải đảm bảo an toàn ứng với mực nước lũ thiết kế và có giải pháp đảm bảo an toàn đê khi xảy ra lũ lịch sử; không ảnh hưởng đến quy hoạch phòng chống lũ của tuyến sông có đê và cả hệ thống sông; (3) Đối với nội dung quản lý, sử dụng bãi sông trong phương án phòng, chống lũ của tuyến sông có đê: Đề nghị xác định không gian thoát lũ bao gồm khu vực lòng sông, bãi sông nằm giữa 2 tuyến đê; xác định cụ thể vị trí, diện tích các khu vực công trình, nhà ở phải di dời; các khu dân cư tập trung hiện có được tồn tại, bảo vệ; các khu vực bãi sông có nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội và xây dựng công trình, nhà ở mới; bổ sung bản đồ hiện trạng hệ thống đê điều, bản đồ các phương án phòng, chống lũ các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều và nội dung liên quan đến phương án phòng, chống lũ các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều trong các bản đồ khác có liên quan của hồ sơ quy hoạch. | + Đánh giá hiện trạng, xác định nhiệm vụ, vị trí, các thông số kỹ thuật của từng tuyến đê đã được đánh giá tại mục 6.4.1.1, chương 2  + (1) Đê biển, (2) đê sông, đê cửa sông và đê bao phải đảm bảo chống bão, nước biển dâng theo tiêu chuẩn kỹ thuật….: Đã trình bày chi tiết tại mục 5.3 báo cáo chuyên đề hợp phần 8. Đối với hệ thống đê biển đảm bảo chống được mực nước triều tần suất P=5% gặp bão cấp 9, cấp 10 có tính đến nước biển dâng. Đối với các tuyến đê bảo vệ trực tiếp các khu vực dân cư tập trung phải được thiết kế bảo đảm an toàn chống gió bão cấp 12 với mực nước triều trung bình tần suất 5%. Củng cố toàn bộ hệ thống các tuyến đê sông, đê biển, đê cửa sông đảm bảo chống được lũ thiết kế.  Xây mới, khép kín các tuyến đê bảo vệ khu dân cư, khu đô thị như tuyến đê bao bảo vệ thành phố Huế mở rộng.  Củng cố, hoàn thiện các tuyến đê biển đảm bảo chống được bão cấp 10, triều tần suất 5%, có xét đến nước biển dâng.  + Bản đồ hiện trạng hệ thống đê đê điều và nội dung liên quan đến phương án phòng, chống lũ các tuyến sông có đê... Nội dung này được thể hiện trong bản đồ hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi tỉnh Thừa Thiên Huế. |
| 13 | + Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật: Bổ sung nội dung “Phương án phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng Phòng, chống thiên tai”, trong đó cần lưu ý đến kết cấu hạ tầng phòng chống lũ, ngập lụt, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển, hệ thống trực canh, cảnh báo, theo dõi, giám sát thiên tai...; phương án bố trí quỹ đất nhằm sắp xếp, di dời dân cư sinh sống tại những khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển. | Nội dung này đã được nêu tại mục IV, chương 11: Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu mục 4.3 của BCTH |
| 14 | d) Danh mục dự án ưu tiên  Rà soát, bổ sung các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nghiên cứu bổ sung danh mục dự án các công trình thủy lợi, công trình phòng chống thiên tai có kết hợp với công trình hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn Tỉnh; các dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng nguy cơ cao xảy ra thiên tai như lũ, ngập lụt, sạt lở đất, các công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, danh mục các dự án ưu tiên đầu tư đảm bảo phù hợp với các mục tiêu đề ra trong phương án phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; danh mục các dự án đầu tư xây dựng: Cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá hài hòa với cơ sở hạ tầng kỹ thuật, năng lượng, giao thông (Cảng cá kết hợp khu neo đậu tránh trú bão: Thuận An, Tư Hiền). | Tiếp thu góp ý, danh mục các dự án ưu tiên đầu tư đã được rà soát và trình bày tại mục I, chương 12. |

## Bộ Văn hoá thể thao và du lịch (CV số 1857/BVHTTDL-KHTC ngày 12/5/2023)

| **Stt** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Về dự thảo Báo cáo tổng hợp:  1.1. Về mục “IV. Căn cứ lập Quy hoạch” (trang 04 Báo cáo tổng hợp):  - Đề nghị nghiên cứu bổ sung các Luật chuyên ngành có liên quan đến các lĩnh vực được đề cập trong nội dung của Quy hoạch. Trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình, đề nghị bổ sung một số Luật như: Luật Di sản văn hóa, Luật thể dục thể thao, Luật Thư viện, Luật Quảng cáo, Luật Sở hữu trí tuệ…  - Bổ sung một số văn bản liên quan, như: Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Kết luận số 76-KL/TW ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI; Quyết định số 429/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch đến năm 2021, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 08 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030; Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 11 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 2238/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030… | Các căn cứ pháp lý đã được chỉnh sửa tại mục II. Căn cứ lập quy hoạch. |
| 2 | - Rà soát, bổ sung các Quy hoạch thuộc lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch thuộc danh mục được phép tích hợp vào Quy hoạch tỉnh theo quy định tại Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc ban hành danh mục các quy hoạch được tích hợp vào Quy hoạch cấp quốc gia, Quy hoạch vùng, Quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch và Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về việc bổ sung các Quy hoạch tại phụ lục danh mục các quy hoạch được tích hợp vào Quy hoạch cấp quốc gia, Quy hoạch vùng, Quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch ban hành kèm theo Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ. | Tiếp thu và rà soát bổ sung vào nội dung các căn cứ lập quy hoạch (mục II, phần I) |
| 3 | 1.2. Tại mục “1.3.2. Tài nguyên du lịch” (trang 19 Báo cáo tổng hợp), cần đánh giá cụ thể hơn về hiện trạng cũng như tiềm năng khai thác các tài nguyên du lịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế trong phát triển du lịch. | Các đánh giá về hiện trạng và tiềm năng khai thác du lịch trên địa bàn tỉnh đã được bổ sung chi tiết tại mục 1.2.5, chương 2. |
| 4 | 1.3. Tại mục “2.3.2. Di sản Văn hóa Phi vật thể” (trang 23 Báo cáo tổng hợp), đề nghị bổ sung các số liệu và nội dung đánh giá thực trạng việc kiểm kê, lập hồ sơ Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; bổ sung kế hoạch lập Đề án bảo tồn các Di sản văn hóa phi vật thể trong Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; chỉnh sửa cụm từ “được UNESCO công nhận” thành “được UNESCO ghi danh”. | Các số liệu và phương án bảo tồn các di sản văn hoá đã được trình bày tại nội dung về bố trí không gian các vùng bảo tồn lịch sử - văn hoá (mục 1.2.2, chương 5). Chi tiết hơn về thực trạng và phương án bảo tồn các di tích sẽ được làm rõ trong quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi quần thể di tích cố đô Huế đang được xây dựng song song với QHT. |
| 5 | 1.4. Tại mục “3.3. Các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh” (trang 28 Báo cáo tổng hợp), đề nghị bổ sung làm rõ tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu đến kinh tế - xã hội, môi trường; bao gồm việc nhận diện, đánh giá và dự báo những tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu đến các di tích lịch sử - văn hóa, các khu du lịch, điểm du lịch và các công trình thể thao trên địa bàn tỉnh. | Nội dung này sẽ được làm rõ trong quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi quần thể di tích cố đô Huế đang được xây dựng song song với QHT. |
| 6 | 1.5. Tại tiểu mục “1.2.4.1. Du lịch” (trang 63 Báo cáo tổng hợp), đề nghị nghiên cứu bổ sung đánh giá cụ thể hơn thực trạng ngành du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế, trong đó, làm rõ một số nội dung như sau: thị trường khách du lịch (quốc tế và nội địa) đến tỉnh giai đoạn vừa qua; hệ thống các sản phẩm, dịch vụ du lịch; công tác xúc tiến - quảng bá, liên kết phát triển du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế với các tỉnh trong vùng, cả nước và quốc tế; chất lượng nguồn nhân lực ngành du lịch. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung tại mục 1.2.5, chương 2. |
| 7 | 1.6. Tại mục “2.1.7. Tiềm năng phát triển du lịch” (trang 117 Báo cáo tổng hợp), ngoài việc đánh giá các không gian phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, cần bổ sung các số liệu và nội dung đánh giá tiềm năng, quỹ đất giành cho phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung tại mục 1.2.5, chương 2. |
| 8 | 1.7. Tại mục “3.3.4. Khu du lịch” (trang 142 Báo cáo tổng hợp), nội dung mục này mới chỉ dừng lại ở việc liệt kê các điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và đánh giá khái quát hiện trạng phát triển du lịch chung; chưa thống kê được các khu, tuyến du lịch trên địa bàn tỉnh cũng như hiện trạng công tác đầu tư phát triển du lịch (hệ thống các loại hình sản phẩm du lịch; cơ sở hạ tầng, dịch vụ phục vụ khách du lịch; khả năng thu hút khách du lịch) tại các khu, điểm du lịch trọng điểm, đặc biệt khu du lịch quốc gia Lăng Cô - Cảnh Dương. Đề nghị nghiên cứu bổ sung. | Thực trạng các tour tuyến du lịch, sản phẩm du lịch, việc phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh đã được bổ sung tại mục thực trạng phát triển ngành du lịch (mục 1.2.5.3, chương 2) |
| 9 | 1.8. Tại mục “5.4. Thực trạng mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao” (trang 226 Báo cáo tổng hợp), đề nghị bổ sung đánh giá thực trạng phát triển của thể dục thể thao trong trường học và trong lực lượng vũ trang. | Thực trạng phát triển lĩnh vực văn hoá, thể thao, bao gồm thể thao học đường và lực lượng vũ trang, đã được trình bày tại mụ 1.3.5, chương 2. |
| 10 | 1.9. Tại mục “5.5.1. Mạng lưới cơ sở du lịch” (trang 236 Báo cáo tổng hợp), đề nghị bổ sung đánh giá hiện trạng công tác đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng dịch vụ khác phục vụ du lịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, như: ăn uống, mua sắm, vui chơi giải trí… | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung tại mục thực trạng phát triển ngành du lịch (mục 1.2.5.3, chương 2) |
| 11 | 1.10. Về phương hướng phát triển du lịch tại mục “2.2. Phương hướng phát triển các ngành dịch vụ” (trang 328 Báo cáo tổng hợp):  - Dự thảo Quy hoạch xác định du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn và là một trong các ngành trọng điểm của tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, nội dung định hướng phát triển ngành du lịch cần được tách ra thành một mục riêng, với các đầu mục nội dung cụ thể về: mục tiêu; phương hướng phát triển; phương hướng sắp xếp, tổ chức không gian du lịch; giải pháp phát triển du lịch… | Các ngành dịch vụ phát triển bổ sung và tương hỗ lẫn nhau, do đó phương hướng phát triển ngành du lịch được cấu trúc trong tổng thể phương hướng phát triển ngành dịch vụ, tại mục 2.2.2, chương 4. |
| 12 | - Về một số mục tiêu cụ thể đối với ngành du lịch (trang 329 Báo cáo tổng hợp), cần xác định mốc thời gian để đạt được các chỉ tiêu phát triển cụ thể đặt ra đối với ngành du lịch. | Tiếp thu và chỉnh sửa mục tiêu phát triển ngành du lịch tại mục 2.2.1.2, chương 4. |
| 13 | - Về phương hướng phát triển ngành du lịch (tiểu mục 2.2.2.1, trang 329 Báo cáo tổng hợp), đề nghị bổ sung các định hướng về: phát triển thị trường khách du lịch (quốc tế và nội địa); đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng dịch vụ phục vụ du lịch (lưu trú, ăn uống, mua sắm, vui chơi giải trí…). | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung tại mục 2.2.2.1, chương 4. |
| 14 | - Tại mục “2.2.3. Phương hướng sắp xếp, tổ chức không gian: (trang 331 Báo cáo tổng hợp), đề nghị xem xét lại nội dung đề xuất “Hình thành khu du lịch quốc gia Lăng Cô - Bạch Mã - Cảnh Dương; khu du lịch quốc gia tại khu nước khoáng nóng Thanh Tân, công viên quốc gia đầm phá Tam Giang - Cầu Hai” vì Dự thảo Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (đã được tổ chức thẩm định và đang hoàn tất các thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt) đã xác định tỉnh Thừa Thiên Huế chỉ có 01 địa điểm tiềm năng phát triển thành khu du lịch quốc gia (khu du lịch Lăng Cô - Cảnh Dương) trong thời kỳ 2021-2030. | Khu du lịch quốc gia Lăng Cô - Bạch Mã - Cảnh Dương đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tại Quyết định 1774/QĐ-TTCP  Khu du lịch quốc gia tại khu nước khoáng nóng Thanh Tân, công viên quốc gia đầm phá Tam Giang - Cầu Hai được định hướng phát triển kinh tế biển và phát huy lợi thế của Tỉnh theo Nghị quyết 54 của Bộ Chính trị |
| 15 | - Về các nhóm giải pháp phát triển du lịch (tiểu mục 2.2.4.1, trang 332 Báo cáo tổng hợp), đề nghị nghiên cứu bổ sung các giải pháp về: đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành du lịch; công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trong phát triển du lịch. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung tại mục 2.2.2.1, chương 4. |
| 16 | 1.11. Tại mục “3.3. Phương hướng phát triển ngành văn hóa, thể thao” (trang 364 Báo cáo tổng hợp):  - Tại tiểu mục “3.3.1.3. Một số chỉ tiêu cụ thể” (trang 365 Báo cáo tổng hợp), đề nghị nghiên cứu bổ sung một số chỉ tiêu cụ thể về: Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có Trung tâm văn hóa Thể thao đạt chuẩn; tỷ lệ cán bộ văn hóa xã hội xã, phường, thị trấn được đào tạo chuyên môn phù hợp từ đại học trở lên; một số chỉ tiêu theo Quyết định số 2164/QĐTTg ngày 11 tháng 1 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ... | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung chỉ tiêu tại tiểu mục 3.3.1, chương 4: : Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có Trung tâm văn hóa Thể thao đạt chuẩn |
| 17 | - Tại điểm “e) Về thư viện” (trang 370 Báo cáo tổng hợp), đề nghị bổ sung cụ thể như sau: Đa dạng sản phẩm, dịch vụ thư viện; đẩy mạnh phát triển văn hóa đọc trên địa bàn tỉnh. Tăng cường phát triển, đầu tư, nâng cao chất lượng hệ thống thư viện công cộng cấp huyện và cấp xã, thư viện cộng đồng, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng, thư viện cơ sở giáo dục đảm bảo về điều kiện thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Thư viện. Phát triển và nhân rộng các mô hình phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng. Đổi mới các hoạt động nâng cao năng lực sử dụng thông tin cho người sử dụng thư viện và người dân góp phần hình và phát triển kỹ năng, phẩm chất, năng lực của người sử dụng và hình thành thói quen đọc bền vững cho người dân. | Tiếp thu và bổ sung nội dung về thư viện tại tiểu mục 3.3.3, chương 4 |
| 18 | - Tại điểm “f) Về bảo tàng” (trang 371 Báo cáo tổng hợp): Hiện nay, ngoài Bảo tàng Hồ Chí Minh chi nhánh Thừa Thiên Huế đã được đầu tư xây dựng mới năm 2000 thì các bảo tàng còn lại là các công trình kiến trúc vốn xây dựng cho những mục đích sử dụng khác (Bảo tàng Lịch sử, Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế, Bảo tàng Mỹ thuật Huế, Bảo tàng Thiên nhiên Duyên hải miền Trung), được cải tạo để làm bảo tàng, nên không đáp ứng yêu cầu về không gian chức năng và kỹ thuật; trang thiết bị kỹ thuật, phương tiện trực tiếp phục vụ trưng bày và hỗ trợ cho hoạt động tuyên truyền giáo dục còn thiếu và lạc hậu… Do đó, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bổ sung phương hướng cải tạo, nâng cấp, đầu tư xây dựng bảo tàng; đồng thời, bổ sung nội dung nêu trên vào phần đánh giá thực trạng hệ thống bảo tàng. | Tiếp thu và bổ sung phương hướng cải tạo, nâng cấp, đầu tư xây dựng bảo tang tại tiểu mục 3.1.2, chương 8  Tiếp thu và bổ sung phần đánh giá thực trạng hệ thống bảo tàng tại tiểu mục 5.4.1, chương 2. |
| 19 | - Đề nghị nghiên cứu bổ sung một số mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể phát triển các ngành công nghiệp văn hóa trên địa bàn tỉnh trong thời kỳ quy hoạch. | Tiếp thu và bổ sung phương án phát triển ngành CNVH tại tiểu mục 3.3.2, chương 4 |
| 20 | - Đề nghị nghiên cứu bổ sung các mục tiêu về phát triển gia đình bền vững của địa phương trong giai đoạn tiếp theo, bảo đảm hài hoà các mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện có hiệu quả Quyết định số 2074/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới và Quyết định số 2238/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030. | Tiếp thu và bổ sung mục tiêu phát triển gia đình bền vững tại tiểu mục 3.1.1, chương 4 |
| 21 | - Đề nghị bổ sung định hướng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho lĩnh vực bảo tồn, bảo tàng, di tích văn hóa, hướng dẫn viên du lịch… | Phần này đã có trong phần nguồn nhân lực chất lượng cao. Đối với lĩnh vực xăn hóa cũng có định hướng phần phát triển nhân lực phục vụ phát triển CNVH |
| 22 | 1.12. Đề nghị bổ sung mục nội dung riêng về vai trò, vị trí của di sản Huế trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; làm rõ và cụ thể hơn về định hướng bảo tồn, phát huy di sản Huế trong giai đoạn 2021 - 2030; bổ sung đánh giá hiện trạng việc kiểm kê, lập hồ sơ khoa học, bảo tồn, tu bổ tôn tạo, phát huy giá trị hệ thống di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn toàn tỉnh. | Vị thế, vai trò của di sản Huế trong phát triển kinh tế xã hội đã được nhấn mạnh cụ thể trong phân tích vị thế vai trò của tỉnh (mục 3.1 chương 1) và tại mục đánh giá tổng hợp (mục VIII, chương 2).  Hiện trạng kiểm kê, lập hồ sơ khoa học, bảo tồn, phát huy hệ thống di tích sẽ được lảm rõ trong quy hoạch bảo quản, tu bổ và phục hồi quần thể di tích cố đô Huế đang được xây dựng song song với QHT. |
| 23 | 1.13. Tại mục “III. Phương án phát triển các khu chức năng” (trang 428 Báo cáo tổng hợp), đề nghị nghiên cứu bổ sung đề xuất phát triển các trung tâm công nghiệp văn hóa, trung tâm công nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh phù hợp với mục tiêu phát triển thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. | Nội dung này đã được đề cập tại mục phương án phát triển khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi (mục 4.6, chương 6) và phương hướng phát triển lĩnh vực văn hoá (mục 3.3.2. chương 4) |
| 24 | 1.14. Tại mục “IV. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng văn hóa, thể thao” (trang 554 Báo cáo tổng hợp), đề nghị rà soát phương án quy hoạch hệ thống cơ sở vật chất văn hóa, thể dục, thể thao của tỉnh, đảm bảo thực hiện theo đúng Quyết định số 1752/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục, thể thao quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến 2030. Các thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã đạt chuẩn theo Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2010, Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2010, Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 8 tháng 3 năm 2011, Thông tư 14/2016/TT- BVHTTDL ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | Tiếp thu và bổ sung quy hoạch kết cấu hạ tầng văn hóa và thể thao từ cấp tỉnh đến cơ sở tại mục III, chương 8) |
| 25 | 1.15. Tại mục “II. Định hướng phân bổ và khoanh vùng sử dụng đất đai của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch” (trang 562 Báo cáo tổng hợp):  - Dự thảo Quy hoạch xác định một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 không thống nhất với chỉ tiêu quốc gia phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2015 (Phụ lục 31); trong đó, có một số chỉ tiêu như sau: Đất xây dựng cơ sở văn hóa (giảm 86 ha), đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao (tăng 43 ha), đất di tích lịch sử - văn hóa (tăng 82 ha)… Đề nghị giải trình làm rõ nguyên nhân.  - Tại mục “2.5. Xác định các loại đất cần thu hồi; các loại đất cần chuyển đổi mục đích sử dụng và đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng” (trang 597 Báo cáo tổng hợp), cần xem xét đánh giá vai trò phòng hộ, cảnh quan sinh thái, tài nguyên du lịch, với nguyên tắc bảo tồn cảnh quan gắn với kinh tế tuần hoàn của 5 ha đất rừng đặc dụng, 628 ha rừng phòng hộ và 9.824 ha đất rừng sản xuất được đề xuất chuyển đổi sang đất phi nông nghiệp. | Trong quá trình lập quy hoạch, Tỉnh luôn bám sát các chỉ tiêu sử dụng đất Quốc gia phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg. Tuy nhiên, với mục tiêu trở thành thành phố trực thuộc TW theo nghị quyết 54 của Bộ chính trị, nghị quyết 26 về phát triển KTXH vùng BTB&DHMT, nhu cầu QHSDD của Tỉnh trong thời kỳ quy hoạch có phát sinh tăng để đảm bảo kêu gọi, thu hút các dự án đầu tư. Đồng thời, thực hiện Công điện 360/CĐ-TTg ngày 20/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã có Báo cáo số 194 /BC-UBND ngày 19/5/2023 gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường. |
| 26 | 1.16. Tại mục “III. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra” (trang 643 Báo cáo tổng hợp), đề nghị bổ sung danh mục hồ, ao cấm san lấp, trong đó có các ao hồ thuộc di tích lịch sử - văn hóa; danh mục vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt... làm căn cứ xác định phương án cụ thể về việc khoanh định các loại đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng theo quy định tại Khoản 7, Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và căn cứ để đánh giá khả năng chịu tải đối với sông, hồ theo quy định tại Điều 9 Luật Bảo vệ môi trường; từ đó, đề xuất các phương án bảo vệ tài nguyên nước, lưu thông dòng chảy tích trữ nước, chống ngập úng. | Nội dung này sẽ được lảm rõ trong quy hoạch bảo quản, tu bổ và phục hồi quần thể di tích cố đô Huế đang được xây dựng song song với QHT. |
| 27 | 1.17. Một số ý kiến khác:  - Đề nghị rà soát, sử dụng khái niệm “Tổng thu từ khách du lịch” thay cho các khái niệm “Doanh thu từ doanh nghiệp du lịch”, “Doanh thu từ du lịch”…trong toàn bộ dự thảo để thống nhất với hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia trong ngành du lịch. | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa trong Báo cáo |
| 28 | - Đề nghị chỉnh sửa, sử dụng cụm từ “Bảo tàng Hồ Chí Minh chi nhánh Thừa Thiên Huế” trong các nội dung liên quan để tránh nhầm lẫn với Bảo tàng Hồ Chí Minh - Bảo tàng quốc gia thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; chỉnh sửa cụm từ “Cục Di sản” thành “Cục Di sản văn hóa”. | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa trong Báo cáo |
| 29 | - Tại các bảng thống kê chưa thống nhất cách thể hiện các chỉ tiêu đất di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, cụ thể: Tại Bảng 24 (trang 123 Báo cáo tổng hợp) gộp chung thành chỉ tiêu đất có di tích, danh thắng; nhưng tại Bảng 23 (trang 117 Báo cáo tổng hợp), Bảng 160 (trang 558 Báo cáo tổng hợp), Bảng 190 (trang 585 Báo cáo tổng hợp), Bảng 191 (trang 589 Báo cáo tổng hợp), Bảng 192 (trang 591 Báo cáo tổng hợp), Bảng 193 (trang 598 Báo cáo tổng hợp)… lại tách riêng thành hai chỉ tiêu đất di tích lịch sử - văn hóa và đất danh lam thắng cảnh. Do đó, đề nghị chỉnh sửa thống nhất cách thể hiện các chỉ tiêu này; đồng thời, bổ sung số liệu đất danh lam thắng cảnh tại các Bảng liên quan đang thiếu số liệu. | Mỗi kỳ QH sử dụng đất Bộ TNMT có thông tư hướng dẫn cụ thể và theo đó một số chỉ tiêu có chút điều chỉnh. Sự không đồng nhất về chỉ tiêu sử dụng đất giữa 2 thời kỳ do thực hiện theo các thông tư hướng dẫn khác nhau. Bảng 24 là đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước theo thông tư hướng dẫn cũ là đất di tích, danh thắng; các nội dung còn lại của báo cáo thống nhất tách 2 chỉ tiêu do thực hiện theo thông tư số 01/2021/TT-BTNMT |
| 30 | 2. Về Báo cáo môi trường chiến lược:  Đề nghị nghiên cứu bổ sung định hướng thực hiện đánh giá sức chịu tải của môi trường đối với các dự án đầu tư xây dựng được đề xuất trong quy hoạch nằm ven biển, sông, hồ, khu vực có giá trị cao về đa dạng dạng sinh học (Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Điền, Vườn quốc gia Bạch Mã, Vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước trên sông Hương, Vùng ngập nước Tam Giang - Cầu Hai…) trước khi phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung ở mục 4.2.5.1 các định hướng thực hiện đánh giá sức chịu tải của môi trường đối với các dự án đầu tư xây dựng được đề xuất trong quy hoạch nằm ven biển, sông, hồ, khu vực có giá trị cao về đa dạng dạng sinh học. |

## Bộ Công thương (CV số 3692/BCT-KHTC ngày 14/6/2023)

| **Stt** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
|  | Chương II. Căn cứ lập quy hoạch  Đề nghị rà soát, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật sau:  - Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển CCN;  - Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017. | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa trong Chương II. Căn cứ lập quy hoạch |
|  | Chương I. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.  \* Về thực trạng phát triển công nghiệp:  - Đề nghị phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh, trong đó cần nêu sự đóng góp của các ngành công nghiệp thế mạnh vào phát triển kinh tế của tỉnh. Đánh giá tiềm năng, lợi thế và những hạn chế phát triển ngành công nghiệp, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp khắc phục những hạn chế, phát huy tiềm năng, lợi thế để đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp của tỉnh. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung tại mục 1.2.3, chương 2. |
|  | - Đề nghị đánh giá cụ thể về môi trường kinh doanh, chính sách hỗ trợ của tỉnh; thực trạng doanh nghiệp, chất lượng tăng trưởng, chất lượng chuyển dịch cơ cấu của tỉnh trong giai đoạn vừa qua. | - Về môi trường kinh doanh và thực trạng doanh nghiệp: Đã tiếp thu và bổ sung trong mục 1.4.5, chương 2.  - Về chất lượng tăng trưởng: Đã tiếp thu và bổ sung các phân tích về năng suất TFP, năng suất lao động tại mục 1.1.1, chương 2. ; về chuyển dịch cơ cấu đã tiếp thu và bổ sung trong mục 1.1.2, chương 2 |
|  | - Nghiên cứu bổ sung nội dung về năng suất lao động, trình độ máy móc thiết bị công nghệ, vốn đầu tư ngành công nghiệp, lao động công nghiệp, số lượng tăng/giảm doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp trong giai đoạn vừa qua. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung ở mục 1.1.2, chương 2. |
|  | - Tỉnh Thừa Thiên Huế là một trong năm tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm miền Trung nằm ở vị trí trung tâm của cả nước có tiềm năng khoáng sản bao gồm các loại khoáng sản kim loại (sắt, titan, thiếc, vàng), khoáng chất công nghiệp (pyrit, kaolin), khoáng sản làm vật liệu xây dựng (đá ốp lát, đá vôi, cuội sỏi, sét, cát, …), nước khoáng nóng có tiềm năng lớn về sản lượng, chất lượng có thể quy hoạch và đầu tư khai thác bổ sung nguồn nguyên liệu cho các Dự án chế biến sâu khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã và đang hoặc sẽ đầu tư theo quy hoạch khoáng sản Quốc gia nên cần bổ sung, đánh giá kỹ hơn về hiện trạng và tình hình thực hiện thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh từ khi Luật Khoáng sản năm 2010 có hiệu lực và thực hiện Quy hoạch khoáng sản tỉnh Thừa Thiên Huế, lợi thế, tồn tại, hạn chế, vướng mắc để làm cơ sở định hướng cho quy hoạch tỉnh về khoáng sản. | Các đánh giá hiện trạng thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản từ khi có Luật khoáng sản năm 2010, những vi phạm trong hoạt động khai khoáng đã được đề cập tại mục 6.2. Thực trạng bảo vệ, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên. |
|  | - Đối với hiện trạng phát triển Cụm công nghiệp (CCN): Đề nghị đánh giá tiến độ xây dựng, hiệu quả đầu tư hạ tầng kỹ thuật các CCN trên địa bàn; đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, công tác bảo vệ môi trường, hiệu quả kinh tế - xã hội của từng CCN; những mặt đạt được, hạn chế và nguyên nhân trong đầu tư phát triển CCN trên địa bàn thời gian qua. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung trong mục 3.3.3, chương 2. |
|  | \* Thực trạng phát triển ngành năng lượng:  - Đề nghị bổ sung nội dung rà soát, đánh giá chi tiết tình hình thực hiện quy hoạch thời kỳ trước đối với lĩnh vực điện và năng lượng tại địa phương để đảm bảo dự thảo Quy hoạch giai đoạn mới có tính kế thừa, phát huy các điểm mạnh và điều chỉnh, loại bỏ những nội dung không phù hợp. | Tiếp thu góp ý, báo cáo đã có phân tích tình hình thực hiện quy hoạch thời kỳ trước tại nội dung thực trạng phát triển mạng lưới cấp điện (mục 4.2, chương 2) |
|  | - Bổ sung tình trạng mang tải của các đường dây và trạm biến áp 500/220/110kV, qua đó, bổ sung đánh giá về tính đồng bộ của việc phát triển lưới điện 500/220/110kV so với việc phát triển nguồn điện trên địa bàn tỉnh. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung tại mục 4.2, chương 2. |
|  | \* Thực trạng phát triển thương mại:  - Bổ sung việc đánh giá tình hình xây dựng và phát triển hạ tầng thương mại, phát triển thương mại nội địa thực hiện theo Quyết định số 1114/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Miền Trung đến năm 2020, trong đó cần đưa ra nhận định về sự đáp ứng của hạ tầng chợ truyền thống, hạ tầng thương mại hiện đại so với nhu cầu dân sinh và các ngành sản xuất, dịch vụ khác. | - Việc đánh giá việc thực hiện Quyết định số 1114/QĐ-TTg thuộc phạm vi Quy hoạch Vùng miền Trung đang trong quá trình triển khai. Sau khi rà soát QĐ 1114, không có các chỉ tiêu quy hoạch cụ thể cho tỉnh Thừa Thiên Huế.  - Về nhận định về sự đáp ứng của hạ tầng chợ truyền thống, hạ tầng thương mại hiện đại so với nhu cầu dân sinh và các ngành sản xuất, dịch vụ khác: Đã tiếp thu và bổ sung ở mục 5.6.2, chương 2. |
|  | - Đề nghị có sự so sánh tổng mức bán lẻ hàng hóa của Tỉnh với Vùng và cả nước, rút ra một số kết luận về xu thế phát triển của ngành thương mại trong giai đoạn vừa qua thông qua tổng mức bán lẻ hàng hóa để thấy rõ mức độ tập trung hàng hóa phân theo vùng, lãnh thổ. Xem xét bổ sung đánh giá quy mô thị trường, cơ cấu hàng hóa lưu thông trên thị trường; đánh giá về hiện trạng thương mại điện tử của tỉnh; | - Về sự so sánh tổng mức bán lẻ hàng hóa của Tỉnh với Vùng và cả nước: Đã tiếp thu và bổ sung trong nội dung thực trạng ngành thương mại, tại mục 1.2.5.3, chương 2  - Về đánh giá quy mô thị trường, cơ cấu hàng hóa lưu thông trên thị trường: Đã tiếp thu và bổ sung trong tại mục1.2.5.3, chương 2.  - Về đánh giá về hiện trạng thương mại điện tử của tỉnh: Đã tiếp thu và có đánh giá ở mục 5.6.2, chương 2. |
|  | - Bổ sung các đánh giá về hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thương mại điện tử của tỉnh trong giai đoạn vừa qua. | - Về đánh giá hoạt động xúc tiến thương mại: Đã tiếp thu và bổ sung trong mục 1.2.5.3, chương 2.  -Về đánh giá về hiện trạng thương mại điện tử của tỉnh: Đã tiếp thu và có đánh giá ở ở Mục 2, Chương 5, phần 5.6.2 |
|  | - Đề nghị đánh giá về khả năng đáp ứng của hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại hiện có trên địa bàn tỉnh đối với phát triển đô thị, phát triển thương mại và phát triển các ngành kinh tế của tỉnh. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung ở mục 5.6.2, chương 2. |
|  | - Đề nghị bổ sung, làm rõ hiện trạng hệ thống xăng dầu, khí đốt, đánh giá về hiệu quả đầu tư, hiệu quả sử dụng hệ thống kho, dự báo nhu cầu về quy mô, sức chứa của hệ thống kho xăng dầu, khí đốt trên địa bàn tỉnh và Vùng, làm cơ sở xác định về tổng quy mô sức chứa trong thời gian tới. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung ở Mục 1.2.5.3, Chương 2 |
|  | - Về thực trạng Xuất nhập khẩu: đề nghị tỉnh nghiên cứu, bổ sung hiện trạng tình hình xuất nhập khẩu (số liệu về giá trị, tỷ trọng xuất nhập khẩu, cán cân thương mại) của tỉnh trong thời kỳ trước để làm căn cứ trong việc đề xuất định hướng phát triển xuất nhập khẩu địa bàn. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung ở Mục 5.6.2, chương 2. |
|  | Mục vi. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng  Chương II. Phương hướng phát triển ngành quan trọng  \* Về phương hướng phát triển ngành Công nghiệp:  - Đề nghị rà soát đảm bảo sự phù hợp giữa Quy hoạch tỉnh với các chính sách phát triển công nghiệp tại Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 03/9/2020 của Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 06/8/2020 của Chính phủ về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ. | Đã rà soát tính phù hợp với Nghị quyết số 124/NQ-CP; Nghị quyết số 115/NQ-CP |
|  | - Cần rà soát, loại bỏ một số nội dung được nêu trong dự thảo nhưng không thuộc ngành công nghiệp, bổ sung định hướng phát triển cụ thể một số ngành công nghiệp quan trọng của tỉnh trong thời kỳ 2021-2030. | Tiếp thu góp ý và đã rà soát, bổ sung ở mục 1.2.3, chương 2 |
|  | - Nghiên cứu, bổ sung các định hướng, giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển các cụm liên kết ngành, liên kết nội vùng, liên kết vùng trong phát triển công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế  - Đề nghị phân tích cụ thể hơn về định hướng phát triển kinh tế biển, trong đó có công nghiệp ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế theo Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018, Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. | Định hướng phát triển kinh tế biển đã được bổ sung tại mục 2.4, chương 4. |
|  | - Đề nghị bổ sung nội dung thuyết minh phương án phát triển CCN; trong đó nêu chi tiết từng CCN gồm tên gọi, vị trí, diện tích, hiện trạng đất đai trên nguyên tắc hạn chế sử dụng đất đã quy hoạch trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; ngành nghề hoạt động (định hướng các ngành, nghề có tính liên kết, trong cùng chuỗi giá trị của sản phẩm, dịch vụ); giải trình cơ sở điều chỉnh, loại bỏ các CCN (làm rõ giải pháp quản lý, di dời các doanh nghiệp đang hoạt động đối với các CCN điều chỉnh ra khỏi quy hoạch); | - Về nội dung thuyết minh phương án phát triển CCN: Đã tiếp thu và bổ sung ở mục 3.2.2, chương 6.  - Về nội dung làm rõ giải pháp quản lý, di dời các doanh nghiệp đang hoạt động đối với các CCN điều chỉnh ra khỏi quy hoạch: Tỉnh THừa Thiên Huế có 02 cụm công nghiệp đã được thành lập nhưng đề xuất đưa ra khỏi phương án phát triển cụm công nghiệp thời kỳ 2021-2030 do vị trí gần khu dân cư, không còn phù hợp để phát triển cụm công nghiệp (CCN Thuận An, CCN Bắc An Gia), đây là 02 khu công nghiệp tuy đã thành lập nhưng hoạt động còn rất hạn chế:  + CCN Bắc An Gia: mới giải phóng mặt bằng được 2,21 ha; có 14 dự án đã đi vào hoạt động; doanh thu của các dự án đi vào hoạt động khoảng 03 tỷ đồng; giải quyết việc làm cho khoảng 100 lao động  + CCN Thuận An: Đã thành lập nhưng chưa hoạt động.  Việc bố trí, sắp xếp các doanh nghiệp đang hoạt động trong CCN Bắc An Gia sẽ được xây dựng phương án cụ thể, để đảm bảo tính khả thi khi thực hiện. |
|  | - Đề nghị bổ sung giải pháp phát triển CCN gắn với định hướng phát triển công nghiệp có tiềm năng, lợi thế của vùng, tỉnh; phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, phát triển các đô thị, phát triển các khu du lịch để thu hút khách tham quan và tiêu thụ sản phẩm tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn; đầu tư phát triển CCN trên địa bàn theo hướng ưu tiên lựa chọn doanh nghiệp làm chủ đầu tư hạ tầng CCN, tăng cường xã hội hóa trong đầu tư phát triển CCN, ưu tiên hỗ trợ đầu tư công trình xử lý môi trường chung tại CCN. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung giải pháp phát triển CCN tại mục 3.2.2, chương 6 |
|  | Mục 9. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật  Chương II. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện  - Bổ sung đầy đủ thông tin về các công trình lưới điện đề xuất theo quy hoạch cũng như thông tin về tọa độ của các dự án để xác định không chồng lấn về địa giới và không gian giữa các dự án, đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương. | - Tiếp thu góp ý và đã bổ sung các thông tin thông số kỹ thuật, địa điểm các công trình lưới điện đề xuất.  - Về thông tin tọa độ của các dự án sẽ được xác định ở giai đoạn sau quy hoạch. |
|  | - Bổ sung các tài liệu, hồ sơ, bản đồ hiện trạng chi tiết kèm theo toạ độ chính xác về nguồn và lưới điện khu vực kết nối vào hệ thống điện quốc gia, số liệu thống kê và dự báo phụ tải theo các loại hình trên cơ sở phát triển kinh tế xã hội dự kiến của địa phương theo các thời kỳ đến năm 2050. | Tiếp thu góp ý vào phần bản đồ hiện trạng cũng như phương án sẽ được thực hiện tại hệ thống bản đồ phục vụ quy hoạch. |
|  | - Bổ sung nội dung về số liệu trên cơ sở dữ liệu thông tin địa lý (GIS) về tiềm năng và dự kiến phát triển, sử dụng các nguồn điện năng lượng tái tạo trên địa bàn, bao gồm các nhà máy sử dụng rác thải, sinh khối và chất thải rắn để phát điện. Dự kiến trong quy hoạch về định hướng phát triển điện mặt trời mái nhà để phục vụ các phụ tải khu vực, dự phòng vị trí và kết nối các trạm sạc xe điện. | - Trong quy hoạch này không thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin địa lý GIS về tiềm năng và dự kiến các dự án phát triển, sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo.  - Tiếp thu ý kiến và bổ sung đầy đủ thông tin về tiềm năng, dự kiến các dự án phát triển các nguồn năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh. |
|  | - Nội dung về phương án phát triển điện lực tỉnh phải được thống nhất với các cơ quan quản lý ngành trên địa bàn tỉnh và khu vực. | Nội dung về phương án phát triển điện lực tỉnh đã được Sở Công thương tỉnh trực tiếp nghe đơn vị tư vấn báo cáo và có góp ý. |
|  | - Ngày 15/5/2023, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà đã ký Quyết định số 500/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 (Quy hoạch điện VIII), do đó, đề nghị cơ quan lập quy hoạch rà soát, cập nhật danh mục các công trình điện Quốc gia trên địa bàn tỉnh (bao gồm nguồn và lưới điện truyền tải 500kV, 220kV…) đảm bảo sự phù hợp giữa quy hoạch tỉnh với quy hoạch điện VIII. | Tiếp thu ý kiến và rà soát quy hoạch điện VIII để cập nhật danh mục các công trình điện quốc gia trên địa bàn tỉnh. |
|  | - Theo dự thảo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế, trong giai đoạn sau năm 2035, tỉnh Thừa Thiên Huế dự kiến quy hoạch Nhà máy điện khí LNG Chân Mây (4.000 MW) và Nhà máy điện khí LNG Phong Điền (3.000 MW), tuy nhiên trên cơ sở cân đối cung cầu năng lượng quốc gia và định hướng phát triển phân vùng theo từng thời kỳ, tại dự thảo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII) chỉ đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt quy hoạch Nhà máy điện khí LNG Chân Mây (1.500 MW) trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Đề nghị, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Thừa Thiên Huế nghiên cứu để có phương án xây dựng quy hoạch tỉnh phù hợp, tránh lãng phí. | - Trong quy hoạch điện VIII, dự án Nhà máy điện khí LNG Chân Mây dự kiến giai đoạn 2031-2035, được xác định là dự án tiềm năng, dự phòng cho các dự án chậm tiến độ hoặc không thể triển khai.  - Định hướng phát triển Nhà máy điện khí LNG Chân Mây về quy mô, thời gian còn phụ thuộc trữ lượng, tiến độ mỏ khí Kèn Bầu. |
|  | Mục 10. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội  Chương VI. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng du lịch và thương mại  \* Đối với hạ tầng Thương mại:  - Đề nghị nghiên cứu bổ sung quan điểm việc hình thành mạng lưới chợ vừa phải phù hợp với nhu cầu thực tế, vừa phải có tính tác động và thay đổi thói quen tiêu dùng của người dân theo hướng hiện đại, văn minh hơn. Mạng lưới chợ được hình thành phải phù hợp với đặc điểm văn hóa, trình độ phát triển của tỉnh trong từng giai đoạn, đảm bảo vai trò, chức năng, đáp ứng xu thế hội nhập. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung tại mục 6.3.2, chương 8. |
|  | - Đề nghị làm rõ cơ sở xác định phương án quy hoạch kho xăng dầu, khí đốt của Tỉnh giai đoạn quy hoạch và lưu ý, đối với quy hoạch tỉnh chỉ xây dựng phương án quy hoạch các kho xăng dầu, khí đốt quy mô cấp tỉnh (kho có quy mô dưới 5000 m3). | Tiếp thu góp ý, báo cáo Quy hoạch tỉnh chỉ xây dựng quy hoạch hạ tầng kho xăng dầu, khí đốt quy mô dưới 5000 m3. |
|  | - Đối với kho xăng dầu, khí đốt có quy mô lớn hơn 5000 m3, đề nghị rà soát đảm bảo phù hợp với các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và dự thảo Quy hoạch hạ tầng, dự trữ xăng dầu khí đốt Quốc gia thời kỳ 2021-2030 do Bộ Công Thương xây dựng và đang trình Thủ tướng Chính phủ. | Tiếp thu góp ý, Báo cáo đã rà soát các kho xăng dầu, khí đốt quy mô lớn trên 5000m3 đảm bảo phù hợp với QH ngành quốc gia về hạ tầng, dự trữ xăng dầu, khí đốt. |
|  | Mục 13. Các phương án bảo vệ môi trường; khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh học; phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu  Chương II. Phương án bảo vệ, khai thác và sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh  - Đối với phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản phải phù hợp với Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai thác đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 22/7/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị. | Các phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản đã được xây dựng phù hợp với Nghị quyết 10-NQ/TW và các nghị quyết khác có liên quan về địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai thác khoáng sản. |
|  | - Đề nghị rà soát các mỏ/ điểm mỏ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định khu vực phân tán nhỏ lẻ hoặc các mỏ/điểm mỏ độc lập (phân tán) đã được điều tra, đánh giá hoặc đã thăm dò đánh giá trữ lượng thỏa mãn tiêu chí mỏ phân tán nhỏ lẻ quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản. Các mỏ/điểm mỏ trữ lượng nhỏ, không nằm phân tán (độc lập) có thể hình thành các cụm mỏ/điểm mỏ tích tụ tài nguyên với trữ lượng lớn, cung cấp nguyên liệu ổn định cho các dự án chế biến (đặc biệt các dự án chế biến sâu trên địa bàn) thì không quy hoạch Tỉnh, đề xuất đưa vào quy hoạch khoáng sản Quốc gia để khai thác, chế biến hiệu quả. | Báo cáo đã rà soát, khoanh định chi tiết khu vực mỏ, loại tài nguyên khoáng sản cần đầu tư thăm dò, khai thác, trữ lượng các loại tài nguyên khoáng sản tại mục II. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh |
|  | - Đối với các điểm mỏ khoáng sản cần được rà soát, đối chiếu về tài nguyên, trữ lượng, ranh giới, toạ độ, diện tích với các mỏ, điểm mỏ nằm trong các Quy hoạch khoáng sản (thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước về khoáng sản của Bộ) đã được công bố, đảm bảo thống nhất về nội dung, đúng thẩm quyền và theo quy định pháp luật về khoáng sản và quy hoạch. Không để chồng lấn tọa độ, ranh giới với quy hoạch Quốc gia (Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng lập). Không chia nhỏ các mỏ/cụm mỏ/khu vực mỏ khoáng sản có triển vọng khai thác với quy mô sản xuất công nghiệp trong quy hoạch tỉnh. | Các điểm mỏ, khoáng sản đã được rà soát đối chiếu về trữ lượng, ranh giới, phù hợp với Quy hoạch khoáng sản quốc gia. |
|  | - Nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng (đá, cát, sỏi) và vật liệu san lấp mặt bằng trong khi triển khai thực hiện quy hoạch Tỉnh là rất lớn nên cần xây dựng lộ trình khai thác khoáng sản phù hợp với lộ trình phát triển công nghiệp gắn liền với các giải pháp kỹ thuật và quản lý hiệu quả. Việc khoanh định thăm dò, khai thác nhóm khoáng sản vật liệu xây dựng địa bàn tỉnh cần có giải pháp quản lý, khai thác hợp lý nguồn tài nguyên và đảm bảo an toàn theo quy định tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ bãi sông. | Định hướng khai thác khoáng sản theo nhu cầu thị trường, phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng đã được xây dựng phù hợp với các Nghị định về quản lý cát, sỏi lòng sông và được trình bày tại nội dung phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên (mục II, chương 11) |
|  | - Cần bổ sung các giải pháp xử lý vấn đề ô nhiễm bụi, nhiệt, tiếng ồn và các tác nhân từ hoạt động sản xuất công nghiệp, khai thác và chế biến khoáng sản; Các giải pháp tăng cường quản lý nhà nước, bảo vệ có hiệu quả tài nguyên khoáng sản đang khai thác và chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; ngăn chặn hiệu quả khoáng sản khai thác, vận chuyển, tập kết trái phép, chú trọng biện pháp bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác chế biến khoáng sản, đặc biệt đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh. | Các giải pháp về xử lý ô nhiễm bụi, nhiệt, tiếng ồn từ các hoạt động sản xuất công nghiệp, khai thác và chế biến khoáng sản sẽ được làm rõ trong các đề án chuyên ngành về hoạt động khai thác chế biến khoáng sản. |
|  | - Cần đề xuất giải pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên, sử dụng hiệu quả đất sau khai thác mỏ, sử dụng đất đá thải mỏ để làm vật liệu san lấp, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và sớm đưa quỹ đất sau khai thác mỏ vào sử dụng theo mô hình kinh tế tuần hoàn, nâng cao giá trị sử dụng đất và hiệu quả của các dự án khoáng sản. | Phương án khai thác, sử dụng hiệu quả các tài nguyên đã được trình bày tại mục 2.2, chương 11. |
|  | - Trong phương án quy hoạch các mỏ thuộc quản lý, cấp phép của tỉnh Thừa Thiên Huế đề nghị không quy hoạch thăm dò, khai thác các mỏ khoáng sản (không thuộc mỏ vật liệu xây dựng thông thường) mà trong nước không có nhu cầu sử dụng, không chế biến sâu và không được xuất khẩu theo các quy định hiện hành; các khoáng sản kim loại phải gắn với chế biến, có công nghệ tiên tiến hoặc chỉ đảm bảo cung cấp nguyên liệu cho các dự án chế biến trong quy hoạch khoáng sản của Quốc gia mà Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng đang triển khai lập. | Báo cáo đã rà soát đảm bảo không quy hoạch các loại khoáng sản mà trong nước không có nhu cầu sử dụng, không chế biến sâu và không được xuất khẩu theo các quy định hiện hành. |
|  | 3. Góp ý kiến cụ thể đối với Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC)  Phần mở đầu.  - Mục 2.1 Về cơ sở pháp lý, đề nghị rà soát, bổ sung một số văn bản sau:  + Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa;  + Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam;  + Quyết định số 165/QĐ-TTg ngày 28/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung đầy đủ các văn bản pháp luật liên quanở tiểu mục 0.2.1 của phần Mở đầu |
|  | - Cần cập nhật các chính sách và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tái cơ cấu lĩnh vực công nghiệp, thương mại, phát triển kinh tế tuần hoàn, thúc đẩy tái chế, tái sử dụng chất thải vào nội dung của báo cáo DMC và dự thảo Quy hoạch tỉnh. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung các thông tin liên quan ở mục 2.2.7.2. |
|  | Chương 2. Phạm vi đánh giá môi trường chiến lược và thành phần môi trường, di sản thiên nhiên có khả năng bị tác động bởi quy hoạch.  - Theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, số liệu về hiện trạng khí tượng - thủy văn trong khu vực, các thành phần môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội phải có chuỗi thời gian ít nhất 05 năm tính đến thời điểm thực hiện ĐMC. Đề nghị cập nhật, bổ sung dữ liệu năm 2022 làm cơ sở đánh giá hiện trạng, dự báo tác động các vấn đề môi trường chính, đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường phù hợp. | Tiếp thu góp ý và đã cập nhật, bổ sung dữ liệu năm 2022 về KT-XH. Riêng dữ liệu về thành phần môi trường, phải chờ đến cuối tháng 6 mới có số liệu cập nhật của năm 2022. |

# Ý kiến các địa phương trong vùng

## Tỉnh Thanh Hoá (CV số 1766/SKHĐT-THQH ngày 29/3/2023)

| **Stt** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | 1. Về căn cứ pháp lý: Đề nghị nghiên cứu bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến phát triển ngành quốc gia, như: Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 của Quốc Hội; Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác; các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025; số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất Quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm giai đoạn 2021- 2025; số 2026/QĐ-TTg ngày 02/12/2021 phê duyệt Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021 - 2030; số 1014/QĐ-TTg ngày 29/6/2021 phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hoá và thể thao thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; số 933/QĐ-TTg ngày 14/6/2021 phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025, … làm cơ sở xây dựng Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đảm bảo quy định của pháp luật. | Tiếp thu góp ý đã chỉnh sửa nội dung căn cứ pháp lý. |
| 2 | 2. Về các nội dung của Dự thảo Quy hoạch  2.1. Về đánh giá hiện trạng:  2.1.1. Về thực trạng phát triển nông, lâm, thủy sản:  - Đề nghị bổ sung đánh giá kết quả thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế theo Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 16/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch cơ cấu lại nông nghiệp giai đoạn 2017-2020. | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung phần đánh giá chương trình tái cơ cấu ngành NN (mục 1.2.1, chương 2) |
| 3 | - Đánh giá kết quả phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực nằm trong Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế theo Thông tư số 37/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và các sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thừa Thiên Huế không nằm trong Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia; kết quả phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, quy mô lớn công nghệ cao, vùng sản xuất nguyên liệu gắn với chế biến,… | Đã có đánh giá trong Báo cáo tổng hợp (mục 1.2.1, chương 2) |
| 4 | - Đánh giá kết quả ứng dụng khoa học công nghệ, cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp; thực hiện công tác phát triển các hình thức tổ chức sản xuất hiệu quả (Hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại,…); công tác tích tụ, tập trung đất đai để phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao; các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản; công tác quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, phát triển thị trường tiêu thụ nông sản; dịch vụ nông nghiệp, đào tạo nghề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn,…. | Đã có đánh giá trong phần hiện trạng (mục 1.2.1, chương 2) |
| 5 | - Phân tích, đánh giá cụ thể kết quả thực hiện và những tác động của các chủ trương, cơ chế chính sách của Trung ương, của Tỉnh đến phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2011 - 2020; đồng thời phân tích, đánh giá, nhận định về những thuận lợi, khó khăn, cơ hội, thách thức và những sáng kiến ưu tiên để phát triển nông, lâm, thủy sản tỉnh Thừa Thiên Huế trong thời kỳ quy hoạch. | Đã có đánh giá các chính sách (mục 1.2.1, chương 2) |
| 6 | 2.1.2. Về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội khác (tại nội dung I, Mục 2, trang 31 - 110): Đề nghị thống nhất số liệu, nội dung phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn 2011-2020. | Đã rà soát đảm bảo có nội dung đánh giá 2011-2020 và có bổ sung, cập nhật năm 2021 ở một số nội dung phù hợp |
| 7 | 2.2. Về quy hoạch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050:  2.2.1. Về định hướng phát triển nông, lâm, thủy sản  - Bổ sung định hướng phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thuỷ sản của tỉnh đảm bảo phù hợp với Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, như: Định hướng theo nhóm sản phẩm chủ lực (sản phẩm chủ lực quốc gia, sản phẩm chủ lực cấp tỉnh); định hướng phát triển theo các lĩnh vực (trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản); định hướng phát triển các vùng sản xuất nông, lâm, thủy sản tập trung quy mô lớn, công nghệ cao gắn với chế biến và tiêu thụ, phù hợp với lợi thế của tỉnh, nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu;… | Đã tiếp thu và bổ sung một số giải pháp phù hợp với điều kiện của Thừa thiên Huế (mục 2.3, chương 4) |
| 8 | - Bổ sung các giải pháp phát triển nông, lâm, thủy sản, như: Đổi mới tổ chức sản xuất kinh doanh, hoàn thiện quan hệ sản xuất; nâng cao chất lượng đào tạo nghề; trình độ, hiệu quả công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát triển thị trường trong và ngoài nước đảm bảo đầu ra ổn định cho nông sản; xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng; đổi mới và nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro; hội nhập và hợp tác quốc tế; xây dựng, hoàn thiện và triển khai một số cơ chế, chính sách đột phá;… | Các giải pháp phát triển đã được nghiên cứu phù hợp với định hướng phát triển của địa phương |
| 9 | 2.2.2. Về phương án phát triển ngành công nghiệp (trang 325 - 328):  Đề nghị bổ sung, làm rõ nội dung phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ cho các ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh; đánh giá toàn diện về khả năng cung ứng của ngành công nghiệp phụ trợ hiện tại và định hướng phát triển hoặc liên kết các ngành công nghiệp phụ trợ của tỉnh trong giai đoạn tới phục vụ các ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh trong giai đoạn tới. | Các ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh đang tích cực tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, trong đó Tỉnh đang tập trung hình thành khu công nghiệp hỗ trợ dệt may |
| 10 | 2.2.3. Về Phương hướng phát triển các ngành dịch vụ:  Đề nghị đưa ra các mục tiêu phát triển cụ thể đối với ngành thương mại (mục 2.2.1.2 trang 329) theo từng giai đoạn cụ thể 2021-2025, 2026-2030 như: mục tiêu về tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội, số lượng cơ sở hạ tầng thương mại chủ yếu (hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, chợ, kho xăng dầu, trung tâm hội chợ, triển lãm…). | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa trong Báo cáo (mục 2.2, chương 4) |
| 11 | 2.2.4. Về Phương án phát triển kết cấu hạ tầng văn hoá, thể thao (mục IV, trang 545):  Đề nghị bổ sung các chỉ tiêu đầu tư phát triển hệ thống thiết chế văn hoá - thể thao các cấp (tỷ lệ, số lượng, quy mô,…); đầu tư các công trình văn hoá, thể thao quy mô các cấp (quốc gia, khu vực/vùng, tỉnh,…) làm cơ sở xây dựng kế hoạch đầu tư công, thu hút các dự án đầu tư và nguồn lực đầu tư trong kỳ quy hoạch. | Tiếp thu góp ý và bổ sung tại mục III, chương 8 về Phương án phát triển kết cấu hạ tầng văn hoá, thể thao |
| 12 | 3. Trong quá trình triển khai xây dựng Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đề nghị UBND tỉnh Thừa Thiên Huế quan tâm, thường xuyên phối hợp với UBND tỉnh Thanh Hóa, để đảm bảo sự kết nối không gian, hạ tầng kỹ thuật giữa 2 tỉnh trong việc thực hiện Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và một số quy hoạch khác; đồng thời, tăng cường việc kết nối các đầu mối giao thông quan trọng như Cảng hàng không Thọ Xuân, Cảng nước sâu Nghi Sơn, nhằm khai thác có hiệu quả các nguồn lực để cùng phát triển. | Tỉnh luôn quan tâm đến việc phát triển liên kết với các tỉnh trong Vùng |

## Tỉnh Nghệ An (CV số 2006/UBND-KT ngày 23/3/2023)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | Đề nghị nghiên cứu rà soát, bổ sung một số nội dung sau:  - Bổ sung các căn cứ: Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030; Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam đồng thời lồng ghép các nội dung trên trong dự thảo Quy hoạch đảm bảo phù hợp với các mục tiêu, định hướng của Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ. | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa trong Báo cáo |
| 2 | - Bổ sung giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu để thực hiện đúng cam kết của Việt Nam tại Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia công ước khung Liên hợp quốc về biển đổi khí hậu để xác định mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính vào năm 2030, nhằm góp phần thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. | Tiếp thu bổ sung tại mục 4.4.3, chương 11. |

## Tỉnh Quảng Ngãi (CV số 489/SKHĐT-TH ngày 21/3/2023)

| **Stt** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | 1. Về cơ bản tỉnh Quảng Ngãi thống nhất với các nội dung trong dự thảo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế và dự thảo Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. |  |
| 2 | 2. Về căn cứ pháp lý xác định Quan điểm phát triển: đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bám sát Nghị quyết 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (đã dự thảo); các Quy hoạch ngành quốc gia và Quy hoạch vùng; Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa trong Báo cáo |
| 3 | 3. Theo nội dung Nghị quyết 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã xác định ưu tiên hình thành, phát triển vùng động lực miền Trung, bao gồm khu vực ven biển các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi (sẽ tiếp tục mở rộng sau năm 2030). Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung nội dung định hướng trên vào Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế; theo đó, đặc biệt ưu tiên đẩy mạnh liên kết với các địa phương trong khu vực duyên hải Trung Bộ nhằm kết nối, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế trên tất cả các lĩnh vực, đẩy mạnh phát triển đồng bộ về cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh. | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa trong Báo cáo |
| 4 | 4. Tại mục 4.4. Phương án phát triển du lịch: ngoài nội dung liên kết, hợp tác với các địa phương liền kề, cần nghiên cứu bổ sung nội dung: “Tăng cường liên kết, hợp tác quảng bá du lịch chung cho khu vực duyên hải Trung Bộ, khai thác tốt tiềm năng phát triển du lịch trên cơ sở thế mạnh của từng địa phương để hình thành tuyến liên kết, hợp tác phát triển du lịch giữa khu vực miền Trung với Thành phố Hồ Chí Minh, Thủ đô Hà Nội, Tây Nguyên và các khu vực khác trong cả nước”. | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa trong Báo cáo |

## UBND Tỉnh Quảng Trị (CV số 645/SKH-TH ngày 30/3/2023)

| **Stt** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | 2.1. Căn cứ pháp lý:  - Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về xác định địa giới hành chính giữa tỉnh Thừa Thiên Huế và tỉnh Quảng Trị tại hai khu vực do lịch sử để lại;  - Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.  - Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;  - Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;  - Luật Giáo dục Đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;  - Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29/12/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;  - Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. | Tiếp thu góp ý đã chỉnh sửa nội dung căn cứ pháp lý. |
| 2 | 2.2. Về đánh giá hiện trạng  - Tại Bảng 33 (trang 154): So sánh mật độ cao tốc quốc lộ và đường tỉnh với cả nước, vùng Duyên hải Miền Trung và một số tỉnh lân cận: bổ sung số liệu tỉnh Quảng Trị như sau: | Tiếp thu góp ý và đã bổ sung |
| 3 | 2.3. Đối với phần phương hướng phát triển ngành giáo dục - đào tạo (Trang 346-351)  a) Về giáo dục mầm non Đề nghị cơ quan lập quy hoạch xem xét bổ sung nội dung về thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo 3 - 4 tuổi; tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ, trẻ mẫu giáo đến trường vào phần chỉ tiêu phát triển đến năm 2025 và 2030 để đảm bảo tính toàn diện và thống nhất với các cấp học khác. | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa tại mục 3.2, chương 2. |
| 4 | b) Về giáo dục tiểu học: Đề nghị cơ quan lập quy hoạch xem xét điều chỉnh nội dung “Duy trì và nâng cao chất lượng PCGD Tiểu học đúng độ tuổi mức độ III” ở phần chỉ tiêu phát triển đến năm 2025 và năm 2030 thành “Duy trì và nâng cao chất lượng PCGD Tiểu học mức độ 3” để đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành; điều chỉnh nội dung “Phối hợp với các ngành liên quan thực hiện tốt công tác tuyển dụng và bồi dưỡng giáo viên, đảm bảo đến 2025 có 100 % giáo viên đạt và trên chuẩn theo Luật Giáo dục năm 2019” ở phần chỉ tiêu phát triển đến năm 2030 thành “Phối hợp với các ngành liên quan thực hiện tốt công tác tuyển dụng và bồi dưỡng giáo viên, đảm bảo đến năm 2030, 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục năm 2019”. | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa tại tiểu mục 3.2, chương 2 |
| 5 | c) Về giáo dục trung học cơ sở: Đề nghị cơ quan lập quy hoạch xem xét điều chỉnh các nội dung: “Tỷ lệ huy động trẻ đi học đạt 92,89%” ở phần chỉ tiêu phát triển đến năm 2025 thành “Tỷ lệ huy động học sinh đi học đúng độ tuổi cấp THCS đạt 92,89%”; “Tỷ lệ huy động trẻ đi học đạt 95%” ở phần chỉ tiêu phát triển đến năm 2030 thành “Tỷ lệ huy động học sinh đi học đúng độ tuổi cấp THCS đạt 95%”; nội dung “Phối hợp với các ngành liên quan thực hiện tốt công tác tuyển dụng và bồi dưỡng giáo viên, đảm bảo đến 2025 có 100 % giáo viên đạt và trên chuẩn theo Luật Giáo dục năm 2019” ở phần chỉ tiêu phát triển đến năm 2030 thành “Phối hợp với các ngành liên quan thực hiện tốt công tác tuyển dụng và bồi dưỡng giáo viên, đảm bảo đến năm 2030, 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục năm 2019”. | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa tại mục 3.2, chương 2 |
| 6 | d) Về giáo dục đại học: Đề nghị cơ quan lập quy hoạch xem xét bổ sung nội dung: Phát triển Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị thành cơ sở 2 của Đại học Huế trên cơ sở sáp nhập Trường Cao đẳng sư phạm Quảng Trị, các cơ sở đào tạo vào Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị và thành lập mới một số trường thành viên. | Trong định hướng phát triển GDĐH, báo cáo có đề cập đến phương hướng phát triển GDĐH trên địa bàn. Tuy nhiên, Báo cáo quy hoạch không đề cập cụ thể việc sáp nhập của Đại học Huế vì thuộc phạm vi chiến lược phát triển trường của Đại học Huế. |
| 7 | 2.4. Một số nội dung khác  - Tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây (EWEC) được đánh giá là một lợi thế nổi trội để các tỉnh trong khu vực mở rộng hợp tác, tăng cường liên kết kinh tế, phát triển giao thương, trao đổi hàng hóa với cả nước và các nước trong khu vực; đặc biệt là các tỉnh miền Trung nằm trên tuyến; đồng thời; Tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây đã được xác định là một trong những tuyến hành lang chính trong Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị và Quy hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.  Vì vậy, đề nghị cơ quan lập quy hoạch, đơn vị tư vấn nghiên cứu xem xét bổ sung định hướng phát triển, hoàn thiện cơ sở hạ tầng nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng lợi thế của Tuyến Hành lang kinh tế Đông – Tây. | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa trong Báo cáo |
| 8 | - Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị được Thủ tướng Chính phủ thành lập tại Quyết định số 42/2015/QĐ-TTg ngày 16/9/2015 có phạm vi ranh giới tiếp giáp phía Bắc huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị tỉnh Quảng Trị đến năm 2035, tầm nhìn đến 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1936/QĐ-TTg ngày 11/10/2016 và Quy hoạch phân khu xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị giai đoạn 1, tỷ lệ 1/2000 được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 (Đính kèm Quyết định phê duyệt và Bản vẽ quy hoạch).  Trong đó, đường trục dọc Khu kinh tế đã đầu tư xây dựng đoạn từ Nam cầu Cửa Việt đến ĐT.582b; đoạn từ ĐT.582b đến ranh giới Quảng Trị - Thừa Thiên Huế dài khoảng 5km đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050; đề nghị Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế bổ sung quy hoạch tuyến giao thông kết nối với tuyến đường trục dọc Khu kinh tế Đông Nam tỉnh Quảng Trị. Bên cạnh đó, để đảm bảo tính kết nối liên vùng, liên khu vực thuận lợi cho việc lưu thông, phát triển của khu vực và tránh chồng chéo, đề nghị cơ quan lập quy hoạch, đơn vị tư vấn nghiên cứu, xem xét Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị được duyệt để đề xuất phương án quy hoạch, liên kết vùng phù hợp với định hướng phát triển của Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị. | Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế đã quan tâm đến các tuyến giao thông đẩy mạnh kết nối các địa phương trong vùng |
| 9 | - Đối với tuyến Quốc lộ 49B: Do đoạn tuyến đi qua các khu vực đan xen lẫn nhau thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế; do đó kính đề nghị UBND tỉnh Thừa Thiên Huế xem xét nghiên cứu đề xuất Bộ, ngành Trung ương bố trí nguồn vốn đầu tư nâng cấp mở rộng tuyến đường theo Quy hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (đường cấp III, 2-4 làn xe); tạo điều kiện cho người và phương tiện lưu thông trên tuyến đảm bảo an toàn, thuận lợi.  Tại vị trí đoạn đầu tuyến Quốc lộ 49B đi qua khu vực dân cư Mỹ Chánh; đề nghị xem xét nghiên cứu điều chỉnh hướng tuyến Quốc lộ 49B nhằm hạn chế lưu lượng xe có tải trọng lớn lưu thông qua khu vực; đảm bảo an toàn giao thông cho người dân sinh sống hai bên tuyến đường. | Tiếp thu góp ý. Đoạn tuyến QL.49B đi qua khu dân cư Mỹ Chánh thuộc tỉnh Quảng Trị, do đó việc điều chỉnh hướng tuyến được triển khai trong dự án cụ thể khi đầu tư nâng cấp QL.49B |
| 10 | - Đường tránh phía Tây Quốc lộ 1, tỉnh Quảng Trị đã được UBND tỉnh Quảng Trị chấp thuận điều chỉnh, bổ sung vào Quy hoạch phát triển Giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và cập nhật vàoQuy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050; tuyến đi song song về phía Tây Quốc lộ 1 (cơ bản đi dọc hành lang của tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam), điểm cuối tuyến tại ranh giới tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế, cách Quốc lộ 1 khoảng 3,0km về phía Tây; đề nghị cơ quan lập quy hoạch, đơn vị tư vấn bổ sung quy hoạch tuyến kết nối với điểm cuối của dự án, đảm bảo kết nối thông suốt, thuận lợi cho việc đi lại của nhân dân, khai thác quỹ đất phía Tây của Tỉnh. | Theo quy hoạch tuyến tránh phía tây QL.1 đoạn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị sẽ kết nối vào tuyến đường tỉnh 16B của tỉnh Thừa Thiên Huế |

## Tỉnh Quảng Bình (CV số 543/UBND-TH ngày 28/3/2023)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | Sau khi nghiên cứu, UBND tỉnh Quảng Bình nhận thấy nội dung Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên - Huế đã cơ bản tuân thủ theo Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên – Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; quy định của Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017, Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.  Do đó UBND tỉnh Quảng Bình thống nhất với Hồ sơ dự thảo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên - Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.  Đồng thời, đề nghị tỉnh Thừa Thiên - Huế tiếp tục phối hợp để đưa vào Quy hoạch của 02 tỉnh những nội dung liên kết, tạo điều kiện, hỗ trợ cùng phát triển, đặc biệt là kết nối về phát triển kinh tế biển, kết nối các tuyến du lịch của Quảng Bình với các địa điểm du lịch nổi tiếng của Thừa Thiên - Huế và các tỉnh duyên hải miền Trung (trong đó chú trọng phát huy giá trị Di sản thiên nhiên thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng của Quảng Bình và các Di sản văn hoá thế giới Quần thể di tích Cố đô Huế của Thừa Thiên - Huế).... nhằm phát triển vùng trở thành khu vực trọng điểm du lịch của cả nước mang tầm khu vực và quốc tế theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về Phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. | Tỉnh luôn ưu tiên liên kết phát triển du lịch, kinh tế biển với các địa phương trong Vùng |

## Thành phố Đà Nẵng (CV số 1707/UBND-SKHĐT ngày 07/4/2023)

| **Stt** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | 1. Về nội dung dự thảo Quy hoạch  Trong các dự thảo về quy hoạch của tỉnh Thừa Thiên Huế do UBND tỉnh Thừa Thiên Huế chỉ đạo xây dựng' có nhiều nội dung liên quan đến “Vùng biển và đảo Hải Vân - Sơn Chà”, “Nam Hải Vân”, “đảo Sơn Chà”, “đảo Ngọc”; trong đó thể hiện quan điểm của tỉnh Thừa Thiên Huế về việc quản lý và khai thác khu vực Nam Hai Vân và hòn Sơn Trà con (đảo Sơn Chà, đảo Ngọc theo dự thảo về quy hoạch của tỉnh Thừa Thiên Huế).  Tuy nhiên, khu vực Nam Hải Vân và hòn Sơn Trà con là khu vực chưa xác định về địa giới hành chính giữa tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng. Hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đang chỉ đạo Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Đà Nẵng, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế và các Bộ, cơ quan liên quan rả soát các văn bản chỉ đạo của Đảng, quy định của pháp luật và quá trình giải quyết từ trước đến nay để xác định phương án phân định địa giới hành chính giữa 02 địa phương và trình Chính phủ xem xét. Trong thời gian chờ Thủ tướng Chính phủ giải quyết thì các địa phương cần giữ nguyên hiện trạng, đảm bảo ổn định tình hình tại khu vực nêu trên.  Do đó, việc UBND tỉnh Thừa Thiên Huế xây dựng các dự thảo về quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế trong đó đưa khu vực chưa xác định về địa giới hành chính giữa tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng vào quy hoạch tỉnh để quản lý, khai thác là không phù hợp với cơ sở pháp lý, thực trạng quản lý và chủ trương, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ hiện nay.  UBND thành phố đề nghị UBND tỉnh Thừa Thiên Huế xem xét lại các nội dung liên quan trong dự thảo và không lập quy hoạch đối với các khu vực Nam Hải Vân và hòn Sơn Trà con (đảo Sơn Chà, đảo Ngọc); chờ Thủ tướng Chính phủ xem xét, giải quyết sau đó đề xuất điều chỉnh phù hợp. | Đường địa giới hành chính giữa tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng đã có lịch sử tồn tại và ổn định lâu đời. Từ trước đến nay, tuy cách thể hiện khác nhau nhưng trong các văn bản, báo cáo điều hành của Ban Cán sự Đảng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương đều nhất trí thừa nhận rằng, về mặt ranh giới lịch sử thì khu vực từ điểm cao 724m theo đường hợp thủy qua cống Ba Cửa trên đường sắt Bắc Nam tới mép bờ biển, ra đến mũi Cửa Khẻm và đảo Sơn Chà là thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế.  Tỉnh Thừa Thiên Huế không hề có tranh chấp địa giới với thành phố Đà Nẵng, từ ngày giải phóng năm 1975 cho đến khi triển khai đo vẽ bản đồ theo Chỉ thị 364-CT chưa có vụ tranh chấp nào về mặt địa giới xảy ra ở khu vực này.  Đoạn địa giới hành chính này rất rõ ràng, dễ nhận thấy trên thực địa và đã thể hiện khá rõ trên nhiều loại bản đồ của Pháp, Mỹ từ năm 1907 đến năm 1975 và bản đồ do Tổng cục Địa chính xuất bản từ năm 1975 đến khi thực hiện Chỉ thị 364-CT. Vì vậy, Khu vực núi Hải Vân và đảo Sơn Chà thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế quản lý từ trước cho đến nay (Thừa Thiên Huế chưa bao giờ có tên gọi đảo Sơn Trà con).  Ngoài ra, ngày 24/3/2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Quyết định số 719/QĐ-BTNMT về việc phê duyệt và công bố kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2021 thì phần diện tích chồng lấn giữa hai địa phương vẫn được tính cho thành phố Đà Nẵng và tỉnh Thừa Thiên Huế.  Hiện nay, tuy Thủ tướng Chính phủ đang chỉ đạo Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Đà Nẵng, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế và các Bộ, cơ quan liên quan rà soát các văn bản chỉ đạo của Đảng, quy định của pháp luật và quá trình giải quyết từ trước đến nay để xác định phương án phân định địa giới hành chính giữa 02 địa phương và trình Chính phủ xem xét nhưng vẫn chưa có phương án cụ thể. Tỉnh Thừa Thiên Huế cũng đã nhiều lần đề nghị Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương sớm giải quyết dứt điểm để thuận tiện trong công tác quản lý địa giới hành chính cũng như các công tác khác của hai địa phương. |
| 2 | 2. Theo dự thảo Quy hoạch tỉnh, liên quan đến lĩnh vực văn hóa (kết nối không gian văn hóa - di sản; bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị di tích Hải Vân Quan...), UBND thành phố có ý kiến như sau:  - Di tích Hải Vân Quan đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng di tích cấp quốc gia tại Quyết định số 1531/QĐ-BVHTTDL ngày 14 /4/2017 (kèm theo), với diện tích khoanh vùng bảo vệ khu vực 1 là 1.269 m và diện tích khoanh vùng bảo vệ khu vực 2 là 5,350,4 m. Di tích này được nằm trong phạm vi quản lý của 02 địa phương thành phố Đà Nẵng và tỉnh Thừa Thiên Huế (khu vực này chưa xác định được địa giới hành chính giữa tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng).  - Để thực hiện công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích, ngày 20 tháng 02 năm 2019, đại diện lãnh đạo UBND tỉnh Thừa Thiên Huế và UBND thành phố Đà Nẵng đã thống nhất ký văn bản thỏa thuận về việc thực hiện công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích Hải Vân Quan (kèm theo); theo đó:  +UBND tỉnh Thừa Thiên Huế là cấp quyết định đầu tư (Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế được giao là chủ đầu tư và điều hành dự án) và UBND thành phố Đà Nẵng giao cho Sở Văn hóa và Thể thao tham gia Ban quản lý dự án.  + Nguồn vốn đầu tư được chia đều cho mỗi bên bằng 50% trên tổng mức đầu tư;  + Song song với quá trình triển khai dự án, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phối hợp với UBND thành phố Đà Nẵng chỉ đạo ngành văn hóa, thể thao và các đơn vị liên quan của hai địa phương xây dựng kế hoạch, cơ chế quản lý, duy tu, bảo dưỡng, phát huy giá trị và khai thác dịch vụ du lịch của di tích đảm bảo lợi ích chung giữa hai địa phương.  - Hiện nay, dự án Bảo tồn, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích Hải Vân Quan đã được khởi công vào ngày 19/12/2021, dự kiến dự án sẽ hoàn thành đưa vào sử dụng và phát huy giá trị di tích trong Quý IV/2023.  Do vậy, liên quan đến phạm vi quản lý di tích tại Quyết định số 1531/QĐ- BVHTTDL ngày 14 /4/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và dự án bảo tồn và phát huy giá trị di tích Hải Vân Quan, trong dự thảo quy hoạch cần phải có nội dung phối hợp giữa hai địa phương trong việc xây dựng kế hoạch, cơ chế quản lý, duy tu, bảo dưỡng, phát huy giá trị và khai thác dịch vụ du lịch của di tích đảm bảo lợi ích chung giữa hai địa phương. | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa trong Báo cáo |
| 3 | 3. Về lĩnh vực đường bộ: Đề nghị lưu ý bổ sung quy hoạch khớp nối đồng bộ các tuyến đường tỉnh lộ giữa Đà Nẵng và Thừa Thiên Huế, đặc biệt là tuyến đường ĐT601. | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa trong Báo cáo |
| 4 | 4. Về lĩnh vực đường sắt, đường thủy nội địa, cảng biển và hàng không: Đề nghị rà soát, cập nhật, đảm bảo thống nhất theo các quy hoạch chuyên ngành quốc gia đã được Thủ tưởng Chính phủ phê duyệt hoặc Bộ Giao thông vận tải đang trình phê duyệt. | Đã rà soát đảm bảo thống nhất theo các quy hoạch chuyên ngành |
| 5 | 5. Ngoài ra, đề nghị quy hoạch cần làm rõ hơn định hướng phát triển liên kết vùng, khu vực; đặc biệt mối liên hệ kết nối về giao thông vận tải với địa phương lân cận để tương trợ, phối hợp cùng phát triển (ví dụ như kết nối đường thủy, đường sắt du lịch,..) | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa trong Báo cáo |
| 6 | 6. Đối với phương án phát triển kết cấu hạ tầng cảng biển, cảng hàng không và các trung tâm logistics, cảng cạn phụ trợ các kết cấu hạ tầng này, đề nghị cần xem xét, tính đến định hướng quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng tương ứng của các địa phương trong Vùng để xác định quy mô, công suất phù hợp, tránh chồng lấn, lãng phí nguồn lực (trong đó, Đà Nẵng có Cảng biển Liên Chiểu đã được khởi công xây dựng, định hướng phát triển là cảng tổng hợp quốc gia (loại I), đến năm 2050 có công suất đạt 50 triệu tấn hàng hóa/năm, tiếp nhận tàu trọng tải từ 100.000 DWT, tàu container có sức chở đến 8.000 TEU, phát triển đồng bộ trung tâm logistics gắn với hậu cần khu bến Liên Chiểu; Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng được nâng cấp, mở rộng, đến năm 2030 có công suất đạt 25 triệu hành khách/năm và 100.000 tấn hàng hóa/năm, cấp 4E, với nhà ga hàng hóa, khu logistics chuyên dụng hàng không được đầu tư xây dựng mới, đến năm 2050 có công suất đạt 30 triệu hành khách/năm và 200.000 – 300.000 tấn hàng hóa/năm). | Quy hoạch cảng biển, cảng hàng không Thừa Thiên Huế được cập nhật phù hợp với quy hoạch cảng biển, cảng hàng không Việt Nam |

## Tỉnh Quảng Nam (CV số 1672/UBND-TH ngày 23/3/2023)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | 1. Hồ sơ dự thảo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo cơ cấu thành phần theo quy định tại Khoản 4, Điều 32, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ; nội dung quy hoạch thực hiện đầy đủ bố cục theo quy định tại Điều 27, Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017 và Điều 28, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ. Do đó, UBND tỉnh Quảng Nam cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.  2. Đồng thời, đề nghị tỉnh Thừa Thiên Huế tiếp tục phối hợp đưa vào Quy hoạch của 02 tỉnh những nội dung liên kết, tạo điều kiện hỗ trợ cùng nhau phát triển, đặc biệt là kết nối các tuyến du lịch của Thừa Thiên Huế với các địa điểm du lịch nổi tiếng của Quảng Nam và các tỉnh duyên hải Trung bộ,… nhằm phát triển Vùng trở thành khu vực trọng điểm du lịch của cả nước, mang tầm khu vực và quốc tế theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa trong Báo cáo |

## Tỉnh Ninh Thuận

| **Stt** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận thống nhất nội dung Dự thảo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế, xác định 05 trụ cột phát triển là: (1) Đẩy mạnh thực hiện ba đột phá chiến lược (hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, Phát triển nguồn nhân lực, cải cách hành chính); (2) Phát triển bền vững kinh tế biển, đầm phá; (3) Phát huy vai trò quan trọng, có tính động lực, tiềm năng khác biệt, lợi thế cạnh tranh, cơ hội nổi trội của các khu kinh tế, khu công nghiệp và các ngành trọng điểm; (4) Đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hóa-hiện đại hóa-đô thị hóa; (5) Bảo tồn, phát huy các di sản lịch sử, văn hoá, thiên nhiên và 3 ngành quan trọng, gồm: (1) Công nghiệp; (2) Dịch vụ; (3) Nông nghiệp và kinh tế biển.  Để phát huy tính liên kết vùng trong hợp tác phát triển các ngành quan trọng theo tinh thần Nghị quyết số 26/NQ-TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận đề xuất một số định hướng liên kết như sau:  - Đối với ngành Dịch vụ vận tải và logistics: Tỉnh Thừa Thiên Huế đầu tư xây dựng hệ thống cảng biển nước sâu, hướng tới xây dựng trung tâm logistics vùng tại khu kinh tế Chân Mây-Lăng Cô, Khu công nghiệp Phú Bài. Định hướng Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 -2030 phát triển Cảng tổng hợp Cà Ná có quy mô 300.000 tấn và trung tâm logistic khu vực vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của tỉnh. Để hình thành trung tâm Logistics của tỉnh và của vùng Duyên hải miền Trung, đề nghị tỉnh Thừa Thiên Huế quan tâm, xem xét bổ sung định hướng liên kết phát triển dịch vụ vận tải và logistics giữa tỉnh Thừa Thiên Huế với tỉnh Ninh Thuận. | Tỉnh luôn ưu tiên liên kết phát triển kinh tế biển, dịch vụ vận tải và logistics với các địa phương trong Vùng |
| 2 | - Đối với ngành Nông nghiệp công nghệ cao: Tỉnh Ninh Thuận đang xây dựng trở thành Trung tâm sản xuất tôm giống chất lượng cao của cả nước; tỉnh Thừa Thiên Huế có định hướng hình thành các khu nuôi trồng thủy sản tập trung ứng dụng công nghệ cao, nuôi theo quy trình VietGAP, GlobalGAP, Bio-Floc, phát triển cơ sở chế biến thức ăn, đẩy mạnh chế biến, xuất khẩu. Do đó, đề nghị Quý tỉnh nghiên cứu, bổ sung phương án liên kết phát triển trong lĩnh vực thủy sản để phát huy tiềm năng, lợi thế của từng địa phương. | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa trong Báo cáo |
| 3 | - Đối với định hướng phát triển đào tạo nguồn nhân lực: Ninh Thuận với định hướng xây dựng phân hiệu Trường Đại học Nông lâm thành Đại học Ninh Thuận, nhiệm vụ trọng tâm là đào tạo các ngành phục vụ cung cấp nhân lực cho các ngành kinh tế trọng điểm của địa phương, như: các ngành công nghiệp (năng lượng, chế biến chế tạo), du lịch, dịch vụ vận tải và logistics, nông nghiệp công nghệ cao.... ; Tỉnh Thừa Thiên Huế có thế mạnh về Giáo dục và Đào tạo, với định hướng đào tạo nhân lực trong các ngành mũi nhọn của tỉnh như: Công nghiệp đồ uống; công nghiệp may mặc; công nghiệp Silicat; công nghiệp sản xuất thuốc, hóa dược; công nghiệp sản xuất dụng cụ y tế; công nghệ sinh học; công nghiệp văn hóa; công nghệ thông tin; du lịch, bác sĩ và dược sĩ. Do đó, đề nghị Quý tỉnh nghiên cứu, bổ sung phương án liên kết phát triển giữa hai địa phương trong lĩnh vực đào tạo để trở thành trung tâm cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực Duyên hải miền Trung. | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa trong Báo cáo |

## Tỉnh Hà Tĩnh

| **Stt** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | I. Đối với dự thảo Quy hoạch  1. Góp ý chung  - Dự thảo Quy hoạch cần đánh giá mối liên kết vùng, liên kết với các tỉnh lân cận, liên kết với các tỉnh Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ, nhằm tận dụng lợi thế của từng tỉnh, từng vùng để cùng nhau phát triển gắn với thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa trong Báo cáo |
|  | - Đề nghị soát xét, nghiên cứu kỹ đến lộ trình nâng cấp và phát triển đô thị tại tỉnh Thừa Thiên Huế, theo tiêu chuẩn đánh giá về phân loại đô thị tại Nghị quyết số 26/2022/NQ-UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị (quy hoạch tỉnh mang tính tổng thể nhưng khi đi vào triển khai các bước quy hoạch sau như: quy hoạch Vùng liên huyện, quy hoạch Vùng huyện, quy hoạch chung, đánh giá chi tiết thì một số khu vực không đủ các tiêu chí để hình thành và nâng cấp đô thị). | Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát các tiêu chí, tiêu chuẩn theo quy định |
| 2 | - Đề nghị quy hoạch, khảo sát bản đồ đánh giá các mức độ và cảnh báo nguy cơ sạt lở các khu vực có địa hình phức tạp (miền núi, vùng ven biển, ven sông...) làm cơ sở để triển khai thực hiện các quy hoạch xây dựng, dự án, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, xây dựng hạ tầng xã hội. | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa trong Báo cáo |
| 3 | -Đề nghị xem xét, bổ sung một số căn cứ pháp lý như: Luật Lâm nghiệp, Luật Thủy sản, Luật Thủy lợi, Luật Phòng chống thiên tai, Luật Đa dạng sinh học, Luật Chăn nuôi, Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045, Chiến lược phát triển lâm nghiệp đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045, Đề án phòng, chống sạt lở bờ sôn bờ biển đến năm 2030,... để nghiên cứu, định hướng phát triển nông, lần nghiệp, thủy sản, phương án phát triển thủy lợi, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu đảm bảo theo đúng quy định hiện hành. | Tiếp thu góp ý đã chỉnh sửa nội dung căn cứ pháp lý |
| 4 | - Đề nghị xem xét cập nhật số liệu đến hết ngày 31/12/2022.  Về mục tiêu phát triển kinh tế, xem xét đưa thêm chỉ tiêu về kim ngạch xuất khẩu. | Thống nhất thời kỳ đánh giá quy hoạch là 2011-2020, đã có chỉ tiêu về kim ngạch xuất nhập khẩu trong phát triển ngành |
| 5 | - Xem xét bổ sung các mục tiêu và chỉ tiêu cho đến năm 2050. | Chỉ định hướng tầm nhìn đến năm 2050 |
| 6 | 2. Góp ý cụ thể  2.1.Về Thương mại  a) Về thực trạng:  - Cần bổ sung hạ tầng kho xăng dầu/kho LPG/kho LNG.  - Cần bổ sung đánh giá phát triển về thương mại điện tử và kinh tế số, lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, quản lý thị trường, an toàn thực phẩm; đánh giá thị trường xuất khẩu, nhập khẩu. | Nội dung này đã có trong báo cáo |
| 7 | b) Về định hướng  Xem xét định hướng rõ, cụ thể hơn về phát triển thương mại điện tử và kinh tế số. Đồng thời quy hoạch cụ thể về phát triển hạ tầng thương mại như hạ tầng phát triển thương mại điện tử và kinh tế số; hạ tầng dự trữ xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên hóa lỏng; trung tâm hội chợ triển lãm,...  Tại mục d.2. Khoa học và công nghệ (III. PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC) của dự thảo Quyết định Chính phủ đề nghị thay thế cụm từ “chính phủ điện tử” bằng “chính quyền điện tử”. | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa trong Báo cáo |
| 8 | - Tại mục 3.2.4. Khoa học và công nghệ trong Báo cáo tóm tắt của Dự thảo, đề nghị bỏ ý thứ 5 gộp vào ý thứ 3 thành:  Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế trở thành một trong những trung tâm về KH&CN của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và cả nước. Hình thành phát triển khu công nghệ cao, khu ươm tạo công nghệ; phát triển khu công nghệ thông tin tập trung, khu y tế công nghệ cao; Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia. Đưa khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành động lực tăng trưởng kinh tế của tỉnh trên cơ sở phát triển đồng bộ, trọng tâm, trọng điểm. | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa trong Báo cáo |
| 9 | II. Đối với Dự thảo Quyết định  Một số chỉ tiêu cần có số tuyệt đối, nhất là cuối mỗi một giai đoạn (đến năm 2030, đến năm 2050). | Thống nhất các chỉ tiêu có số tuyệt đối đến năm 2030 |
| 10 | III. Đối với Dự thảo đánh giá môi trường chiến lược  Cơ bản đồng tình. |  |

## Tỉnh Khánh Hoà

| **Stt** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | 1. Dự thảo Quy hoạch cơ bản bám sát quy định của Luật Quy hoạch năm  2017, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch; do đó, UBND tỉnh Khánh Hòa cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050. |  |
| 2 | 2. Để dự thảo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế được hoàn thiện hơn, UBND tỉnh Khánh Hòa kiến nghị bổ sung, điều chỉnh một số nội dung sau:  2.1. Về căn cứ lập quy hoạch:  Đề nghị bổ sung một số văn bản có liên quan như sau:  - Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.  - Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.  - Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/03/ 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm (2021-2025). | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa trong Báo cáo |
| 3 | 2.2. Về định hướng liên kết phát triển của hai tỉnh Khánh Hòa và Thừa Thiên Huế:  UBND tỉnh Khánh Hòa kiến nghị UBND tỉnh Thừa Thiên Huế xem xét, nghiên cứu các lĩnh vực có thể hợp tác, liên kết, tạo sự gắn bó và sức mạnh chung để cùng khai thác tiềm năng, lợi thế của hai địa phương. Trong đó, có thể xem xét nghiên cứu tăng cường liên kết vùng về mặt chính sách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển du lịch, lĩnh vực xúc tiến đầu tư, thương mại dịch vụ, y tế, chuyển đổi số,...để bám sát các định hướng phát triển dài hạn theo quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch phát triển ngành, vùng. | Tiếp thu góp ý và đã chỉnh sửa trong Báo cáo |

## Tỉnh Bình Định (CV số 647/SKHĐT-TH ngày 24/3/2023)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | Tỉnh Bình Định thống nhất với nội dung dự thảo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 |  |

## Tỉnh Bình Thuận

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Ý kiến** | **Tiếp thu/giải trình** |
| 1 | Qua nghiên cứu hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận thống nhất với nội dung dự thảo Báo cáo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. |  |

1. [↑](#footnote-ref-2)
2. 2 Chưa hoàn thành mục tiêu giai đoạn 2012-2015: có thêm 06 đô thị loại V, giai đoạn 2016-2020: có 01 đô thị loại III và 01 đô thị loại V. [↑](#footnote-ref-3)
3. Đánh giá việc thực hiện mục tiêu: Phấn đấu xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương trên cơ sở hạt nhân, đô thị trung tâm là thành phổ Huế, đõ thị vệ tinh là thành phổ mới Chân Mây - Lăng Cô, các thị xã Hương Thùy, Hương Trà, Thuận An, Phong Điền, và các thị trấn gắn với các điểm dân cư tập trung của các huyện, các khu công nghiệp, khu du lịch. Đẩy nhanh tiến độ hình thành cụm đô thị động lực Huế - Tứ Hạ - Phú Bài - Thuận An - Bình Điền trở thành khu vực nội thị thành phố Thừa Thiên Huế trong tương lai; xây dựng mới thành phố Chân Mây - Lăng Cô và các đô thị Phú Đa, Bình Điền, Phong Thu, Thanh Hà, Vinh Thanh, Vinh Hưng, A Đớt, Hồng Vân... [↑](#footnote-ref-4)
4. ### Dự kiến nâng cấp các đơn vị hành chính

   | **2022** | **2025-2030** | **2030-2045** | **Tầm nhìn 2065** |
   | --- | --- | --- | --- |
   | ĐTH: 52,8% *(9 đơn vị HC gồm 1* thành phố, 8 huyện] | ĐTH khoảng 70% | ĐTH khoảng 75% | ĐTH khoảng 80% |
   | Đến 2025 (9 đơn vị HC gồm 3 quận, 2 thị xã và 4 huyện, | Đến 2045 (10 đơn vị HC gồm 4 quận, 1 thành phố, 1 thị xã và 4 huyện, | Đến 2045 (10 đơn vị HC gồm 4 quận, 1 thành phố, 1 thị xã và 4 huyện, |
   | Đến 2030 (10 đơn vị HC gồm 3 quận, 1 thành phố, 2 thị xã và 4 huyện |
   | Thành phố Huế | Quận phía Bắc Sông Hương | Quận phía Bắc Sông Hương | Quận phía Bắc Sông Hương |
   | Thành phố Huế | Quận phía Nam Sông Hương | Quận phía Nam Sông Hương | Quận phía Nam Sông Hương |
   | Thị xã Hương Thủy | Quận Hương Thủy | Quận Hương Thủy | Quận Hương Thủy |
   | Thị xã Hương Trà | Thị xã Hương Trà | Thị xã Hương Trà | Quận Hương Trà |
   | Thị trấn Phú Lộc- thị trấn Lăng Cô, Lộc Thủy, Lộc Tiến, Lộc Vĩnh, Vinh Hưng, Vinh Hiền, Giang Hải, Vinh Mỹ, Lộc Bình, Lộc Trì | Thành phố Chân Mây - Lăng Cô | Thành phố Chân Mây - Lăng Cô | Thành phố Chân Mây - Lăng Cô |
   | Huyện Phong Điền (TT Phong Điền, Phong An) | Thị xã Phong Điền | Đô thị Phong Điền | Đô thị Phong Điền |
   | Huyện Quảng Điền (TT Sịa) | Huyện Quảng Điền (TT Sịa, Thanh Hà) | Huyện Quảng Điền (TT Sịa, Thanh Hà, Phú Thuận (Quảng Phú), Vĩnh Tu (Quảng Ngạn, Quảng Công) | Huyện Quảng Điền (TT Sịa, Thanh Hà, Phú Thuận (Quảng Phú), Vĩnh Tu (Quảng Ngạn, Quảng Công) |
   | Huyện Phú Vang (TT Phú Đa, Vinh Thanh) | Huyện Phú Vang (TT Phú Đa, Vinh Thanh, Phú Mỹ) | Huyện Phú Vang (TT Phú Đa, Vinh Thanh, Phú Xuân, Phú An, Phú Mỹ, Phú Hồ, Phú Lương) | Huyện Phú Vang (TT Phú Đa, Vinh Thanh, Phú Xuân, Phú An, Phú Mỹ, Phú Hồ, Phú Lương) |
   | Huyện Phú Lộc - Nam Đông (TT Khe Tre, Lộc Sơn) | Huyện Phú Lộc - Nam Đông (TT Khe Tre, Lộc Sơn) | Huyện Phú Lộc - Nam Đông (TT Khe Tre, Lộc Sơn) | Huyện Phú Lộc - Nam Đông (TT Khe Tre, Lộc Sơn) |
   | Huyện A Lưới (TT A Lưới) | Huyện A Lưới (TT A Lưới, Hồng Vân, Lâm Đớt) | Huyện A Lưới (TT A Lưới, Hồng Vân, Lâm Đớt) | Huyện A Lưới (TT A Lưới, Hồng Vân, Lâm Đớt) |

   [↑](#footnote-ref-5)